Ngày soạn: 1/10/

Ngày dạy 4/10/23(6C, 6D)

**Bài 2: GÕ CỬA TRÁI TIM**

**Tiết 17, 18, 19:**

**Văn bản : TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được một số yếu tố của thơ ( thể thơ ( số tiếng), ngắt nhịp, vần, biện pháp tu từ…)

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thơ, nhân vật trữ tình, tình cảm cảm xúc thông điệp trong bài thơ.

- Năng lực nhận biết được phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, các dấu câu, hiểu được tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó và dấu câu trong văn bản

- Năng lực viết được bài văn, đoạn văn về cảm xúc về một đoạn thơ, bài thơ có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự, biết viết VB đảm bảo các bước.

\* Năng lực chung:

Năng lực nhận biết phân tích một số yếu tố của thơ,cảm thụ văn chương, sử dụng ngôn ngữ,tư duy,tự lập....

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái, sẻ chia, cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động : MỞ ĐẦU**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS lắng nghe một trích đoạn văn bản trả lời câu hỏi phát vấn  *Tôi kể chuyện nay chàng Dế Mèn*  *Tuổi trẻ xông pha ấy một phen*  *Ngờ đâu ngông cuồng và dại dột*  *Liên lụy đau lòng Choắt thân quen…*  **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Thể loại của trích đoạn văn bản.  - Tri thức ngữ văn (Một số đặc điểm của thơ: thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung của thơ; yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ/ ẩn dụ).  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu đoạn văn bản, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:  ***? Đoạn trích trên khiến em nghĩ đến văn bản nào? Thể loại của trích đoạn có khác gì với văn bản em đã học?***  - Yêu cầu HS đọc Tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi:  ***? Em hãy kể tên một số bài thơ mà em biết?***  ***? Thể loại thơ có những đặc điểm đặc trưng nào?*** |

**\*Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- GV chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho Hs nghe bài hát: ”Ba ngọn nến lung linh”, kết hợp xem video.  (1) Nội dung bài hát em vừa nghe? Cảm nhận của em về nội dung bài hát, hình ảnh em vừa xem?  (2) Từ các bài đọc SGK, em hãy nêu chủ đề bài học số 2?  **- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ**: HS quan sát video, lắng nghe bài hát, SGK suy nghĩ trả lời câu hỏi  **- HS báo cáo**: Hs báo cáo dưới hình thức cá nhân  **- Nhận xét, đánh giá** Nhận xét sản phẩm, khái quát ý dẫn vào chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề | (1) Bài hát nói về tình cảm gia đình ấm áp, ngập tràn yêu thương, hạnh phúc-> cảm động  (2) Các VB đọc hiểu có nội dung xoay quanh chủ đề tình cảm gia đình |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Nhiệm vụ 1: Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**  **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung của bài học  - Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ như thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ,...  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, tìm hiểu kiến thức qua phần giới thiệu bài học, mục tiêu để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện một trong số hoặc một số nhiệm vụ sau:  (1)Đọc phần giới thiệu bài học  (2) Nêu cách hiểu của em về ý nghĩa câu ca dao: “ Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”  ( 3) Kể tên những văn bản đọc trong bài số 2  ( 4) Những văn bản đọc nói về chủ đề gì?  - Nhận xét sản phẩm, khái quát chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề.  *Với chủ đề* ***Gõ cửa trái tim****, chúng ta hướng đến những phẩm chất tốt đẹp như: cảm nhận được tình yêu thương xung quanh mình với tất cả mọi người, mọi vật, đặc biệt là cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng và sống yêu thương, có trách nhiệm với những người thân trong gia đình.* |  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK và thảo luận theo nhóm:  *Mỗi nhóm hãy chọn ra một bài thơ mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:*  *+ Em hãy cho biết bài thơ được viết theo thể thơ gì?*  *+ Nội dung của bài thơ là gì? Bài thơ thiên về kể chuyện hay bày tỏ cảm xúc, nỗi lòng? Em hãy chỉ ra những đoạn thơ thể hiện điều đó.*  *?Kể tên một số bài thơ đã đọc và chia sẻ kinh nghiệm: Khi đọc một bài thơ, em quan tâm đến điều gì nhất?* | **A.Tri thức ngữ văn**  **I. Thơ**  - Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu  **II. Một số đặc điểm của thơ**  Các yếu tố:  Thể thơ, vần, nhịp, âm điệu, hình ảnh, biện pháp tu từ,...  - Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,…  - Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu  - Khi phân tích thơ, phải gắn nội dung với hình thức nghệ thuật, chú ý đến các đặc điểm như: vần, nhịp, thanh điệu, âm điệu, v.v…  - Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự và miêu tả |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| *- GV yêu cầu HS:* Hãy lựa chọn một bài thơ mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thơ như: thể thơ, vần, nhịp điệu, thanh điệu, âm điệu. Những đặc trưng đó có tác dụng như thế nào trong việc biểu đạt nội dung của bài thơ?  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời,trao đổi.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **+** Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm của thơ  + Tìm đọc những bài thơ về chủ đề tình cảm gia đình.  + Vẽ một bức tranh về chủ đề trên  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung văn bản**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Xuân Quỳnh và văn bản *“Chuyện cổ tích về loài người”*  b.**Phương thức thực hiện**: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm.  c. **Yêu cầu sản phẩm**: Kết quả của nhóm bằng video (hoặc dự án nhóm), phiếu học tập, câu trả lời của HS.  d. **Tổ chức thực hiện.** | |
| **Bước 1**. ***GV chuyển giao nhiệm vụ:***  ***? Trình bày dự án nghiên cứu của nhóm về tác giả, văn bản?***  **Bước *2.Thực hiện nhiệm vụ:***  ***-*** HS: trao đổi lại, thống nhất sản phẩm, trình bày các thông tin về tác giả Xuân Quỳnh, ý nghĩa của nhan đề chuyện cổ tích về loài người.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  - Dự kiến sản phẩm…  + Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi, là nhà thơ của thiếu nhi, thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng đối với những nụ mầm tươi mới đang cần được bồi đắp để bước vào đời.  + Chuyện cổ tích về loài người  *(1978)* là tác phẩm đặc sắc nổi tiếng của Xuân Quỳnh viết về nguồn gốc của loài người dành cho thiếu nhi.  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức:*  - Xuân Quỳnh được xem là nhà thơ nữ hàng đầu, cuối thế kỉ 20.  - Chủ đề XQ viết:kỉ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình.  . | **B. VĂN BẢN: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**  **I. Tìm hiểu chung văn bản:**  **1. Tác giả(sgk)**  - Truyện và thơ của bà viết cho thiếu nhi tràn đầy tình yêu thương, thể hiện qua hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo phù hợp với suy nghĩ của trẻ em.  - Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: *Lời ru mặt đất, Bầu trời trong quả trứng, Bến tàu trong thành phố,...* |
| ***Nêu xuất xứ, thể loại của văn bản?***  ***? PTBĐ được sử dụng trong VB?***  ***? Các nhân vật sự việc được kể trong bài thơ?***  ***? Nhân vật chính trong VB là ai?***  ***? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?***  .  Bố cục :2 phần.  - Sự việc: Sự thay đổi khi trẻ con xuất hiện, tình yêu thương của bố mẹ và bà dành cho các con và TGKQ.  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt* | **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ:Trích từ tập thơ “ lời ru trên mặt đất”, NXB TP mới, Hà Nội 1978.  - Thể loại : Thơ  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả  - Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo....  - Sự việc: Sự ra đời của trẻ con, sự ra đời của thiên nhiên, sự ra đời của gia đình, sự ra đời của xã hội  - Nhân vật chính: trẻ em  - Bố cục : 2 phần.  + Phần 1: Khổ 1.  -> Thế giới trước khi trẻ con ra đời.  + Phần 2: Khổ 2,3,4,5,6.  -> Thế giới sau khi trẻ con ra đời. |
| **\*Nhiệm vụ 2: Đọc-hiểu văn bản**  **\* Mục tiêu:** Giúp HS cảm nhận được sơ lược về thế giới loài người. Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ chung, thảo luận nhóm bàn.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: phiếu học tập, trả lời miệng.  \* **Tổ chức thực hiện.** | |
| ***B1:chuyển giao nhiệm vụ:*** GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS thảo luận và trả lời.  ***? Trong câu chuyện cổ tích này ai là người sinh ra đầu tiên?***  ***? Khung cảnh mà thế giới xuất hiện được nhắc đến những sự vật nào?***  ***? Em có nhận xét gì về thế giới đó?***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức* | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1.Thế giới trước khi trẻ con ra đời.**  - Trời được sinh ra trước nhất: chỉ toàn là trẻ con  - Khung cảnh:  + Không có ánh sáng, màu sắc  + Không dáng cây ngọn cỏ  + Không mặt trời  + Chỉ toàn là màu đen.  **TG đơn điệu, âm u, thiếu sức sống** |
| ***B1: chuyển giao nhiệm vụ:*** GV yêu cầu hs quan sát khổ thơ 2,3,4,5 sgk, chia 4 nhóm HS thảo luận và trả lời.  ***Nhóm 1,2: Đọc khổ thơ 2,3: Tìm những chi tiết về sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì sao lại có sự thay đổi đó.***  ***Nhóm 3,4: Đọc khổ thơ 4,5,6,7: Tìm những chi tiết về sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì sao lại có***  ***sự thay đổi đó.***  GV giao nhiệm tiếp theo cho hs:  ***? Qua phân tích em nhận thấy có những thay đổi cơ bản nào khi trẻ em xuất hiện trên trái đất?***  ***?Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào?***  ***Ý nghĩa của sư thay đổi đó?***  ***? Mỗi thành viên trong gia đình đều cho trẻ những điều rất riêng, từ đó em rút ra điều gì.***  ***?Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?***  **B2: HS thực hiện n/v thảo luận, trả lời câu hỏi**  Trẻ em có giá trị rất lớn với thế giới, trẻ em đã làm thay đổi tất cả.  + Chỉ có mẹ cho bé tình yêu sâu sắc, bế bồng và sóc chu đáo chăm  + Bà cho bé những câu chuyện ngày xưa và ngày sau  + Bố cho bé hiểu biết, kiến thức.  ->Sự khác biệt giữa VB của nhà thơ Xuân Quỳnh với những chuyện kể khác, thể hiện:  + VB của Xuân Quỳnh tập trung vào trẻ em, trẻ em là trung tâm, trẻ em có trước và mọi thứ có sau.  *->Giáo viên chốt kiến thức* | **2. Thế giới sau khi trẻ con ra đời.**  **\*Khổ 2,3:**  *- Những thay đổi về thiên nhiên:*  + Mặt trời: Giúp trẻ con nhìn rõ  + Cây, cỏ, hoa: Giúp trẻ con cảm nhận màu sắc  + Tiếng chim, làn gió: Giúp trẻ con cảm nhận âm thanh  + Sông: Giúp trẻ con có nước để tắm  + Biển: ý nghĩ, cung cấp thực phẩm, phương tiện  + Đám mây, con đường:Giúp trẻ con tập đi  **\*Khổ 4,5,6,7:**   * *Những thay đổi về con người:*   + Mẹ: Mang đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc  + Bà: Mang đến những câu chuyện ngày xưa, ngày sau  + Bố: Mang đến những hiểu biết, dạy con ngoan, biết nghĩ, có kiến thức  + Thầy giáo: Dạy dỗ cho trẻ em.  \* Sự ra đời của thiên nhiên: Thế giới Từ tối tăm sang có ánh sáng.  \* Sự ra đời của gia đình và thầy giáo.  + Mẹ: Món quà tình cảm mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ thơ chính là tình yêu của mẹ ước mong của mẹ dành cho trẻ thơ. Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương  + Bà: Những câu chuyện cồ tích đó mang đến cho trẻ thơ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiến gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bói đắp tâm hổn trẻ thơ.  + Bố: Truyền dạy những tri thức về thiên nhiên và cuộc sống, giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ.  -> Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể thiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.  + Thầy giáo: Người thầy cùng với những phương tiện dạy học đơn sơ đã mang đến cho trẻ thơ những bài học vể đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp,... giúp trẻ thơ trưởng thành. |
| ***B1: chuyển giao nhiệm vụ.***  GV hỏi học sinh.  ***? Bài thơ có giá trị gì về nội dung và nghệ thuật?***  ***? Ý nghĩa của bài thơ?***  ***? Nhan đề “Chuyện cổ tích về loài người” gợi cho em suy nghĩ gì? Tại sao một bài thơ là có nhan đề là chuyện cổ tích? Điều này có gì mâu thuẫn hay đặc biệt không?***   * Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2:HS thực hiện n/v thảo luận, trả lời câu hỏi**  ***B3. Báo cáo kết quả:*** HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***B4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức* | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:** Những gì sinh ra ở trên đời này là vì cuộc sống của con người của trẻ em. Hãy dành những gì tốt đẹp nhất cho tuổi thơ.  **2. Nghệ thuật:**  **-** Thể thơ 5 chữ:  - Phương thức: Biểu cảm (mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc)  **-** Biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê..  **3. Ý nghĩa văn bản:**  - Bài thơ đã bộc lộ tình yêu mến đối với mỗi con người nhất là trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Mọi sự sinh ra trên đời là vì trẻ em vì cuộc sống hôm nay và mai sau của trẻ em.  - **Ý nghĩa nhan đề:** Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tường tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học  **b. Nội dung:**  HS sử dụng kiến thức đã học để tham gia trò chơi: ***Hỏi nhanh, đáp gọn***.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| + GV chia lớp thành 2 đội chơi với 2 gói câu hỏi dưới hình thức trắc nghiệm. Mỗi gói có 5 câu hỏi  + Mỗi đội cử 2 HS tham gia: một HS hỏi, một HS đáp  + Thời gian chơi của mỗi đội là 1 phút.  + Đội nào trong thời gian một phút trả lời được đúng nhiều câu hỏi nhất, đội đó giành chiến thắng  **\*Gói 1:**  **Câu 1**. Trong "Chuyện cổ tích loài người", ai là người được sinh ra đầu tiên?  A. Thầy giáo  **B. Trẻ con**  C. Cha  D. Mẹ  **Câu 2**. Trẻ con sinh ra mắt sáng nhưng chưa nhìn thấy, bởi vậy mới sinh ra thứ gì?  A. Mặt trăng  B. Bóng đèn  C. Vì sao  **D. Mặt trời**  **Câu 3.** Trẻ con sinh ra vì sao cần có ngay người mẹ?  A. Để trao tình yêu và lời ru cho bé.  B. Để dạy cho bé những kiến thức ở trường lớp, sách vở.  C. Để dạy bé ngoan và biết nghĩ.  **D. Tất cả các ý trên**  **Câu 4**. Bố sinh ra đã giúp trẻ em những gì?  A. Khiến bé nhìn thấy rõ mặt trời.  B. Dạy cho trẻ những kiến thức ở trường lớp, sách vở.  C. Trao tình yêu, lời ru và chăm sóc bé ân cần.  **D. Dạy cho trẻ hiểu biết: biết ngoan và biết nghĩ.**  **Câu 5.** Trong khổ thơ 6, 7, thầy giáo dạy cho bé những điều gì?  A. Dạy cho bé biết về con đường, trái đất và những ngọn núi  B. Cho bé biết mẹ yêu thương và chăm sóc bé bằng tình yêu vô bờ.  C. Dạy cho bé biết ngoan và biết nghĩ, nghe lời bố mẹ.  **D. Dạy cho bé biết học hành và biết về lịch sử loài người**.  **\* Gói 2:**  **Câu 1:** Điều gì được sinh ra trước nhất trên trái đất?  A.Người mẹ B. Cây cỏ C. Mặt trời **D. Trẻ em**  **Câu 2**: Nghệ thuật gì đặc trưng nhất trong bài thơ?  A.So sánh B. Nhân hóa **C. Điệp ngữ** D. Ẩn dụ  **Câu 3:** Sự xuất hiện của người mẹ mang đến những điều gì cho trẻ con?   1. Tình yêu, sự chở che 2. Tình yêu 3. **Tình yêu và lời ru** 4. Lời ru   **Câu 4:** Tại sao mặt trời xuất hiện?   1. **Để giúp trẻ con nhìn rõ** 2. Để chiếu sáng muôn loài 3. Đê cỏ cây phát triển 4. Để bố mẹ đi làm   **Câu 5**. Dòng nào dưới đây nói đúng và đủ nội dung của bài?  A. Trẻ em mới là người được sinh ra đầu tiên trên trái đất, không phải cha mẹ hay thầy cô giáo.  B. Trẻ em là sinh ra rất nhỏ bé và yếu đuối, cần được chăm sóc, dạy dỗ và che chở.  C. Mọi vật sinh ra trên trái đất đều là vì con người, vì trẻ em. Hãy dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất.  **D. Tất cả các ý trên**  **- HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thực hiện trò chơi  **- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Đáp án gói 1 | B | D | D | D | D | | Đáp án gó 2 | D | C | C | A | D | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  \* **Mục tiêu**: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  \* **Nhiệm vụ**: HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV về thơ , đặc điểm của thơ.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân  \* **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  \* **Tổ chức thực hiện**: | |
| ?Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người***.  -HS vận dụng kiến thức đã học và sự cảm thụ của bản thân viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một đoạn thơ yêu thích trong bài thơ  **GV gợi ý***:*  **- Bước 1**: Lựa chọn một trong các đoạn thơ: đoạn thơ nói về sự thay đổi của thếgiới khi trẻ em xuất hiện; đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ; đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi; đoạn thơ bố dạy cho sự hiểu biết; đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo, v.v...  **- Bước 2:** Sau khi tìm đoạn thơ yêu thích; xác định nội dung chính, những yếu tố nghệ thuật nổi bật và cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.  **- Bước 3**: Tiến hành viết đoạn văn:  + Câu mở đầu cần giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung của em về đoạn thơ.  + Các câu tiếp theo thể hiện cảm xúc đối với các khía cạnh nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.  + Câu kết đoạn: Nêu cảm nghĩ chung về đoạn thơ |  |

Ngày soạn: 4/10/

Ngày dạy: 9/10/23(6C, 6D)

**Tiết 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết và cảm nhận một số nét đặc trưng của ngôn ngữ trong tác phẩm thơ;

- Năng lực xác định và phân tích hiệu quả một số phép tu từ từ vựng (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ).

- Năng lực nhận diện và phân tích các phép tu từ từ vựng so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

\* Năng lực chung:

Năng lực sử dụng từ,tự chủ và tự học, tự đọc độc lập, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Có tình yêu và niềm tự hào về ngôn ngữ mẹ đẻ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chắt lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **NV1 : GV củng cố kiến thức đã học.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: *Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **GV chuẩn kiến thức:**  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa.  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: *Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt?*  GV có thể đưa ra gợi ý: *Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?*  *+ VD1: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.*  *(Hồ Chí Minh)*  *+ VD2:*  *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  *(Trích* ***Chinh phụ ngâm*** *– Đoàn Thị Điểm)*  *+ VD3:*  *Nhớ sao lớp học i tờ*  *Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*  *Nhớ sao ngày tháng cơ quan*  *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*  *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*  *Chày đêm nệm cối đều đều suối xa*  *(Trích* ***Việt Bắc*** *– Tố Hữu)*  -  + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng.  -- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44; GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ* đến *Từ bãi sông cát vắng*;  - GV yêu cầu HS tự làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bài tập 1 SGK trang 43 – 44;**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44  và làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **I. Khái niệm**  **1. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Ví dụ: Mặt trời xuống biển *như* hòn lửa  **2. Nhân hóa**  - *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.  -Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa  **3. Điệp ngữ**  - *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  - Điệp ngữ có 3 dạng:  + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.  + Điệp ngữ nối tiếp.  + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)  + Điệp ngữ cách quãng  - Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  - Từ ghép: Việt Nam, đất nước  - Từ láy: mênh mông  + Biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ: *nhân hóa*;  + Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa đối với dòng thơ: khiến làn gió trở nên gần gũi như con người, có nét hồn nhiên, đáng yêu như trẻ thơ.  + Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ: “rất”   * “Từ cái…”, “Từ…”   + Tác dụng:   * “rất” 🡪 Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ; * “Từ cái..”, “Từ…” 🡪 liệt kê những hình ảnh trong lời ru của mẹ.   a. Nghĩa của từ *nhô*  - *Nhô* là động từ để chỉ hành động của một sự vật vượt lên phía trên hoặc đưa ra phía trước so với những cái xung quanh.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  - Những từ trong và ngoài văn bản có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa:  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mênh mông,…  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô,… |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*;  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Dự kiến sản phẩm:  Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  Từ ghép: Việt Nam, đất nước  Từ láy: mênh mông  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **II. Bài tập**  **Bài tập 3 SGK trang 44**  - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:  + *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.  *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ:  Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim 🡺 Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài tập 4 SGK trang 44**  - Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;  - Tác dụng:  + *Thơ ngây* – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió  🡪 Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ th |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| *- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *- GV nhận xét, đánh giá theo chuẩn kiến thức.*  *GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs chuẩn bị vb 2: Mây và sóng*  *Gv chiếu phiếu HT và hướng dẫn hs* |  |

Ngày soạn :9/10/2023

Ngày dạy: 11/10/2023( 6D) 12(6C)

**Tiết 21, 22: Văn bản MÂY VÀ SÓNG**

**--** Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go--

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mây và sóng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mây và sóng*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề….

- Phát triển năng lực cảm thụ văn chương, sử dụng ngôn ngữ,tự học, tự đọc độc lập, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề ....

**2. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiểu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “Quả bóng kì diệu” , HS hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**e. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức học sinh chơi trò chơi “Quả bóng kì diệu”, học sinh lựa chọn, nghe nhạc và tìm chủ đề của bài hát.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

* **HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go và tác phẩm “Mây và sóng”. - Biết được những nét chung của văn bản (thể thơ, phương thức biểu đạt,bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ***? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go?***  **Gv** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  - GV giới thiệu : Là nhà thơ hiện đại lớn nhất của ấn Độ, từng đến Việt Nam.  - Để lại một gia tài văn học nghệ thuật đồ sộ cả về thơ, văn, nhạc, hoạ: 52 tập thơ, 42 vở kịch, 12 bộ tiểu thuyết, hơn 1.500 bức họa và nhiều truyện ngắn, bút kí khác... | **I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **1. Tác giả(skg)** | |
| - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  ***? Nêu xuất xứ của văn bản?***  ***? Bài thơ này viết theo thể thơ gì?***  ***? Xác định phương thức biểu đạt chính?***  ***? Bài thơ chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?***  ***? Em có nhận xét gì về bố cục ?***.  - Làm việc cá nhân 3 phút  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **HS**: Trình bày, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi**)**  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục tìm hiểu chi tiết. | **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Bài thơ được in trong tập *Trăng non* xuất bản năm 1909  - Thể thơ : thơ văn xuôi tự do  - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả  - Bố cục: 2 phần  + P1: Từ đầu … Từ đầu đến xanh thẳm.  🡪 câu chuyện với mẹ về những người ở trên mây và trò chơi thứ nhất của em bé.  + P2: còn lại:  🡪 câu chuyện với mẹ về những người ở trong sóng và trò chơi thứ hai của em bé. | |
| **ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu được thế giới kì diệu của những người sống trên mây và trong sóng, Lời từ chối của em bé và trò chơi sáng tạo của em bé. Nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| HĐ của thầy và trò | | Sản phẩm dự kiến |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * **Theo dõi văn bản và trả lời câu hỏi sau:**   ***? Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào?***  ***Thế giới đó có gì hấp dẫn?***  ***? Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3 phút  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | **II. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Lời mời gọi của Mây và Sóng**  - Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:  + Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về);  + Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).  Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn;  - Cách đến với họ:  + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;  + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.  - Lời mời gọi của một thế giới kì diệu, hấp dẫn với cách đến đơn giản.  - Thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn bao điều thú vị, thật khó có thể từ chối. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * **Theo dõi văn bản và trả lời câu hỏi sau:**   ***? Trước sự hấp dẫn của mây và sóng, em bé đã có lời nói nào?***  ***Vì sao em bé lại hỏi lại mây và sóng?Câu hỏi của em thể hiện điều gì ?***  ***? Thái độ của những người trên mây, trong sóng khi em bé từ chối? Vì sao họ có thái độ như vậy?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ trả lời câu hỏi  - **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | | ***2. Lời từ chối của em bé***  - Khi mới được rủ rê,mời mọc, em bé rất muốn đi chơi, em hỏi:  *“Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”*  *“Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”*  - Nhưng sau đó em đã từ chối lời mời mọc đầy quyến rũ của *mây* và *sóng* vì: “*Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”.*  “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được”  🡪Tuổi nhỏ thường ham chơi, em bé bị quyến rũ và dĩ nhiên em luyến tiếc những cuộc vui chơi, nhưng tình yêu thương mẹ đã chiến thắng  ->Tinh thần nhân văn sâu sắc của bài thơ thể hiện ở sự vượt lên ham muốn ấy. Đó chính là *sức níu giữ của tình mẫu tử.* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ  ? ***Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi nào? Trò chơi đó có gì đặc biệt?***  ? ***Em có nhận xét gì về trò chơi của em bé mà em đã sáng tạo ra? So sánh với trò chơi của mây và sóng .***  ? ***Qua trò chơi ấy em cảm nhận gì về em bé .***  ***? Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?***  ? ***Nêu suy nghĩ của em về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?*** | | ***3. Trò chơi của em bé***  - Em biến mình thành “mây” rồi thành “sóng”, còn mẹ thành  “ trăng” và “bến bờ kì lạ”.  “Con là mây và mẹ sẽ là trăng.  ***🡪*** Trò chơi của em bé rất hay,  thú vị, sáng tạo vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa  ***->Tình cảm em bé dành cho mẹ***  - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ;  - Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;  - Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển  - *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào*🡪 Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp thiên nhiên, vũ trụ mênh mông. |
| - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 3  - Giao nhiệm vụ nhóm:  + Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  + Nội dung chính của bài thơ “Mây và sóng”?  + Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Bố cục hai phần giống nhau, sự giống nhau nhưng không trùng lặp về ý và lời.  - Sáng tạo nên những hình ảnh thiên nhiên bay bổng, lung linh, kỳ ảo song vẫn rất sinh động và chân thực gợi nhiều liên tưởng.  **2. Nội dung**  - Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  **3. Ý nghĩa**  - Bài thơ ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập** | | |
| *Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.*  **:** HS viết đoạn văn  GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | |  |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức vào bài tập tình huống có vấn đề.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao bài tập cho HS  *- GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:  ***Tình huống 1****:* Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?  ***Tình huống 2****:* Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?  ***Tình huống 3****:* Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?  **Tình huống 4:** Em thử tượng tượng một trò chơi khác với em bé trong văn bản Mây và sóng.    **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết sau THTV | |  |

Ngày soạn:11/10/

Ngày dạy: 14/10/2023(6C,6D)

**Tiết 23: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ cụ thể;

- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.

- Nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.

- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

**2. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “Giải ô chữ” , HS hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**1. GV tổ chức trò chơi giải ô chữ, tìm từ khóa, HS tham gia trò chơi.**

Bộ câu hỏi:

Câu 1: Tác giả của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* là ai?

Câu 2: Rabindranath Tagore là nhà thơ của nước nào?

Câu 3: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau:

*Trời sinh ra trước nhất*

*Chỉ toàn là trẻ con*

*Trên trái đất trụi trần*

*Không [...] ngọn cỏ*

Câu 4: Bài thơ *Mây và sóng* của Tagore ngợi ca tình cảm đẹp đẽ nào của con người?

Bảng ô chữ:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **X** | **U** | **Â** | **N** | **Q** | **U** | **Ỳ** | **N** | **H** |
|  |  |  |  |  | **Ấ** | **N** | **Đ** | **Ộ** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | **D** | **Á** | **N** | **G** | **C** | **Â** | **Y** |
| **T** | **Ì** | **N** | **H** | **M** | **Ẫ** | **U** | **T** | **Ử** |  |  |  |  |

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

Ở tiết học trước, các em đã làm quen với biện pháp so sánh. Trong tiếng Việt, có một biện pháp tu từ khác rất gần với biện pháp tu từ so sánh, đó là biện pháp ẩn dụ. Nếu không để ý kỹ, chúng ta rất dễ nhầm lẫn hai biện pháp tu từ này. Vậy ẩn dụ là gì, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.

* **HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **BIỆN PHÁP TU TỪ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Trình bày được thế nào là ẩn dụ.  - Xác định được biện pháp tu từ ẩn dụ và nêu tác dụng.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| - Chia nhóm lớp và đặt câu hỏi:  + Thế nào là ẩn dụ?  + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2, 3 SGK 47  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  **GV:** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang phần dấu câu. | **I. Biện pháp tu từ**  **1. Khái niệm ẩn dụ**  - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Luyện tập**  ***Bài tập 1:***  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn.  - “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí.  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời.  ***Bài tập 2***  - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vầng trăng bạc”: ẩn dụ;  - Tác dụng:  + “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng 🡪 gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian.  + “Vầng trăng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.  🡺Những hình ảnh ẩn dụ đã mở ra một khôn gian thiên nhiên, rực rỡ, lấp lánh ánh sáng, sắc màu vô cùng quyến rũ, khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống.  ***Bài tập 3:***  *Con là sóng và mẹ là bến bờ kì lạ*  *Con* ***lăn, lăn, lăn*** *mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan*  *vào lòng mẹ.*  *🡪* Điệp ngữ: *lăn*  *🡺* Tác dụng: *Vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát. Từ đó gợi lên hình ảnh em bé vô tư, hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.* | |
| 1. **DẤU CÂU** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS:  - Nắm được công dụng của dấu ngoặc kép  - Nhận diện dấu ngoặc kép trong văn bản “Mây và sóng”  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm cặp đôi  - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nêu Công dụng của dấu ngoặc kép  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 4.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần đại từ. | | **II. Dấu câu**  **1. Công dụng dấu ngoặc kép**  - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;  - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;  - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt.  **2. Bài tập**  ***Bài tập 4:*** Trong bài *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Dấu câu được sử dụng để đánh đánh dấu lời nói trực tiếp ấy là dấu ngoặc kép. |
| 1. **ĐẠI TỪ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nhận biết đại từ và so sánh được các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều trong một ngữ cảnh cụ thể.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **?*****Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết và hay sử dụng.***  + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 5,6 SGK/52  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập SGK  **GV** hướng dẫn HS cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | | **III. Đại từ**  - Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...);  - Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi:  + Ngôi 1   * Số ít: tôi/tao/tớ/ta * Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ   + Ngôi 2   * Số ít: mày/mi/ngươi/bạn * Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay   + Ngôi 3   * Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy   Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ  ***Bài tập 5***  - *Bọn tớ* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều.  - *Bọn tớ* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.  ***Bài tập 6***  - *Chúng ta*, *bọn mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.  - *Chúng tôi*, *bọn mình*, *chúng tới*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.  - *Bọn tớ*: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói  🡪 Có thể chọn những từ *bọn mình*, *chúng tớ* thay cho *bọn tớ*. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | | |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS hoàn thành bài tập nhóm.  Bài tập: Xác định và chỉ ra ý nghĩa của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ sau:  Nhóm 1, nhóm 2:  *Em thấy cơn mưa rào*  *Ướt tiếng cười của bố*  (Phan Thế Cải, *Chiếc võng của bố)*  Nhóm 3, nhóm 4:  *Uống nước nhớ nguồn*  (Tục ngữ)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Nhóm 1, nhóm 2:  .  + Nhóm 3, nhóm 4:  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | | **Bài tập :**  - Em thấy cơn mưa rào/ Ướt tiếng cười của bố:  + Biểu hiện của biện pháp tu từ ẩn dụ: *ướt.*  + Từ *ướt* vốnchỉ trạng thái của sự vật có hình khối, có thể cầm nắm khi tiếp xúc với nước. Những ở đây, phép ẩn dụ khiến tiếng cười của bố như ướt đẫm dưới cơn mưa rào.  + Hình ảnh ẩn dụ khiến cho câu thơ trở nên giàu cảm xúc, giàu hình ảnh và cả âm thanh.  - Uống nước nhớ nguồn:  + Uống nước: hưởng thụ thành quả, nhận những điều tốt đẹp mà người khác mang lại.  + Nguồn: những người đã làm nên thành quả tốt đẹp ấy.  Phép ẩn dụ khiến câu tục ngữ trở nên hàm súc, cô đọng, răn dạy con người sống phải có lòng biết ơn với những người, những nơi đã đem lại điều tốt đẹp cho ta. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** | | |
| * Giáo viên giao bài tập cho HS về nhà làm   *Tưởng tượng em là em bé trong bài “Mây và sóng”. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.*  **GV** hướng dẫn hs chuẩn bị bài ở nhà | |  |

Ngày soạn: 12/10

Ngày dạy: 16/10(6C,6D)

**TIẾT 24: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**– *Tạ Duy Anh* –**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*;

**-** Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**2..Phẩm chất:**Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Tạ Duy Anh và văn bản “Bức tranh của em gái tôi”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV cho HS xem video những hình ảnh xúc động về tình anh em.

***? Các em có cảm nhận gì sau khi xem xong đoạn video trên?***

**Gv**: Nhân hậu, lòng yêu thương là một đức tính tốt rất cần trong cuộc sống nhất là đối với anh chị em trong gia đình. Để giúp các em có cách cư xử đúng đắn và thấy được lòng nhân hậu của nhân vật người em trong truyện, tiết học này, cô sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu tác phẩm “Bức tranh của em gái tôi” của nhà văn Tạ Duy Anh

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi trong phiếu, GV mời một vài HS trình bày trước lớp

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

* **HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được nét chính về nhà văn Tạ Duy Anh. Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS xem phần chú thích để trả lời câu hỏi của GV.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn?  GV bổ sung thêm về t/g | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc  ***? Văn bản “Bức tranh của em gái tôi” thuộc thể loại nào?***  ***? Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt của văn bản?***  ***? Chỉ ra các sự việc chính trong văn bản?***  ***? Em hãy xác định bố cục của văn bản?***  ***? Truyện có những nhân vật nào, ai là nhân vật chính? Vì sao?*** | **2. Tác phẩm**  - Thể loại: truyện ngắn  - Ngôi kể: thứ nhất (người kể chuyện: anh trai Kiều Phương)  - PTBĐ: Tự sự+ miêu tả  - Cốt truyện  - Bố cục: 3 phần:  + Đoạn 1: Từ đầu… *vui lắm*: giới thiệu về em gái Kiều Phương – Mèo;  + Đoạn 2: Tiếp theo… *để nó phát huy tài năng*: Tài năng của Mèo được mọi người phát hiện;  + Đoạn 3: Tiếp theo… hết: Diễn biến tâm trạng của nhân vật tối sau khi cả nhà phát hiện và quan tâm đến tài năng của Mèo.  - NV người em: là đối tượng quan sát của người anh  - Truyện tập trung diễn tả, phân tích tâm trạng của người anh trước tài năng, thành công của cô em gái.  - Nhân vật người anh là n/v trung tâm- |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*NHIỆM VỤ 2: II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chia lớp thành 5 nhóm, thực hiện nhiệm vụ thảo luận:  *Nhóm 1*: *Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh:* Khi phát hiện em chế thuốc vẽ.  *Nhóm 2*: *Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh:* Khi tài năng hội hoạ của em được phát hiện.  *Nhóm 3*: *Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh:* Khi lén xem những bức tranh.  *Nhóm 4*: *Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh:* Khi tranh của em đoạt giải.  *Nhóm 5*: *Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh:* Khi đứng trước bức tranh của em trong phòng trưng bày.  GV đặt câu hỏi:  *? Sau khi xem bức tranh đạt giải nhất của em gái, người anh đã có sự thay đổi liên tục về cảm xúc. Em hãy lí giải nguyên nhân của mỗi sắc thái cảm xúc ấy?*  *?Tại sao tác giả lại để cho người em vẽ bức tranh người anh hoàn thiện đến thế?*  *?Vậy qua bức tranh “Anh trai tôi” của em gái mình, người anh đã hiểu ra điều gì?*  *?Trong đoạn văn này t/g đó sử dụng chủ yếu nghệ thuật nào?*  *?Theo em nhân vật người anh có điểm nào đáng khen hay đáng chê?* | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**  **1. Nhân vật người anh**  *\*Từ trước cho đến lúc thấy em gái chế màu vẽ.*  - Vui vẻ thân thiết và có phần xem thường khi thấy em chế màu vẽ  *\*Khi tài năng hội hoạ của em được phát hiện*.  - Buồn bã, mặc cảm đố kị, xa lánh em khi tài năng của em được phát hiện  *\*Khi xem trộm những bức tranh của em*.  - Thấy được tài năng của em và sự kém cỏi của mình.  *\*Khi đứng trước bức tranh đoạt giải nhất của em.*  + Ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ, ân hận  -> Miêu tả nội tâm...  - Biết xấu hổ và hối hận tự nhận ra khuyết điểm của mình người a có thể thành người tốt như bức tranh của em gái. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Nhân vật Kiều Phương được quan sát và miêu tả ở những phương diện nào? (Hình dáng, cử chỉ, hành động, tài năng, thái độ với anh trai)  ? Nhận xét về cách miêu tả nhân vật. Qua các chi tiết đó, em thấy Kiều Phương là cô em gái như thế nào?  ? Điểm nào ở Kiều Phương khiến em thích nhất? Vì sao? | | **2. Nhân vật người em**   |  |  | | --- | --- | | Kiều Phương | | | Biệt danh | Mèo | | Ngoại hình | Luôn bị bôi bẩn | | Cử chỉ,  Hành động | Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai | | Tài năng | Vẽ rất đẹp | | Thái độ | Không giận dỗi, vui vẻ | | => Là cô bé hồn nhiên, có tài năng hội hoạ, tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu. | | |
| **? Nội dung chính của văn bản “Bức tranh của em gái tôi”?**  **? Ý nghĩa của văn bản.**  **? Qua cách ứng xử của hai nhân vật trong văn bản, em rút ra bài học gì?** | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.  **2. Nghệ thuật**  - Kể chuyện theo ngôi thứ nhất  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  **3. Bài học ứng xử**  - Không nên ganh ghét đố kị với tài năng của người khác  - Nhân ái, vị tha trước lỗi lầm của mọi người | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  *?Từ các văn bản “Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi”, em nhận thấy điều quan trọng nhất để gắn kết các thành viên trong gia đình?*  *- GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:  ***Tình huống 1:***Nếu em có một khả năng đặc biệt nào đó so với mọi người xung quanh, mọi người tự ti vì họ không giỏi bằng em và có xu hướng đố kỵ. Trong trường hợp đó, em sẽ làm gì?  ***Tình huống 2:***Nếu em thấy bạn khác thông minh, giỏi hơn mình và được mọi người công nhận. Em cũng muốn được người khác công nhận mình như thế, em có buồn vì bạn giỏi hơn mình không? Em sẽ làm gì để em và bạn vẫn thân thiết với nhau? Em sẽ làm gì để mọi người công nhận em?  ***Tình huống 3:*** Nếu em thấy một người bạn của mình đang tự ti vì bạn ấy không giỏi được như người khác, em sẽ khuyên bạn điều gì?  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). |  | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  Cảm nhận của em về vẻ đẹp của ***nhân vật người anh*** trong đoạn trích *(trình bày bằng một đoạn văn từ 5-7 dòng).*  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị bài sau” Viết đoạn văn ghi lại cx về bài thơ có yếu tố TS, MT, gv chiếu PHT , Hs về nhà chuẩn bị | - HS có thể cảm nhận về vẻ đẹp của người anh:  + Người anh không chỉ đẹp hoàn hảo trong bức tranh của cô em gái mà còn đẹp cả ở sự tự nhận ra được những hạn chế của mình, đó là sự ích kỉ, tự ti, ghen ghét, đố kị và vượt qua để hướng thiện. | |

Ngày soạn:16/10/

Ngày dạy:19/10/2023(6C) 20/10(6D)

**TIẾT 25,26: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ**

**CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập ý; viết đoạn văn; chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

**2. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu thảo luận theo cặp**  + Trong hai VB ***Chuyện cổ tích về loài người*** và ***Mây và sóng***, các tác giả đã đề cập đến vấn đề gì? Việc sử dụng hình thức thơ để thể hiện điều đó có tác dụng như thế nào?  + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm của nhà thơ?  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả*”. | + Hai VB ***Chuyện cổ tích về loài người*** và ***Mây và sóng*** đề cập đến tình yêu gia đình, thiên nhiên và cuộc sống. Việc sử dụng hình thức thơ giúp nhà thơ thể hiện điều đó tốt hơn vì thơ là thể loại trữ tình, phù hợp với việc bộc lộ tình cảm.  + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB cho phép câu chuyện được tự kể, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết, mang dụng ý của tác giả mà tác giả không nhất thiết phải thể hiện một cách trực tiếp. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | |
| a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  b) Nội dung:GV hỏi, HS trả lời  c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh  d) Tổ chức thực hiện | | | |
| HĐ của thầy và trò | | | Sản phẩm dự kiến |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS:  *+ Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - GV gợi ý:  *+ Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì? Có cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả hay không?*  *+ Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không?*  - Kết nối với đề mục sau | | | ***1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả***  - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả;  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;  - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ. |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | | |
|  | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi:   1. Nhận xét về hình thức của đoạn văn mẫu? 2. Chỉ ra những câu văn giới thiệu khái quát về bài thơ (nhan đề, tên tác giả)? 3. Cảm xúc về bài thơ “Mây và sóng” của Ta-go đã được tác giả thể hiện lần lượt qua những ý nào?   - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’ câu 1,2  - Làm việc nhóm 5’ để trả lời câu hỏi 3  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | **II. Bài mẫu**:  - Hình thức: lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ viết hoa, kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm.  - Nội dung:  + Giới thiệu nhan đề, tên tác giả: nằm ở vị trí mở đầu  + Nêu cảm xúc lần lượt: cảm xúc chung – đánh giá ý nghĩa các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài –chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ – khái quát cảm xúc chung | |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Nắm được cách viết đoạn văn  - Trình bày cảm xúc của bản thân về bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  **b) Nội dung:**  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  ? Trước khi viết em lựa chọn bài thơ nào?  ? Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  Gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng*, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.  ? Dàn ý viết đoạn văn ntn ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu bài tập  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết. | **III. Thực hành viết**  **1. Trước khi viết**  *- Lựa chọn đề tài;*  *- Tìm ý;*   |  |  | | --- | --- | | Bài thơ đó có tên là gì ? Tác giả là ai ? |  | | Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ ? |  | | Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ |  | | Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ |  | | Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ |  |   **- Lập dàn ý.**  **\* Mở đoạn**  - Giới thiệu tác giả và bài thơ  - Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ  **\* Thân đoạn**  - Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ  - Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả  - Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ.  **\* Kết đoạn**  Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở thân đoạn).  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** | | |
| **Gv hướng dẫn hs chuẩn bị bài ở nhà: Hs chuẩn bị “ Nói và nghe”** | | | |

Ngày soạn:19/10

Ngày dạy: 21/10(6C, 6D)

TIẾT 27: NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Năng lực lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

- Năng lực nghe và nói

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực tự chủ, tự tin...

**2. Phẩm chất:** Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Đoạn video kể về mối quan hệ nào trong gia đình? Nội dung của câu chuyện đó là gì?

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

- HS trả lời câu hỏi của GV

GV nhận xét và kết nối vào bài

**\* HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý để lên ý tưởng, nội dung bài nói  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV  - HS hoàn thành phiếu tìm ý  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài nói **Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình**

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác định đề tài em định nói (việc chăm sóc, lắng nghe của cha mẹ với con cái; thái độ cư xử của con cái với cha mẹ…) | ……………………………………… |
| Những ai có liên quan đến câu chuyện? Điều gì xảy ra? Theo thứ tự như thế nào? | ……………………………………… |
| Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……………………………………… |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? | ………………………………………  ……………………………………… |
| Bài học em rút ra/ Mong muốn/ lời nhắn nhủ của em là gì? |  |

\\\

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý phiếu tìm ý & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của phiếu tìm ý  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của phiếu tìm ý  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của GV & HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em tâm đắc trong bài Chuyện cổ tích về loài người, | |  |
|  | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài Gõ cửa trái tim   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhan đề bài thơ | Nội dung chính | Đặc điểm nghệ thuật | | | | Hình ảnh | Biện pháp tu từ | Yếu tố tự sự miêu tả | |  |  |  |  |  |   Bài tập 2: Hãy chuyển thể nội dung bài thơ “Mây và sóng” thành kịch bản hoạt cảnh.  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. | |  |

Ngày soạn: 24/10

Ngày dạy: 28/10(6c,6d)

**TIẾT 28**: TRẢ BÀI VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức*:***

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.

- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

**2. Năng lực*:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

- Nhận biết được những nội dung chính và cấu trúc của một bài viết

- Có kĩ năng làm bài, biết cách sửa lỗi cho mình và cho bạn sau mỗi bài kiểm tra.

**3. Phẩm chất**:

- Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân

- Chăm chú trong học bài, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.

- Biết nhân ái, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống gắn bó với thiên nhiên và trân trọng cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra của học sinh

**2. Học sinh:** xem lại đề kiểm tra và nội dung bài đã làm được của mình

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động c ủa h ọc sinh** |
| **B1**: Gv yêu cầu học sinh nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm… mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra giữa kì trước đó.  **B2**: HS suy nghĩ, trải nghiệm riêng.  **B3**:HS trình bày  **B4**: GV nhận xét khái quát, dẫn dắt vào tiết trả bài. | Ví dụ:   * *Căn thời gian hợp lí* * *Trình bày ngay ngắn, rõ ràng hơn* * *Đọc kĩ đề, trong 5 phút vạch ý ngắn gọn ra nháp trước khi vào làm bài* * … |

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập : Đọc và chỉ ra những yếu tố tự sự và miêu tả có trong bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài thơ, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS. | 1. **Luyện tập** |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc bài thơ “Những cánh buồm” – Hoàng Trung Thông  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc  nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |  |

Ngày soạn: 22/10

Ngày dạy : 25-28/10(6C, 6D)

**Bài 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

**TIẾT 29,30,31: TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ CÔ BÉ BÁN DIÊM**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

+ Năng lực nhận biết và phân tích được người kể chuyện ngôi thứ ba;

+ Năng lực nhận biết được đặc điểm của nhân vật trong VB.

Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**2. Phẩm chất**: Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.  **HS** quan sát, suy nghĩ cá nhân và tìm ra thông điệp được truyền tải qua video “Câu chuyện về hai biển hồ”.    - Thông điệp qua video: Sống là biết chia sẻ không nên ích kỉ riêng mình.  - Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:  ? Tìm ra thông điệp của video? Em suy nghĩ gì về thông điệp này?  - Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK/ trang 59.  - GV chiếu Yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.  - Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK/60  **-** Quan sát video, tìm ra thông điệp và nêu suy nghĩ cá nhân.  - Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.  - Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.  - Quan sát và lắng nghe.  - Nhận xét ( câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

* **Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**A.TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  | **A. TRI THỨC NGỮ VĂN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV dẫn dắt: Trước khi đi vào từng VB cụ thể, chúng ta cùng đi vào phần Tri thức ngữ văn.  - HS lắng nghe;  - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi:  *? Khi nói về một nhân vật, em thường nghĩ đến những đặc điểm nào của nhân vật đó?*  *? Nhắc lại người kể chuyện ngôi thứ nhất trong các VB trước em đã được học. Theo em, trong các VB truyện kể, ngoài người kể chuyện ngôi thứ nhất, còn có thể có người kể chuyện ngôi khác được không?*  *?Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1.Miêu tả nhân vật trong truyện kể**  - Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,…);  - Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh;  - Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại;  - Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật.  **2. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Hãy chọn một truyện kể mà em yêu thích và cho biết, trong truyện kể đó, các nhân vật đã được miêu tả như thế nào?* |  |

1. **VĂN BẢN CÔ BÉ BÁN DIÊM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn An-đéc-xen và tác phẩm “Cô bé bán diêm”. Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và sử dụng trò chơi Ai nhanh hơn để tạo KK sôi nổi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và Tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn bằng các câu hỏi ngắn  ? Tác giả của VB là 1 người rất nổi tiếng, ông là ai? Năm sinh, năm mất?  ? Ông là người nước nào?  ? Nước ông thuộc khu vực nào trên thế giới ?  ? Khí hậu ở quốc gia này vào mùa đông như thế nào ?  ? Ông nổi tiếng với thể loại truyện nào ? Dành cho đối tượng nào ?  ? Đây là một số tác phẩm tiêu biểu của ông? Đố các em gọi đúng tên ?  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  - GV: bổ sung | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả:**  - Han C. An-đéc-xen  (1805 – 1875)  - Nhà văn Đan Mạch  - Nổi tiếng TG với những truyện cổ tích viết cho trẻ em.  **\*Một số TP tiêu biểu của ông**   * *Bầy chim thiên nga* * *Nàng công chúa và hạt đậu* * *Chú lính trì dũng cảm* | |
| *? Truyện “Cô bé bán diêm” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?*  *?Truyện sử dụng ngôi kể nào? Vì sao em biết?*  *? Phương thức biểu đạt của văn bản?*  *?Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  - Làm việc cá nhân 2’, cặp đôi 3’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cặp đôi.**)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **2. Tác phẩm**  - Thể loại: là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của nhà văn An-đéc-xen.  - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm.  - Ngôi kể: ngôi thứ 3  - Phương thức biểu đạt: Tự sự  - Bố cục: 3 phần  +Phần 1: Từ đầu đến “đôi tay em cứng đờ ra”: Gia cảnh của cô bé  +Phần 2: Tiếp theo đến “về chầu thượng đế” – Các lần quẹt diêm và mộng tưởng  +Phần 3: Còn lại: Cái chết của cô bé | |
| **II. Đọc-hiểu văn bản** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nắm được hoàn cảnh của cô bé bán diêm, những lần quẹt diêm và cái chết thương tâm của em bé. Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **b) Nội dung**:  - GV Tổ chức cho HS HĐ nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút)  ***? Em bé bán diêm xuât hiện trong thời gian và không gian nào? Nhận xét về thời gian, không gian đó?***  ***? Từ đó em hình dung ra em bé sống trong gia cảnh như thế nào?***  ***? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ở phần 1 hãy chỉ ra và nêu tác dụng?***  ***? Em có nhận xét gì về hoàn cảnh của cô bé bán diêm?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn nội dung tiếp theo | | **II. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm**  - Thời gian: Đêm giao thừa  - Không gian: Đường phố rét dữ dội  - Gia cảnh:  + Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán;  + Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa;  + Phải đi bán diêm để kiếm sống.  - Nghệ thuật: Tương phản, đối lập.   |  |  | | --- | --- | | ***Mọi người*** | ***Em bé*** | | - Trong nhà sáng rực đèn  - Mùi ngỗng quay sực nức  =>Đầm ấm no đủ | - Đầu trần, chân đất, đang dò dẫm trong bóng tối, chân tay lạnh cóng.  - Bụng đói  => Đói, rét | | ***Trước kia*** | ***bây giờ*** | | Ngôi nhà xinh xắn | xó tối tăm. |   **- Tác dụng:** Tô đậm thêm sự đói khổ của em bé, làm nổi bật nỗi khổ về vật chất mà cả sự mất mát về chỗ dựa tinh thần của em bé (Chỉ có bà thương yêu em nhất cũng đã mất).  *-> Một cô bé nhỏ nhoi, cô độc, đói rét, thiếu tình thương yêu, không được quan tâm, giúp đỡ.* |
| - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  ***?Theo dõi phần 2: Em bé mấy lần quẹt diêm? Mỗi lần quẹt diêm hình ảnh nào xuất hiện?Vì sao cô bé lại quẹt diêm nhiều lần như vậy?***  ***?Nghệ thuật sử dụng ở phần 2?Tác dụng?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  GV:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Tuyên truyền về quyền trẻ em, Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3 | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lần** | **Hình ảnh** | **Lí do** | | 1 | Lò sưởi | Em rét | | 2 | Bàn ăn | Em đói | | 3 | Cây thông | Em muốn được vui chơi | | 4 | Bà nội | Em nhớ bà, muốn được sống cùng bà, được yêu thương | | 5 | Hai bà cháu bay lên trời. | Đi theo bà, không còn đói rét, đau buồn. |   **2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng**  - Mỗi lần quẹt diêm là một điều kì diệu hiện ra trước mắt cô bé đó là mong ước giản dị, chân thành, chính đáng   * Nghệ thuật: Tương phản, đan xen giữa thực tại và mộng tưởng   -> nhấn mạnh nỗi bất hạnh của em bé |
| - Tổ chức cho HS HĐ chung cả lớp trả lời các câu hỏi:  *?Theo em, cô bé bán diêm có được lên Thiên đường cùng bà không, hay đó chỉ là mộng tưởng?*  *?Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó cho thấy điều gì về xã hội hiện thực trong tác phẩm?*  *? Kết thúc của truyện có hậu hay không?*  *? Tìm những chi tiết tác giả miêu tả thái độ của mọi người qua đường khi chứng kiên sự việc? Có ai có hành động nào thể hiện lòng thương dành cho em bé không?*  *? Em có nhận xét gì về thái độ của họ?*  *? Em sẽ làm gì nếu chứng kiến một tình huống như trong câu chuyện? Vì sao em lại có cách ứng xử như vậy?*  - Cho HS xem tranh và giáo dục  - Nhận xét về lòng nhân ái và sự lên án của tác giả.  - Liên hệ thực tế, giáo dục KNS, Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục nghệ thuật | | **3. Cái chết của cô bé bán diêm**  + Em bé chết vì giá rét, ở một xó tường, giữa những bao diêm  + Đôi má hồng, đôi môi đang mỉn cười  🡪 Một cái chết thương tâm.  🡪 tình yêu thương của tác giả dành cho em bé (Giá trị nhân đạo)  + Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”  🡪 Phê phán, lên án sự thờ ơ, vô cảm của XH đối với trẻ thơ (Giá trị hiện thực) |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ:  ? *Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản*?  - Cho HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi số 8/ SGK trang 66  - Tổ chức cho HS thảo luận  - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  - HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  + Tương phản, đối lập  + Cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa thực tại và mộng ảo  **2. Nội dung**  Truyện kể về cô bé bán diêm trong đêm giao thừa với cái chết đau khổ của cuộc đời bất hạnh để lại cho ta lòng cảm thương sâu sắc. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập:**  **a) Mục tiêu:** HS tóm tắt lại VB.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS tóm tắt Vb theo tranh, HS tóm tắt.  **c) Sản phẩm:** Bài tóm tắt của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| ? Chiếu tranh, yêu cầu HS dựa theo tranh và những KT đã học tóm tắt lại VB?  Chú ý giọng điệu, cách biểu cảm và trình tự VB | |  |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng: Viết kết nối với đọc**  **a) Mục tiêu**:Giúp HS  - Hs viết được đoạn văn thể hiện cách nhìn nhận của bản thân.  - Biết sử dụng ngôi kể phù hợp đề tài.  **b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn  **c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”  - Viết lại kết thúc cho truyện  - Kể cho nhà văn cảm xúc tốt đẹp do câu chuyện mang lại cho bản thân  - Chia sẻ với nhà văn về nỗi buồn, sự thờ ơ của con người trong XH hiện nay…  *- GV gợi ý:* Nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm” cho thấy hình thức đoạn văn là một bức thư. Bức thư này là bức thư nói lên suy nghĩ của em sau khi đọc xong truyện “Cô bé bán diêm”. Em có thể viết về niềm thương cảm của em dành cho cô bé bán diêm, có thể viết về sự đồng tình của em với suy nghĩ của nhà văn, hay em cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình về cái kết không có hậu giống như trong truyện cổ tích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).  Gv hướng dẫn học ở nhà: Chuẩn bị “THTV” | |  |

Ngày soạn: 27/10/23

Ngày dạy: 30/10/2023(6C, 6D)

**TIẾT 32: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

được cụm danh từ;

+Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

+ Năng lực nhật biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; nhận biết và phân tích được cụm danh từ;

Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề tự học, tự đọc độc lập, giao tiếp và hợp tác,....

**2. Phẩm chất**: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản**.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**\*HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm

- Cô gái

- Một cô gái xinh đẹp, dịu dàng đang đi trên đường

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày sản phẩm thảo luận.*

*- Dự kiến sản phẩm:*

+ Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ;

+ Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ;

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thành phần chính của câu có thể là từ và có thể là một cụm từ. Trong buổi Thực hành tiếng Việt hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ** | |
| **a)Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;  - Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Giao nhiệm vụ: HS làm vào phiếu học tập.  *- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bài tập:* So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:  (1) Tuyết/ rơi.  (2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ Tr 66.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc cặp đôi  - Nhận xét và bổ sung cho cặp đôi bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cặp đôi của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang phần mới. | **I. Mở rộng thành phần câu bằng cụm từ**  + Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ;  + Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ;  + Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết;  + Vị ngữ *rơi đầy trên đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ và địa điểm rơi của tuyết.  -> Thành phần chính của câu có thể là một từ hoặc cụm từ. |
| **2. CỤM DANH TỪ** | |
| 1. **Mục tiêu**: Giúp HS:   - Nhận biết được cụm danh từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.  - Đặt câu với cụm danh từ cho sẵn.  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm.  - HS làm việc cá nhân 3’, thảo luận 5’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Nhắc lại khái niệm: thế nào là cụm danh từ?*  *? Cụm danh từ có cấu tạo như thế nào? Lấy ví dụ cụm danh từ và phân tích cấu tạo.*  ? *Cụm danh từ thường giữ chức vụ gì trong câu?*  HS đọc phần nhận biết cụm danh từ SGK/Tr66  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **2. Cụm danh từ**  - Cụm danh từ là tổ hợp từ gồm danh từ và các từ ngữ đi kèm tạo thành**.**  - Cụm danh từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ  + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện  + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.  **-Ví dụ:** *Tóc 🡪 Mái tóc màu đen óng mượt;* |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** HS vận dụng lý thuyết vào làm bài tập  **b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1,2,3,4 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;  Nhóm 1,3: bài tập 1,2  Nhóm 2,4: bài tập 3,4  - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Bài tập**  **Bài tập 1 SGK trang 66**  Cụm danh từ trong các câu là:  a. – *khách qua đường* (*khách*: danh từ trung tâm; *qua đường*: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm);  - *lời chào hàng của em* (*lời*: danh từ trung tâm; *chào hàng*, *của em*: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm);  b. – *tất cả các ngọn nến* (*ngọn nến*: danh từ trung tâm; *tất cả các*: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (tất cả) và chỉ số lượng (các));  **Bài tập 2 SGK trang 66**  - Chỉ ra cụm danh từ đó nằm trong câu nào, đoạn nào của VB: đoạn cuối của VB;  - Cụm danh từ: *Tất cả những que diêm còn lại trong bao*  🡪 Danh từ trung tâm: *que diêm*  🡪 Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Những que diêm cháy sáng lấp lánh;*  *+ Một que diêm bị ngấm nước;*  *+ Rất nhiều que diêm trong hộp diêm ấy.*  - Cụm danh từ: *buổi sáng lạnh lẽo ấy*  🡪 Danh từ trung tâm: *buổi sáng*  🡪 Tạo ra ba cụm danh từ khác:  🡪 Danh từ trung tâm: *em gái*  🡪 Tạo ra ba cụm danh từ khác:  **Bài tập 3 SGK trang 66**  a. – *Em bé vẫn lang thang trên đường*. (Chủ ngữ là danh từ *em bé*).  - *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *em bé đáng thương*, *bụng đói rét*).  b. *– Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là danh từ em gái).  - *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất*).  - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ.  - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ :  + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (*em bé*)  + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (*đáng thương*, *bụng đói rét*; *nhỏ*, *đầu trần*, *chân đi đất*).  🡪 Những câu văn có chủ ngữ là cụm danh từ còn cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức *- GV yêu cầu HS:* Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà của mình, trong đoạn văn có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuyển giao nhiệm vụ:  Hs chuẩn bị bài ở nhà: Ôn tập giữa kì 1 |  |

Ngày soạn: 26/10/

Ngày dạy: 27/10/(6c, 6d)

**TIẾT 33: ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức**

\* Năng lực riêng:

**+** Năng lực củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì I.

+ Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

\* Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2.Phẩm chất**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.

- Một số VB đọc mới thuộc thể loại truyện đồng thoại, thơ lục bát, du kí liên quan đến chủ đề của các bài học.

- Phim ngắn, tranh ảnh minh hoạ phù hợp với các chủ đề được học.

**-** SGK, SGV Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  *- GV trình chiếu các hình ảnh có liên quan tới các văn bản đã học, HS quan sát tranh*  *để nhận diện tên tác phẩm tương ứng.*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  *- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong các tiết học trước, chúng ta đã được học về các tác phẩm thơ, văn rất hay và bổ ích. Ở giờ học ngày hôm nay, cô cùng các em sẽ cùng tổng hợp về các kiến thức của ba phân môn đã được tìm hiểu trong học kì I ở 3 chủ đề: *Tôi và các bạn, Gõ của trái tim, Yêu thương và chia sẻ*  chuẩn bị thật tốt về kiến thức và kĩ năng cho bài kiểm tra giữa kì I sắp tới nhé. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Nhắc lại các kiến thức đã học và vận dụng nó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: em đã học các bài: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ.* Hãy thống kê các văn bản đã học và lập bảng theo mẫu sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Chủ đề | Tên VB | Tác giả | Thể loại | ND | NT | |  |  |  |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | 1. **Phần văn bản**  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Chủ đề | Tên VB | Tác giả | Thể loại | ND | NT | |  |  |  |  |  |  | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Chủ đề** | **Tên VB** | **Tác giả** | **Thể loại** | **ND** | **NT** | | Tôi và các bạn | Bài học đường đời đầu tiên | Tô Hoài | Truyện ngắn | Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.  - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. | - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác  - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ. | |  | Nếu cậu muốn có một người bạn | Ăng-toan-đơ Xanh-tơ E-xu-pe-ri | Truyện ngắn | Truyện kể về hoàng tử bé và con cáo.  - Bài học về cách kết bạn cần kiên nhân và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. | - Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm  - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ.  - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc. | |  | Bắt nạt | Nguyễn Thế Hoàng Linh | Thơ | - Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. | - Điệp từ. Ngôn ngữ ngắn gọn, trong sáng, dễ hiểu.  - Thể thơ 5 chữ.  - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung. | | Gõ cửa trái tim | Chuyện cổ tích về loài người | Xuân quỳnh | Thơ | bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em | Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo. | |  | Mây và sóng | Ta-go | Thơ | Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. | - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;  - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. | |  | Bức tranh của em gái tôi | Tạ Duy Anh | Truyện | - Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ. | - Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua cách kể ngôi thứ nhất 🡪 gần gũi, đáng tin vì đó như một trải nghiệm được kể lại. | | Yêu thương và chia sẻ | Cô bé bán diêm | An-Đec-xen | Truyện | Truyện không có một lời trữ tình ngoại đề nào của tác giả, nhưng đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống. | - Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập.  - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập.  - Sáng tạo trong cách viết kết truyện | |  | Gió lạnh đầu mùa | Thạch Lam | Truyện | Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. | - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả;  - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;  - Miêu tả tinh tế | |  | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập  **b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm. Chia lớp ra thành nhiều nhóm (số lượng tùy thuộc vào số lượng HS). Mỗi nhóm sẽ thực hành trả lời 4 câu hỏi trong bài trong thời gian 3 phút. GV gọi các nhóm NX chéo và chốt kiến thức chuẩn của bài.  ***-*** *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*  ***Câu 1:*** Andersen là nhà văn nước nào?  a. Đan Mạch  b. Thụy Sĩ  c. Pháp  d. Thụy Điển  ***Câu 2:*** Nhận định nào nói đúng nhất về tính chất của truyện Cô bé bán diêm?  a. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có hậu  b. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích có hậu  c. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích thần kỳ  d. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có tính bi kịch  ***Câu 3:*** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của truyện Cô bé bán diêm?  a. Kể về số phận bất hạnh của một em bé nghèo phải đi bán diêm cả vào đêm giao thừa  b. Gián tiếp nói lên bộ mặt của xã hội nơi cô bé bán diêm sống, đó là sự thờ ơ, lãnh đạm trước hoàn cảnh khó khăn của con người  c. Thể hiện niềm thương cảm của nhà văn với những em bé nghèo khổ và những người có hoàn cảnh khó khăn  d. Cả 3 đáp án trên đều đúng  ***Câu 4:*** Các chi tiết : “chui rúc trong một xó tối tăm”, “luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”, “em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm… nhất định là cha em sẽ đánh em”, “bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu” cho ta biết những điều gì về cô bé bán diêm ?  a. Cô có một hoàn cảnh nghèo khó  b. Cô luôn bị người cha hành hạ, đánh đập  c. Cô phải sống cô đơn, thiếu tình cảm  d. Cả 3 đáp án trên đều đúng  ***Câu 5:*** Trong văn bản Cô bé bán diêm, các mộng tưởng của cô bé bán diêm mất đi khi nào?  a. Khi bà nội em hiện ra  b. Khi trời sắp sáng  c. Khi em nghĩ đến những việc sẽ bị cha mắng  d. Khi các que diêm tắt  ***Câu 6:*** Khi đánh que diêm thứ tư, em bé “nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em”. Khi em đánh tiếp những que diêm còn lại trong bao diêm, em thấy bà to lớn và đẹp lão, bà cầm lấy tay em, hai bà cháu về chầu Thượng đế.  Ý nghĩa của mộng tưởng này là gì?  a. Khao khát tình thương của bà trao cho  b. Muốn được trường sinh bất tử  c. Muốn thoát khỏi cảnh ngộ đen tối “chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa”  d. Cả a. và c. đều đúng  ***Câu 7:*** Nội dung mà tác giả muốn làm nổi bật trong câu văn sau là gì?  “Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!” , nhưng chẳng ai biết những cái kỳ diệu mà em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”.  a. Mọi người không biết vì sao cô bé bán diêm lại chết  b. Sự thông cảm của mọi người trước cái chết của cô bé bán diêm  c. Sự xót xa của mọi người trước cái chết của cô bé bán diêm  d. Mọi người không hiểu điều kỳ diệu mà cô bé bán diêm khao khát  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NHIỆM VỤ 2: Bài tập đọc-hiểu**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập sau:  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ…”*  *(Ngữ văn 6- tập 1, trang 12)*  ***Câu 1***: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  ***Câu 2***: Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.  ***Câu 3***: Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai? Nhân vật này đã đặt tên cho Dế Choắt, vì sao lại đặt tên như vậy?  ***Câu 4***: Chỉ ra biện pháp tu từ trông đoạn văn và nêu tác dụng?  ***Câu 5***: Kết thúc văn bản, Dế Choắt chết, có ý kiến cho rằng: “Dế Choắt chết là do lỗi của chị Cốc nhầm. Tội phạm gây ra cái chết của Dế Choắt là chị Cốc”em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  ***Câu 6* *:*** Hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Dế Choắt  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  1. Phần trắc nghiệm :  **2. Phần Đọc-hiểu**  **Câu 1:**  - Đoạn văn trên trích từ văn bản Bài học đường đời đầu tiên  - Tác giả: Tô Hoài  **Câu 2:**  - PTBĐ chính: Miêu tả  **Câu 3:**  - Nhân vật chính: Dế Mèn  - Dế Mèn đặt tên cho Dế Choắt như vậy vì:  + Dế Mèn thấy Dế Choắt lúc nào cũng ốm yếu  + Dế Mèn coi thường Dế Choắt  **Câu 4:**  - Phép so sánh: + So sánh “*người gầy gò và dài lêu nghêu*” với dáng "*gã nghiện thuốc phiện*” làm nổi bật dáng hình xiêu vẹo, lờ đờ, ốm yếu của Dế Choắt. + Hình ảnh “*đôi cánh ngắn củn*” được so sánh như “*người cởi trần mặc áo gi-lê”:* Đã gầy gò, liêu xiêu, lại cởi trần mặc áo gi-lê (áo chỉ dùng khoác bên ngoài áo dài) đã tạo thành một bức tranh biếm họa rất khôi hài: Thân hình trơ xương, thảm hại.  - Phép nhân hoá: *“lêu nghêu, gầy gò”* kết hợp các tính từ: *“ ngắn ngủn, bè bè, nặng nề, ngẩn ngẩn ngơ ngơ”*... nhấn mạnh vẻ bề ngoài ốm yếu, tội nghiệp, xấu xí của Dế Choắt qua cái nhìn của Dế Mèn...  **Câu 5:**  -Em không đồng ý hoàn toàn với ý kiến đó  -Vì: Nếu xét một cách trực tiếp, chị Cốc đã gây ra cái chết cho Dế Choắt, nhưng nguyên nhân gián tiếp đẩy Dế Choắt vào tình cảnh đó là do ban đầu Dế Mèn đã không suy nghĩ mà trêu chị Cốc mới dẫn đến hiểu lầm. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
|  |  |

Ngày soạn: 29/10/

Ngày dạy: 31/10/(6c,6d)

**Tiết 34+35 : KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- HS biết nắm được bài kiểm tra giữa kỳ I có hai phần: Phần đọc hiểu và phần làm văn. Phần đọc hiểu làm quen với các dạng đề phương thức biểu đạt, nêu ý nghĩa của truyện, chỉ ra được từ loại đã học… Phần làm văn biết viết một bài văn tự sự có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.

- Có kĩ năng đọc hiểu, viết đoạn văn và bài văn tự sự.

**\* Viết được đoạn văn, bài văn tự sự có cốt truyện hay, sáng tạo.**

**2. Phẩm chất**

Ý thức học tập, làm bài nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

GV: Đề kiểm tra

HS: giấy kiểm tra, bút, giấy nháp

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Phát đề**

**3. Thu bài**

*“Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất… Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:*

*- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!*

*- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.*

*Nhím nhặt chiếc que khều… Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giũ nước, quấn lên người Thỏ:*

*- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.*

*- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.*

*Nhím ra dáng nghĩ:*

*- Ừ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.*

*Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.*

(Trích “*Những chiếc áo ấm*”, Võ Quảng)

**Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (***Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).*

**Câu 1:** Thể loại của đoạn trích trên là:

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại

C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2:** Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện B. Lời của nhân vật Nhím

C. Lời của nhân vật Thỏ D. Lời của Nhím và Thỏ

**Câu 3:** Trong câu văn sau “*Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật*” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ.

**Câu 4:** Em hiểu nghĩa của từ “*tròng trành*” trong câu “*Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.”* là gì?

A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.

B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.

C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.

D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

**Câu 5:** Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.

B. Tấm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.

C. Bị thương khi cố khều tấm vải mắc trên cây.

D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

**Câu 6:** Có bao nhiêu từ láy trong đoạn văn sau?

*“Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất… Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút.”*

A. Bốn từ B. Năm từ C. Sáu từ D. Bảy từ

**Câu 7:** Từ ghép trong câu văn “*Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may*” là những từ nào?

A. Nhím rút, tấm vải B. Một chiếc, để may

C. Chiếc lông, tấm vải D. Lông nhọn, trên mình

**Câu 8:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời nhận xét sau để thể hiện đúng nhất thái độ của Nhím đối với Thỏ qua câu nói “*Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được*?”

Nhím……………. cho Thỏ.

A. Lo sợ B. Lo lắng C. Lo âu D. Lo ngại

**Câu 9** *(0.5 điểm)*:Những việc làm của Nhím dành cho Thỏ trong câu chuyện thể hiện những đức tính gì?

**Câu 10** *(1.5 điểm)*:Từ nội dung của đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

**II. VIẾT** *(4.0 điểm)*

Trong cuộc sống, ai cũng có lúc gặp khó khăn, thử thách. Những khi ấy, cần sự quan tâm, giúp đỡ từ người khác. Hãy viết bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc – hiểu**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **B** | **A** | **A** | **C** | **B** | **B** | **C** | **D** |   **Mỗi câu đúng được 0.5 điểm** | | **4.0** |
| **Câu 9** | Những việc làm của Nhím dành cho Thỏ bằng thể hiện Nhím giàu tình yêu thương bạn bè, tốt bụng, nhanh trí, biết giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn … | **0,5** |
| **Câu 10** | - HS nêu được những bài học phù hợp:  + Có lòng nhân ái, yêu thương mọi người  + Cần biết cảm thông, thấu hiểu, giúp đỡ người khác khi họ khó khăn.  + Nhanh nhẹn, linh hoạt khi xử lí các tình huống trong cuộc sống,…  *(HS rút ra 1 thông điệp hợp lí thì chấm ½ số điểm; HS rút ra từ 2-3 thông điệp có diễn giải hợp lí thì chấm điểm tối đa).* | **1.5** |
| **II. Viết (4.0 điểm)** | | |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*  Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. | 0.25 |
| c. HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - MB: Giới thiệu được trải nghiệm.  -TB: Trình bày được các sự kiện chính trong trải nghiệm:  + Sự việc bắt đầu diễn ra như thế nào?  + Những gì đã xảy ra tiếp theo? Tâm trạng, cảm xúc của bản thân?  + Em đã giải quyết vấn đề đó như thế nào? Điều gì khiến em ấn tượng nhất?  + Kết thúc sự việc đã tác động đến bản thân và mọi người như thế nào?  - KB: Những ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân. | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể giàu hình ảnh, cảm xúc, sinh động | 0.5 |

Ngày soạn: 2/11/2023

Ngày dạy: 2/11/2023( 6c) 3/11(6d)

**TIẾT 36,37 : Văn bản**

**GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

(Thạch Lam)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;

- Năng lực nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn, nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương, biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa;*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa;*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

\* Năng lực chung:

Năng lực cảm thụ văn học, hợp tác khi trao đổi, thảo luận, giải quyết vấn đề tự học, tự đọc độc lập, giao tiếp và hợp tác,....

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp

- Trung thực: làm bài tập nghiêm túc, báo cáo đúng kết quả học tập

- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

- Nhân ái: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**- Kế hoạch dạy học**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. Tiến trình dạy học**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a, Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b, Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c, Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d, Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời*:*

+ Đọc nhan đề ***Gió lạnh đầu mùa***, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

+ Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?

*Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung văn bản**  **a, Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.  **b, Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c, Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV yêu cầu HS: Đọc và giới thiệu về tác giả và các tác phẩm nổi tiếng của ông?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Nêu hiểu biết của em về văn bản?*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  *+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.*  *+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV hướng dẫn cách đọc: to, rõ ràng thể hiện rõ lời của từng nhân vật.  - HS: Đọc văn bản (3 HS đọc từng đoạn; Hoạt động cá nhân)  - | | | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  **2. Văn bản**  - *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả;  - Thể loại: truyện ngắn;  - Bố cục: 3 phần  + Đoạn 1: Từ đầu... *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh;  + Đoạn 2: Tiếp... *trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;  + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn. |
| **Nhiệm vụ 2: Đọc-hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS:  *+ Sau khi đọc VB* ***Gió lạnh đầu mùa****, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?*  *+ Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?*  *+ Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?*  *+ Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nhân vật Sơn và Lan**  *a. Buổi sáng khi ở trong nhà*  - Gia cảnh: sung túc  + Có vú già;  + Cách xưng hô:   * Cách mẹ Sơn gọi em Duyên ngay từ đầu tác phẩm: “cô Duyên” - “cô” - trang trọng; * Cách gọi mẹ của Sơn: “mợ” gia đình trung lưu   + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn;  - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em:  + *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá*;  + *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*.  Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn.  *b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ*  - Thái độ: *Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn*  - Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng:  + Gọi ra chơi;  + Hỏi: “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u mày may cho?” Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiên Quan tâm thật lòng;  + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo*, *thấy động lòng thương*, *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí*.  tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn.  *c. Chiều tối khi trở về nhà*  - Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo  Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại.  Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  *+ Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi với những đứa trẻ khác được miêu tả như thế nào?*  *+ Nhân vật Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc như thế nào? Chúng có thích chơi với Sơn và chị Lan không? Chúng có dám chơi cùng không? Tại sao?*  *+ Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật Cô bé bán diêm và bé Hiên, điền vào phiếu học tập.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn;  + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá víu, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái quá.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | | | | **2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo**  *a. Không gian/ khung cảnh*  + *Chợ vắng không, mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề*  + *Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em*  Yên ả, vắng lặng, nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó.  *b. Dáng vẻ*  + *mặc không khác ngày thường*, *vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ*;  + *môi tím lại*, *qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi*;  + *mỗi cơn gió đến*, *run lên*, *hàm răng đập vào nhau*  *c. Thái độ*  + đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo  + *đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vậpnhư biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy*;  + *giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn*   * “giương”: ngước lên và mở to có sự chú ý đặc biệt * “ngắm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong   Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó  *d. Nhân vật Hiên*  - *Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán*, *co ro đứng bên cột quánTừ nãy*: thời gian dài, *co ro*: lạnh phải khúm người lại Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ẩn nấp “dựa vào cột quán”;  - *Gọi không lại*  - *Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay*  - Khi được hỏi *bịu xịu* trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa.  *e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm*  - Giống:  + Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương;  + Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt  - Khác: |
|  | **Hiên** | | **Cô bé bán diêm** | |
| **Tên** | Có tên | | Không tên | |
| **Không gian** | Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo | | Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo | |
| **Thời gian** | Đầu mùa đông  Cái lạnh mới bắt đầu | | Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới  Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới. | |
| **Tình thương** | - Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v... | | Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ | |
| **Cái kết** | Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm | | Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  *+ Em có nhận xét gì về thái độ, hành động, cách cư xử giữa 2 nhân vật mẹ của Sơn và mẹ của Hiên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - Dự kiến sản phẩm:  \* Mẹ của Liên:  - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con  - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:  + Khép nép, nói tránh, tự trọng.  \* Mẹ của Sơn:  - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị.  - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | | **3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên**  *a. Mẹ của Hiên*  - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con  - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:  + Khép nép, nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ”. -> Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – mợ;  + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn.  Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ  *b. Mẹ của Sơn*  - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.  - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương, không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác... | | |
| - GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi bảng. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  **2. Nội dung** | | |
| **\*Hoạt động 3. Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ?Kể tóm tắt lại các sự việc chính trong văn bản: *Gió lạnh đầu mùa*?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời.  **B3. Báo cáo, thảo luận**: Hs khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu câu trả lời chưa chính xác)  **B4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | |  | | |
| **\*Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ***-*** *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | |  | | |

Ngày soạn: 6/11/2

Ngày dạy: 8/11/23( 6C, 6D)

**TIẾT 38: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được cụm ĐT,TT

- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng ĐT,TT

- Năng lực nhật biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; nhận biết và phân tích được cụm ĐT,TT;

- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm DT,TT

\* Năng lực chung:

Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề tự học, tự đọc độc lập, giao tiếp và hợp tác,....

1. **Phẩm chất**: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Em hãy nhắc lại nội dung của cụm danh từ trong bài học trước;

+ Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Đó là những ý nghĩa gì?

Chúng ta đem cho nó **cái áo bông cũ**;

Mẹ cái Hiên **rất** nghèo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

+ **Rất** bổ sung ý nghĩa cho **nghèo**.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ** | |
| **a, Mục tiêu**: Giúp HS:  - Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ;  - Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;  - Biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.  - Đặt câu với cụm động từ, tính từ.  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm.  - HS làm việc cá nhân, thảo luận hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  *Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ, cụm tính từ trong SGK trang 74 – 75, trả lời các câu hỏi:*  *1. Thế nào là cụm động từ và cụm tính từ?*  *2. Cụm động từ và tính từ có cấu tạo như thế nào? Cho ví dụ minh hoạ và phân tích cấu tạo?*  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức .  HS đọc phần nhận biết cụm động từ, cụm tính từ SGK/Tr 74.75  *Cụm động từ, cụm tính từ thường giữ chức vụ gì trong câu?* | **I. Cụm động từ và cụm tính từ:**  **1. Cụm động từ**  **-** Cụm động từ là tổ hợp từ gồm động từ và các từ ngữ bổ trợ cho động từ tạo thành.  - Cụm động từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là động từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn…  + Phần phụ sau: thường bổ sung về đối tượng, địa điểm, thời gian…  **2. Cụm tính từ**  - Cụm tính từ gồm tính từ và một số từ ngữ khác bổ nghĩa cho tính từ.  - Cụm tính từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: tính từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,... |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 6 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS:  - Làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1,2,4 SGK Tr 74.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS khác nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  **NVHT 2:**  **Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 6 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS:  -Thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập 3,5,6 SGK Tr 74,75.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **II. Bài tập**  **1. Bài tập 1 SGK trang 74**  - Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*. Ví dụ: *chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng*;  - Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi*;  - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:  + *đang chơi ở ngoài sân*;  + *đang chơi kéo co*;  + *chơi trốn tìm*.  **2. Bài tập 2 SGK trang 74**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm động từ | Động từ trung tâm | Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung | | a. | - Nhìn ra ngoài sân  - Thấy đất khô trắng | - Nhìn  - Thấy | - Hướng, địa điểm của hành động *nhìn*;  - Đối tượng của hành động *thấy*. | | b. | - Lật cái vỉ buồm;  - Lục đống quần áo rét. | Lật;  - Lục. | Đối tượng của hành động *lật*, *lục*. | | c. | Hăm hở chạy về nhà lấy quần áo | Chạy | Cách thức, hướng, địa điểm của hành động *chạy*. |   **3. Bài tập 3 SGK trang 74**  Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:  (1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.  (2) Mẹ Sơn *lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét*.  (3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  **4. Bài tập 4 SGK trang 74**  - Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*: *đã cũ*.  - Xác định tính từ trung tâm: *cũ*.  - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:  + *chưa cũ*;  + *cũ lắm*;  + *rất cũ*.  **5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm tính từ | Tính từ trung tâm | Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung | | a. | Trong hơn mọi hôm | Trong | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh | | b. | Rất nghèo | Nghèo | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ |   **6. Bài tập 6 SGK trang 75**  Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:  a. Trời rét Trời rét hơn mọi hôm;  b. Tòa nhà cao Tòa nhà cao quá;  c. Cô ấy đẹp Cô ấy đẹp vô cùng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  Bài tập 1: Vết đoạn văn khoảng 5-7 câu về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu.  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho . |  |

Ngày soạn: 8/11/

Ngày dạy: 9/11/2023( 6c) 10/11(6D)

**TIẾT 39 VĂN BẢN 3**

**CON CHÀO MÀO**

(Mai Văn Phấn)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con chào mào;*

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con chào mào.*

\* Năng lực chung:

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

+ Năng lực cảm thụ,phân tích, so sánh.

**2. Phẩm chất:** Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp,

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Con chào mào*;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**1. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*

***? Hình ảnh trên liên quan đến tác phẩm nào? Em hãy nêu chủ đề của các VB đó.***

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | |
| **1. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm :** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm;  *? Giới thiệu một vài nét chính về tác giả (Tên, năm sinh, quê quán, sự nghiệp sáng tác,…), bài thơ “* ***Con chào mào****”*  *+ Giải thích một số từ khó*  *+ Phương thức biểu đạt?*  *+ Thể loại của VB là gì?*  *+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nêu nội dung của các phần.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  - **Xuất xứ**: Bài thơ *Con chào mà*o được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.  **- Thể loại:** thơ tự do  **- Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm  **- Bố cục:** 3 phần  + Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào;  + Phần 2: Khổ 2, 3, 4: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi”muốn giữ con chim ở lại bên mình;  + Phần 3: Còn lại: hình ảnh và tiếng chim chào mào đã được nhân vật “tôi” lưu giữ trong ký ức. | |
| **Nhiệm vụ II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung và nghệ thuật bài thơ.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ 1, lần lượt trả lời các câu hỏi:  *?Hình ảnh con chim chào mào xuất hiện ở vị trí nào?*  *?Tác giả đã miêu tả mầu sắc, âm thanh của con chim chào mào ra sao?*  *?Em có nhận xét gì về hình ảnh và tiếng hót của con chào mào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng chuyển phần 2  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ 2,3, lần lượt trả lời các câu hỏi:  *? Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.*  *?Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi”“sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”?*  *?Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “rất rõ” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | | ***II. Đọc-hiểu văn bản***  ***1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào***  ***-*** Vị trí: trên cây cao chót vót 🡪 Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên.  - Màu sắc: đốm trắng màu đỏ 🡪 Màu sắc rực rỡ  - Âm thanh: hót triu... uýt... huýt... tu hìu... 🡪 Tiếng hót dài, trong trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên  => Bút pháp tả thực, bức tranh tràn ngập màu sắc và âm thanh.  ***2. Cảm xúc của nhân vật “tôi” về tiếng chim.***  *a. Lúc đầu*  - *“Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “Sợ chim bay đi”* 🡪 Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh.  *b. Lúc sau*  - “*Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”🡪* Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên  🡪 Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |
| **Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Ý nghĩa của văn bản.   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **IV. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc;  - Sử dụng phép điệp ngữ .  ***2. ý nghĩa***  - Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **1. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **2. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***-*** *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.* | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **2. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **3. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.  **Tham khảo:** Tôi thích nhất là được cùng mẹ ra thăm đồng vào buổi sớm mai. Khi ấy, mọi vật thật tinh khôi và tươi mới. Những ánh nắng đầu tiên của ngày mới rọi xuống cánh đồng làm bừng sáng cả không gian. Sương lúc này vẫn còn giăng mắc trên từng ngọn cây, lá cỏ, cả cánh đồng chìm trong màn sương sớm làm tôi có cảm giác như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh. Từng bông lúa nặng trĩu hạt lúc này như đang gượng dậy để đón chào những tia nắng ấm áp. Cánh đồng quê yêu dấu đã nuôi tôi khôn lớn, trưởng thành bằng hạt gạo trắng ngần, thơm như dòng sữa mẹ. Dù có đi đâu xa, hình ảnh về cánh đồng lúa sẽ mãi nhắc nhở tôi về một miền quê giản dị nhưng xiết bao trìu mến, thân thương.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày bài làm của mình.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. | |  |

Ngày soạn: 8/11/

Ngày dạy: 11,13 /11/23(6c,6d)

**TIẾT 40+ 41: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng :

+ Năng lực kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

+ Năng lực giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.

+ Năng lực sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | | | | | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.  - Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.  **b) Nội dung:**  **-** GV hỏi, HS trả lời.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi:  - Sắp xếp các tác phẩm sau thành 2 nhóm? Cho biết đâu là nhóm các tác phẩm kể lại 1 trải nghiệm? Vì sao?  - Em hãy chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm mà em đã viết ở bài 1?  - Trải nghiệm đó đem đến cho em bài học gì?  **GV**:  - Dự kiến KK HS gặp: Không giải thích được vì sao ? Chưa biết nêu lên bài học từ trải nghiệm.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  - Nhóm các truyện này sử dụng ngôi kể thứ mấy? kể về trải nghiệm gì?  ?*Vì sao em lại lựa chọn trải nghiệm này? Nó có ý nghĩa như thế nào với em?*  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm*”. | | | *- Nhận diện kiểu bài kể lại 1 trải nghiệm:*  *- Kể về 1 trải nghiệm của bản thân*  *- Sử dụng ngôi kể thứ nhất: người kể xưng “tôi”* | | |
| **\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** | | | | | |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**  **a) Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm ở mức độ cao hơn trên cơ sở tiết học trước:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Biết cách kể trải nghiệm của bản thân  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.  **b) Nội dung:**  **-** GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Theo em, một bài văn kể lại 1 trải nghiệm đáng nhớ cần có những yêu cầu gì?*  *? So sánh với những yêu cầu đã học ở bài 1, có điểm gì mới?*  *? Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | **I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**  - Người kể chuyện: Ngôi thứ nhất thường là người kể xưng “tôi”  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. | | | |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo kể về kỉ niệm buồn của bản thân, một lần hiểu lầm trong tình bạn.  - Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng “tôi”).  - Chỉ ra các chi tiết miêu tả cụ thể.  - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả?  ?Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  Nhóm 1: Phần nào, đoạn nào giới thiệu câu chuyện?  Nhóm 2: Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào?  Nhóm 3: Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?  Nhóm 4: Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?  Nhóm 5: Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?  Nhóm 6: Dòng, đoạn nào chỉ ra lí do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động?  .**GV** yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | | | | **II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  **Bài mẫu**:  - Kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu lầm trong tình bạn.  - Ngôi kể thứ nhất: người kể chuyện xưng “tôi”  - Các phần:  + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm.  + Đoạn 2,3,4,5,6: Tập trung vào các sự việc chính của câu chuyện.  + Đoạn 7: Nêu lên cảm xúc của bản thân.  + Đoạn 8: Chỉ ra sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.  - Các sự việc:  + Sự việc 1: Bản tổng hợp đầu năm học mà "tôi" đã chuẩn bị rất công phu bị ai đó vẽ nguệch ngoạc vào.  + Sự việc 2: "Tôi" nghĩ chắc chắn Duy là thủ phạm nhưng Duy khóc, không nhận lỗi.  + Sự việc 3: Tuấn đã đứng lên nhận lỗi trước cô giáo và cả lớp.  + Sự việc 4: "Tôi" xấu hổ và ân hận vì lỗi lầm của mình. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP- THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  **b) Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời theo trình tự thời gian? Sự việc nào để lại cho ấn tượng sâu sắc và có ý nghĩa  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.(Phiếu số 1)  HS:  - Xác định mục đích viết bài, người đọc?  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Thực hành**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? | ……  ….. | | Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? | ……  …….  …… | | Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? | ……  …… | | Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……  …… | | Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? | ……  ……  …… | | Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em? | ……  ……  …… |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu câu chuyện.  *- Thân bài*: Kể diễn biến câu chuyện.  + Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những người có liên quan.  + Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lý:  (Thời gian, không gian, nguyên nhân kết quả, mức độ quan trọng của sự việc….)  • Sự việc 1  • Sự việc 2  • Sự việc 3  • …  - *Kết bài*: Nêu cảm xúc của người viết và và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.  **2. Viết bài**  - Kể theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - - Sử dụng những yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật…  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết | | | | |
| **TRẢ BÀI** | | | | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  b) **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc và hoàn thành phiếu nhận xét  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm cặp  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập (Phiếu số 2)  - HS trình bày sản phẩm, học sinh khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | | | | **IV. Trả bài**  Bài viết đã được sửa của HS | | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | | | |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.* | | | |  | | |

Ngày soạn:11/11

Ngày dạy: 15/11, 6d)16/11(6C)

**NÓI VÀ NGHE**

**TIẾT 42: KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

+ Năng lực kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

+ Năng lực nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

+ Năng lực nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm.

\* Năng lực chung:

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận*.*

+ Năng lực tự chủ, tự tin...

**2. Phẩm chất:**

Nhân ái, trân trọng những trải nghiệm, những giá trị cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.( Phiếu số 3)

**III . TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video và trả lời câu hỏi của GV.

GV nhận xét và kết nối vào bài

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ?Trước khi nói em cần chuẩn bi những gì?  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Đánh dấu ghi lại những nội dung quan trọng trong bài viết của mình.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Đánh dấu ghi lại những nội dung quan trọng trong bài viết của mình.  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ, câu hỏi gợi ý.  ? Tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian, câu văn trình bày diễn biến, câu văn trình bày cảm xúc, câu văn thể hiện ý nghĩa…  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, nooi dung nois | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | **III. Trao đổi bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập :  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.  - GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS. | **IV. Luyện tập** |
|  | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thôn tin ngắn gọn về 2 văn bản Cô bé bán diêm và Gió lạnh đầu mùa?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản  Đặc điểm | Cô bé bán diêm | Gió lạnh đầu mùa | | Thể loại |  |  | | Nhân vật |  |  | | Người kể chuyện |  |  |   Bài tập 2: Chọn 1 truyện kể mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố của truyện trong văn bản đó.Cụ thể:  - Cốt truyện.  - Nhân vật  - Người kể chuyện  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.  **PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**  + Phiếu số 1    PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN  Họ và tên người chỉnh sửa:……………………………….  Họ và tên tác giả bài viết:…………………………………  Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  1.Bài viết giới thiệu đươc trải nghiệm đáng nhớ chưa?  ……………………….……………………………………  2. Nội dung bài viết được sắp xếp theo trình tự hợp lý chưa?  ……………………..……………………………………  3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?  ………………………...…………………………………  4. Có bổ sung nội dung cho bài viết không?( Nếu có hãy viết rõ ý bổ sung)  ……………………….……………………………………  5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn văn trong bài viết không?(Nếu có hãy viết rõ câu đoạn văn đó)  ……………………….……………………………………  6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?( Nếu có hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa)  ……………………………………………………………  + Phiếu số 2 |  |

Ngày soạn: 12/11

Ngày dạy: 16/11(6c,6d)

**TIẾT 43: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực phát hiện lỗi trong bài kiểm tra của mình và của bạn.

- Năng lực tự sửa lỗi ttrong bài kiểm tra của mình và của bạn

**\*** Năng lực chung: Tự giác, hợp tác, tư duy....

**2. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Kế hoạch dạy học, bài làm của học sinh

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* GV yêu cầu HS nhớ lại câu hỏi của đề kiểm tra cuối kì I

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **a) Mục tiêu:** Qua giờ trả bài giúp ôn lại các kiến thức đã học trong HKII. Học sinh nhận ra đư­ợc những ư­u điểm, nh­ược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài viết của mình có hướng khắc phục.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc lại đề, chữa đề.  *? Đề yêu cầu những nội dung gì?*  *? Em hãy đưa ra đáp án từng yêu cầu của đề?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đưa đáp án và thang điểm | **I. ĐỀ BÀI VÀ ĐÁP ÁN**  **(Theo tiết 32, 33)** |
| *? Bài làm của em đạt ở mức độ nào?*  *? Có những câu nào em xác định sai?*  *? Em rút ra kinh nghiệm gì qua phần bài làm này?*  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **GV nhận xét bài làm của học sinh:**  \* Ưu điểm:  - Một số bài làm nắm chắc kiến thức, trình bày đủ ý, diễn đạt lưu loát.  - Kiến thức tiếng Việt khá chắc.  - Nhiều bài chữ viết đẹp, trình bày rõ ràng, mạch lạc.  \* Nhược điểm:  - Một số bài làm sơ sài, trả lời còn chung chung, chưa đúng vào yêu cầu câu hỏi.  - Một số học sinh không xác định được yêu cầu câu hỏi, kiến thức tiếng Việt còn chưa chắc.  - Nhiều bài phần làm văn còn sơ sài, thiếu ý, diễn đạt lủng củng.  - Một số bài chữ viết xấu, chưa hoàn thành bài viết: Tuấn Linh, Đan, Hải.... | **II. NHẬN XÉT**  ***1. Ưu điểm***  -Phần đông các em nhận biết, hiểu được yêu cầu của đề ra.  -Phần trắc nghiệm các em làm khá tốt.  -Phần viết bài văn nhiều em biết trình bày bài làm rất khoa học.  -Đa số các em biết viết bài văn kể lại một trải nghiệm.  ***2. Nhược điểm***  Còn một số em lười suy nghĩ làm bài dẫn đến bài làm qua loa, sơ sài.  Trình bày cẩu thả, chữ viết xấu, tẩy xóa, bẩn.  Một số em viết chữ còn sai chính tả rất nhiều. |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn học sinh chữa lỗi trong bài viết**  GV trả bài  HS chữa lỗi trong bài viết của mình  HS trao đổi bài viết, tự kiểm tra theo cặp  GV kiểm tra một số bài viết đó chữa lỗi của học sinh.  **.**- HS xem lại bài làm, trao đổi bài với bạn để rút kinh nghiệm trong bài làm của mình  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV: đọc một số bài làm khá, giỏi  Hs chuẩn bị bài : 4 “chùm ca dao về quê hương” | **III. Trả bài- chữa lỗi** |

Ngày soạn: 15/11/23

Ngày giảng: 18,22/11/ (6C,6D)

**Bài 4**

**QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

**TIẾT 44, 45, 46 TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

- Năng lực làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

\* Năng lực chung: Năng lực cảm thụ thơ, nhận biết, phân tích, tự lập, sáng tạo.

**2.Phẩm chất:**

Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Kế hoạch dạy học

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu (giới thiệu chủ đề)**

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

b) Nội dung:

**- GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**- HS** quan sát, lắng nghe video bài hát “Quê Hương” suy nghĩ cá nhân và trả lời. <https://www.youtube.com/watch?v=1h2kZ54m5qo>

c) Sản phẩm:

- HS nêu/trình bày được

- Nội dung của bài hát: Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương Việt Nam

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

***H? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?***

- Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:

***GV giới thiệu về chủ đề:*** *“Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Quê hương là nơi tổ tiên, ông bà, cha mẹ ta đã sinh sống. Quê hương là đất đai xứ sở, truyền thống ông cha, là những điều giản dị và thân thuộc ta gắn bó hằng ngày. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người.*

*Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh,...vì thế chủ đề “Quê hương yêu dấu sẽ đưa các em đến với những văn bản ca ngợi quê hương đất nước như:* Chùm ca dao về quê hương, đất nước, Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam …

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

**GV:**- Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát.

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**HS-** Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3:** Báo cáo, thảo luận.

Trình bày những hiểu biết về chủ đề được nhắc đến.

**Bước 4:** Kết luận, nhận định (GV)

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.  **b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trảlời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của Thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần giới thiệu bài học:  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, lắng nghe, trả lời và chia sẻ về thơ lục bát.*.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức dẫn dắt vào phần tri thức ngữ văn. | **I. Giới thiệu bài học** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  - Gv yêu cầu HS đọc câu thơ sau & đặt câu hỏi:  Việt Nam đất nước ta ơi  Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn  Cánh cò bay lả rập rờn  Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”  (*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)  *? Cho biết nội dung của bài thơ? Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì?*  *? Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng?*  *? Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám?*  *? Xác định thanh điệu của các tiếng 4 –6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 4 –6 – 8 trong dòng tám tiếng?*  *? Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó?*  *? Giới thiệu ngắn gọn về thơ lục bát và chỉ ra những “dấu hiệu” của thể lục bát trong bài thơ đó đó?*  *? Em đã bắt gặp những đoạn thơ có cùng thể loại* *với đoạn thơ trên hay chưa? Hãy kể tên và đọc một đoạn cho cả lớp cùng nghe.*  *? Đọc phần tri thức ngữ văn từ đồng âm và từ đa nghĩa.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ** ( GV+ HS)  1. HS đọc bài thơ, và suy nghĩ cá nhân.  GV hướng dẫn HS đọc.  2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn  3. HS làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận** ( HS)  GV:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định** (GV)  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Ví dụ về lục bát biến thể:  *+ Con cò lặn lội bờ sông*  *Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ**non*  *+ Cưới vợ thì cưới liền tay*  *Chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha*  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn | **II. Tri thức ngữ văn**  **1. Thơ lục bát.**  - Nội dung của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước.  - Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà cácdòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng támtiếng.  *- Vần trong lục bát:* Tiếng cuối củadòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo.  *- Thanh điệu trong thơ lục bát:* Trongdòng sáu và dòng tám, các tiếng thứsáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếngthứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòngtám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ támđều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứsáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám làthanh ngang và ngược lại;  *- Nhịp thơ trong lục bát:* Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4 ,…).  **2. Lục bát biến thể.**  - Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,…  **3. Từ đồng âm và từ đa nghĩa**. |

1. Chùm ca dao về quê hương, đất nước

|  |
| --- |
| **Nhiệm vụ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** |
| **a) Mục tiêu:** HS đọc diễn cảm văn bản và hiểu được nghĩa của các từ khó  **b) Nội dung:**  - Hs đọc, quan sát SGK.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản.  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  *\* GV nêu nhiệm vụ*  - Nêu cách hiểu của em về ca dao?  - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB:  - GV yêu cầu HS tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK:  + Các từ chỉ địa danh ( Hà Nội, Lạng Sơn, Huế)  + Các từ ngữ cổ  B2: Thực hiện nhiệm vụ( GV+ HS)  HS: Đọc văn bản và tìm từ ngữ  GV: Theo dõi, hỗ trợ HS.  B3: Báo cáo, thảo luận( HS)  HS đọc văn bản  HS: Trình bày kết quả tìm được. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  GV*:* Hướng dẫn HS cách tìm từ ngữ  B4: Kết luận, nhận định (GV)  Nhận xét cách đọc của học sinh  - Nhận xét về thái độ học tập và câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  *1.* ***Khái niệm về ca dao***  - Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình càm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động.  ***2. Đọc văn bản***  ***3. Chú thích:***  - Các địa danh ở Hà Nội:  + Trấn Võ  + Thọ Xương  + Yên Thái  + Tây Hồ  - Các địa danh ở Lạng Sơn:  + xứ Lạng  + sông Tam Cờ  - Các địa danh ở Huế:  + Đông Ba  + Đập Đá  + Vĩ Dạ  + ngã ba Sình |

|  |
| --- |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản chủ đề *ca dao* *về quê hương đất nước*.  **b) Nội dung:**  - GV cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập của học sinh.  **d) Tổ chức thực hiện** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Chia lớp ra làm 3 nhóm.  - GV yêu cầu HS:  Nhóm 1:  ?Đọc các ca dao 1 và cho biết: bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?  ? Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1.  ? Trong cụm từ *mặt gương Tây Hồ*, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.  Nhóm 2:  ?Đọc bài ca dao 2 và cho biết: bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?  ? Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1.  ? Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*  Nhóm 3:  ? So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 có gì đặc biệt. Hãy chỉ ra các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v…  ? Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?  (Gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sình gợi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trăng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v…).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Ghép câu trả lời để tạo sản phẩm của nhóm  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  + Một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*   * *Ai ơi chơi lấy kẻo già*   *Măng mọc có lứa người ta có thì*  *Chơi xuân kẻo hết xuân đi*  *Cái già sòng sọc nó thì theo sau*   * *Cày đồng đang buổi ban trưa*   *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*  *Ai ơi bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  GV: đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.. | ***II. Đọc-hiểu văn bản***  *1. Bài ca dao (1)*  - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng;  - Cách gieo vần: *đà - gà, xương - sương - gương;…*  Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;  - Ngắt nhịp:  + Gió đưa/ cành trúc/ la đà  Tiếng chuông Trấn Võ/ canh gà Thọ Xương  nhịp chẵn: 2/2/2; 2/4; 4/4;  - Biện pháp tu từ:  + Ẩn dụ : *mặt gương Tây Hồ* vẻ đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm) . Vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm.  *2. Bài ca dao (2)*  - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng  - Cách gieo vần: *xa – ba, trông – sông*  Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;  - Ngắt nhịp:  + Ai ơi/ đứng lại mà trông  Kìa thành núi Lạng/ kìa sông Tam Cờ  nhịp chẵn: 2/4; 4/4  - Lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông* Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.  *3. Bài ca dao (3)*  - Lục bát biến thể:  + Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường;  + Tính chất biến thể: hai dòng đầu:   * Cả hai dòng đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng). * Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc. * - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Em hãy cho biết tác giả dân gia đã sử dụng thể thể gì để sáng tác ca dao?  ? Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người.  ? Tình cảm trong các bài ca dao 1, 2, 3 là tình cảm đối với vùng miền nào của đất nước? Tình cảm đó được bộc lộ như thế nào?  ? Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?  ? Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về bài học chùm ca dao về quê hương đất nước?  - GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   GV: hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận.**  HS:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  GV:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau.  - HS thực hiện nhiệm vụ. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước.  **2. Nội dung**  **-** Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước. |
| **\* Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| *- GV yêu cầu HS:* **:** Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích, phân tích cấu trúc thể thơ lục bát..  - HS làm bài, báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***IV. Luyện tập*** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  ? *Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.*  B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn  B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). |  |

Ngày soạn:21/11

Ngày dạy:25/11(6c,6d)

**TIẾT 47: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- HS thực hiện, giải quyết các yêu cầu, bài tập của phần *thực hành tiếng Việt*;

- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

- Năng lực nhận diện và phân biệt các từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

\* Năng lực chung: Năng lực sử dụng từ,giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác…

**2. Phẩm chất**: Yêu tiếng việt, thích và sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SGV Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV chiếu video, câu hỏi

<https://www.youtube.com/watch?v=jhvh4aMiycY>

(chiếu từ đoạn 4 phút 11 giây – đến đoạn 5 phút 16 giây) trích Hò giã gạo:

**Này hỡi anh ơi, cho em hỏi anh:**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

***?Em hãy tìm các từ giống nhau về phát âm và chữ viết của bài hát đối đáp trên?***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong các ví dụ trên, chúng ta thấy các từ có thể đồng âm nhưng khác nhau về nghĩa, bên cạnh hiện tượng đông âm chúng ta cũng thấy có hiện tượng từ thể có nhiều nghĩa và các nghĩa đó có sự liên quan với nhau. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ đồng âm và từ đa nghĩa*.

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |
| --- |
| **TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA** |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Trình bày được thế nào là từ đồng âm, từ đa nghĩa.  - Phân biệt từ đồng âm, từ đa nghĩa.  **b) Nội dung:** HS thảo luận theo nhóm  **c) Sản phẩm:**  - Phiếu học tập.  - Kết quả các bài tập trong sgk.  **d) Tổ chức thực hiện:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  - GV yêu cầu các nhóm 1+ 3:  ? Hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  - GV yêu cầu nhóm 2+4  ? Em hãy giải thích nghĩa của từ chín (1) và nghĩa của từ chín (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ? Thế nào là từ đồng nghĩa và từ đã nghĩa?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**. (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. | **I. Từ đồng âm và từ đa nghĩa**  **1. Ví dụ**  + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại thực vật; nghĩa của từ đỗ (2): chỉ trạng thái thi cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển.  Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau  + Nghĩa của từ chín (1): trạng thái nghĩ kỹ, suy xét thấu đáo, không thể hơn được nữa;  Nghĩa của từ chín (2): trạng thái của các sự vật, hiện tượng về thực phẩm (như trái cây, cơm, v.v…), là trạng thái thực phẩm không còn sống, đã đạt đến mức có thể ăn được, ăn ngon, là trạng thái cuối cùng.  Nghĩa của từ chín (1) và chín (2) có nét tương đồng.  **2. Khái niệm**  a. Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau.  b. Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.  **b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 92**  a. *Lờ đờ* ***bóng*** *ngả trăng chênh* 🡪 ***bóng***: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có;  b. ***Bóng*** *đã lăn ra khỏi đường biên dọc* 🡪 ***bóng***: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nẩy, dùng làm đồ chơi thể thao;  c. *Mặt bàn được đánh véc-ni thật* ***bóng*** 🡪 ***bóng***: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương.  🡺 Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau 🡪 từ đồng âm.  **Bài tập 2 SGK trang 92 – 93**  a. - ***Đường*** *lên xứ Lạng bao xa* 🡪 ***đường***: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác;  - *Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm* ***đường*** 🡪 ***đường***: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm;  b. – Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát 🡪 đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt;  - Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng 🡪 đồng: đơn vị tiền tệ  🡺 Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau 🡪 từ đồng âm.  **Bài tập 3 SGK trang 93**  a. *Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều* ***trái***  b. *Bố vừa mua cho em một* ***trái*** *bóng*  c. *Cách một* ***trái*** *núi với ba quãng đồng*  🡪 ***Trái*** trong ba ví dụ đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu 🡪 Từ đa nghĩa.  **Bài tập 4 SGK trang 93**  a. *Con cò có cái* ***cổ*** *cao* 🡪 ***Cổ***: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân;  b. *Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao* ***cổ*** 🡪 ***Cổ***: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ  🡪 Từ đa nghĩa.  c. *Phố* ***cổ*** *tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội* 🡪 ***Cổ***: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ ***cổ*** trong hai câu a. và b. 🡪 Từ đồng âm.  **Bài tập 5 SGK trang 93**  - *Tiếng hò xa vọng* ***nặng*** *tình nước non*  🡪 ***Nặng***: tính chất, mức độ nhiều tình cảm.  - Một số ví dụ có từ ***nặng*** được dùng với nghĩa khác:  + Túi hoa quả này nặng quá;  + Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**   * Giáo viên giao bài tập cho HS   Bài tập 1: Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS:  - Hình thức: Đoạn văn có dung lượng 5 đến 7 câu.  - Nội dung: nói về tình yêu quê hương đất nước ( Trong đoạn văn có sử dụng từ đồng âm và từ đa nghĩa.  **HS:** Viết theo yêu cầu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**:   * GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. |  |

Ngày soạn:24/11

Ngày dạy:27,29/11(6C,6D)

**TIẾT 48, 49 : Văn bản 2:**

**CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**-Lâm Thị Mỹ Dạ -**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực xác định được tình cảm, cảm xúc trong bài thơ

- Năng lực nhận biết được các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ

\* Năng lực chung: Năng lực cảm thụ văn học, sáng tạo,hợp tác, tư duy...

**2. Phẩm chất:**

Nhân ái, đoàn kết, yêu thương..với mọi người;tự hào về đất nước, về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ và bài thơ

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A4 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

1. Em biết những câu chuyện cổ nào của nước ta?

2. Em thích những nhân vật nào trong những câu chuyện đó? Vì sao?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể thơ, giọng điệu, chủ thể trữ tình, …)  **b) Nội dung:**  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Nội dung cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  *? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Lâm Thi Mỹ Dạ?*  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát SGK  B3: Báo cáo, thảo luận  HS trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định (GV)  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức -> ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  - Lâm Thị Mỹ Dạ;  - Năm sinh: 1949;  - Quê quán: Quảng Bình;  - Là nhà thơ nữ nổi tiếng, là hội viên HNV Việt Nam. Có nhiều tác phẩm đạt giải cao.  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương. |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  -Hướng dẫn cách đọc& yêu cầu HS đọc.  Chia nhóm 2  *? Nêu xuất xứ của bài thơ?*  *? Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Em hãy chỉ ra đặc điểm của thể thơ ấy?*  *? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?*  HS: - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3’  GV:- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  GV*:* - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hd HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS | **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Rút từ *Tuyển tập*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.  - Thể loại: thơ lục bát;  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm |
| **Nhiệm vụ II. Đọc-hiểu văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chi tiết của bài thơ và nghệ thuật đặc sắc của *Chuyện cổ nước mình*  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, suy nghĩ, thảo luận để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Nội dung cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Thi ai nhanh hơn: chia 2 đội thi, mỗi đội 3 em.  *? Dựa vào từ ngữ và các chi tiết được gợi nhắc trong bài thơ, các đội hãy nêu tên những câu chuyện cổ.*  *? Chọn một câu chuyện em vừa tìm hãy kể lại ngắn gọi câu chyện đó?*  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***II. Đọc-hiểu văn bản***  ***1. Những câu chuyện cổ được gợi ra từ trong bài thơ***  - Tấm Cám (*Thị thơm thì giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*)  - Đẽo cày giữa đường (*Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*)  - Sự tích trầu cau (*Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người*) |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  *? Những câu chuyện cổ đã cho nhà thơ thấy những điểu gì về vẻ đẹp tình người?*  *?Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng? Tác dụng của nó?*  *? Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ là gì? Vì sao tác giả lại có tình cảm đó?*  B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  B3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  Chuyển dẫn phần b  B1: Chuyển giao nhiệm vụ  Chia nhóm thảo luận: 3 nhóm- mỗi nhóm 1 câu hỏi:  Đời ông cha với đời tôi  Như con sông với chân trời đã xa  Chỉ còn chuyện cổ thiết tha  Cho tôi nhận mặt ông cha của mình  ? Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Qua đó tác giả muốn nói gì trong những câu thơ trên? Em thấy tình cảm nào của tác giả được bộc lộ?  + Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời ông cha dạy cũng vì đời sau  ? Hai câu thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì?  ? Theo em vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn *mới mẻ rạng ngời lương tâm*”?  Qua đó em có suy nghĩ gì về vai trò của chuyện cổ trong đời sống con người?  B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập  B3: Báo cáo kết quả và thảo luận  Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu cần)  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  (Giảng)  + Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa,  + con sông: dòng chảy, sự tiếp nối)  -giải thích từ “thầm thì”: thủ thỉ, tâm tình, nói nhỏ nhưng bền bỉ “chuyện cổ thầm thì”: mạch nguồn âm ỉ, bền bỉ;  - “Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau  + Mới mẻ, rạng ngời lương tâm: không cũ, bài học về c/s luôn tỏa sáng…vì: là hành trang tinh thần để vượt qua khó khăn, thử thách…). | ***2. Ý nghĩa được gợi ra từ những câu chuyện cổ***  *a. Những vẻ đẹp tình người*  *vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*,  *Thương người …*  *ở hiền….*  *rất công bằng, rất thông minh*  *vừa độ lượng lại đa tình, đa mang*.  => Điệp ngữ, liệt kê  =>*Những giá trị nhân văn tốt đẹp:* Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,...  *=> Tình cảm yêu mến với những câu chuyện cổ*  *b. Lời căn dặn, những bài học từ cha ông đến con cháu qua những câu chuyện cổ*  - “đời ông cha với đời tôi/  Như con sông với chân trời đã xa.  Chỉ còn chuyện cổ thiết tha  Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”  -> So sánh, hoán dụ  ->*là cầu nối,là nhân chứng, là lưu giữ những suy nghĩ, tình cảm… của ông cha*,  ->*Thấy đượcthế giới tinh thần: tâm hồn, phong tục, quan niệm, triết lý nhân sinh…của cha ông*  - “Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời ông cha dạy cũng vì đời sau”  ->*Bài học về đạo lý làm người : chân thành, nhân ái, cần cù. Có kiến thức…*  - Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”:  =>*Những bài học về cuộc sống vẫn còn nguyên giá trị, có GD lớn đến con người; khẳng định tầm quan trọng của những câu chuyện cổ trong đời sống tinh thần*  =>*Tình yêu quê hương, đất nước. Yêu mến, tự hào những giá trị truyền thống DT.* |
| **Nhiệm vụ III. Tổng kết** | |
| a) Mục tiêu: Khải quát nội dung và nghệ thuật chủ yếu của văn bản *Chuyện cổ nước mình*  b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  ? Em hãy nhận xét những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ?  ?Bài thơ cho em hiểu được điều gì?  B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát  B3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. Chốt kiến thức lên bảng | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, tha thiết  **2. Nội dung**  - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ. |
| **\* Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**   1. Từ nào sau đây là từ láy? 2. Thầm thì 3. Thiết tha 4. Đậm đà 5. Cả 3 từ trên 6. Tìm những câu thơ gợi tả đường nét, màu sắc quê hương? Qua đó em hình dung cảnh tượng quê hương như thế nào?   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |
| **\* Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.  **b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*Viết đoạn văn ( 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:  *Đời cha ông với đời tôi*  *Như con sông với chân trời đã xa*  *Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  *Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*  - GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  HS về nhà chuẩn bị bài: Cây tre VN |  |

Ngày soạn:27/11

Ngày dạy:30/12(6c) 1/12(6d)

**TIẾT 50 : Văn bản 3**

**CÂY TRE VIỆT NAM**

– *Thép Mới* –

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Biết khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

\* Năng lực chung: Năng lực cảm thụ văn học, đọc, tư duy, hợp tác…

**2. Phẩm chất**:

- Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, sách tham khảo

- Tranh ảnh về nhà văn Thép Mới, về hình ảnh cây tre và văn bản “Cây tre Việt Nam”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HĐ 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

***?Quan sát hình ảnh sau đây và cho biết các đồ dùng trên được làm từ chất liệu gì?***

A group of bamboo stools

Description automatically generatedA group of wicker baskets

Description automatically generatedA hammock on a deck

Description automatically generated

? Hãy kể tên các vật dụng khác được làm bằng tre mà em biết.

GV chiếu một đoạn phim ngắn về chủ đề *Cây tre Việt Nam*;

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, xem clip

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

**\* HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Thép Mới và tác phẩm “Cây tre Việt Nam”, xuất xứ, thể loại, bố cục của văn bản.  **b) Nội dung:**  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Thép Mới?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát SGK  B3: Báo cáo, thảo luận  HS trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định (GV)  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **1. Tác giả**   * Thép Mới (1925-1991), tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê Hà Nội;   - Là nhà báo, nhà văn nổi tiếng;  - Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là tinh thần yêu nước của nhân dân ta. |

|  |  |
| --- | --- |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - GV yêu cầu HS: Hiểu biết của em VB .  ***? Hoàn cảnh ra đời văn bản.***  ***? Văn bản Cây tre Việt Nam viết theo thể loại nào?***  ***? Em hãy nêu phương thức biểu đạt của văn bản?***  ***? Bố cục chia làm mấy phần?Nội dung từng phần?***  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS suy nghĩ cá nhân, trả lời độc lập  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  Gv Tích hợp lịch sử:  + Chiếu băng hình chiến thắng Điện Biên Phủ. | 2. Tác phẩm  - Xuất xứ: Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan  - Thể loại: bút kí  - Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm  - Bố cục: 4 phần:  1. Từ đầu “...chí khí như người”: Giới thiệu chung về cây tre.  2. Tiếp “...chung thủy”: Tre gắn bó với con người trong cuộc sống hàng ngày và trong lao động.  3. Tiếp “...chiến đấu”: Tre sát cánh cùng con người trong chiến đấu.  4. Còn lại: Tre là bạn đồng hành với con người Việt trong quá khứ, hiện tại, tương lai. |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết miêu tả hình ảnh cây tre;  - Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần;  - Hiểu được Vị trí cây tre trong tương lai;  - Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận;  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ;  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS theo dõi phần I của văn bản và đặt câu hỏi:  ***? Mở đầu bài viết của mình tác giả đã giới thiệu một cách khái quát về cây tre Việt Nam như thế nào?***  *?* ***Tre có những phẩm chất gì?***  ***? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đây?***  ***? Qua nghệ thuật đó, tác giả muốn nói lên điều gì?***  ***? Vì sao có thể nói cây tre là biểu tượng cao quý cho dân tộc Việt Nam?***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  \* Tích hợp địa lí, âm nhạc:  + Chiếu hình ảnh tre, mở bài hát “Làng tôi”(Văn Cao) do ca sĩ Lan Anh thể hiện. | **II. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Giới thiệu chung về cây tre Việt Nam**  -Tre: bạn thân của nhân dân Việt Nam.   * Mọc xanh tốt khắp nơi. * Dáng vươn mộc mạc * Màu tươi nhũn nhặn. * Cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí như người. * Ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm.   =>Phép liệt kê, nhân hoá, nhiều tính từ được sử dụng nhằm ca ngợi vẻ đẹp bình dị, sức sống mãnh liệt, phẩm chất quý báu của tre cũng chính là ca ngợi vẻ đẹp của dân tộc Viêt Nam. |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV chia lớp thành 2 nhóm trả lời câu hỏi:  Nhóm 1: Tìm những chi tiết thể hiện sự gắn bó của tre với người trong đời sống hàng ngày, trong lao động? Em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật trong đoạn văn? Tác dụng.  Nhóm 2: Những chi tiết cho thấy tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam? tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì?Tác dụng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  GV: lối viết giàu nhạc tính, nhịp điệu đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre.  *GV: Đoạn văn trầm hùng, gợi nhắc truyền thuyết người anh hùng làng Gióng dùng gậy tre đánh đuổi giặc Ân, và cuộc kháng chiến chống Pháp, tre là vũ khí thô sơ nhưng rất hiệu quả. Nhân dân ta muôn ngàn đời biết ơn cây tre anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu đã hi sinh để bảo vệ con người.* | **2. Sự gắn bó của cây tre với đời sống con người Việt Nam**  *a)Trong đời sống hàng ngày, trong lao động*  - Tre bao bọc xóm làng  - Tre ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp  - Giúp người trăm nghìn công việc khác nhau  - là người nhà, khăng khít với đời sống hàng ngày  - Gắn bó với con người ở mọi lứa tuổi  ***->*** *Biện pháp nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, hình ảnh chọn lọc, âm điệu trầm bổng thiết tha 🡪 Tre gắn bó khăng khít, bền chặt, thủy chung với con người*  *b) Trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*   * Tre là đồng chí. * Tre là vũ khí. * Chống, xung phong, giữ, hi sinh vì ta. * Tre: anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.   - Nghệ thuật: Nhân hóa, điệp ngữ, so sánh  => Tre bền bỉ, kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ con người và Tổ quốc. |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  ***? Vị trí của tre trong tương lai được nhắc tới như thế nào?***  ***? Những câu văn nào được nhà văn viết để thể hiện tình cảm cảm xúc của mình về khúc nhạc đồng quê.?***  ***? Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam?***  -  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.  \* Chiếu Vai trò của tre.  - Cối xay tre, điếu cày, nhà tre, cầu tre... | **3. Vị trí của cây tre trong tương lai**  Khúc nhạc đồng quê  -Tre già măng mọc  -Măng non trên phù hiệu  -Còn mãi ..còn mãi  - Là bóng mát  -Cổng chào thắng lợi….  + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;  + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam;  *=>Tre vẫn là người bạn đồng hành thuỷ chung của dân tộc Việt Nam ta trên con đường phát triển.* |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Cây tre Việt Nam”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  B3: Báo cáo, thảo luận  GV:Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.  **2. Nội dung**  - Văn bản thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam; |
| **\* Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.  **b. Nội dung:** Em hãy tìm một bài ca dao, thơ về cây tre mà em biết  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  ? Hãy tìm một số bài ca dao hoặc bài thơ về cây tre mà em biết?  -HS làm bài, báo cáo kết quả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |
| **\* Hoạt động 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về cây tre.  - HS làm bài  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn:27/11

Ngày dạy: 1/12(6c,6d)

**TIẾT 51: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực xác định được tình cảm, cảm xúc trong bài thơ

- Năng lực nhận biết được các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ

\* Năng lực chung: Năng lực cảm thụ văn học, sáng tạo,hợp tác, tư duy...

**2. Phẩm chất:**

Nhân ái, đoàn kết, yêu thương..với mọi người;tự hào về đất nước, về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*

*Bàn tay ta làm nên tất cả*

*Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*

(*Bài ca vỡ đất* – Hoàng Trung Thông)

Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:*

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BIỆN PHÁP TU TỪ HOÁN DỤ | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  Khái niệm biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;  **b) Nội dung:** sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ;  ? Từ “áo chàm” để chỉ ai?  ? Giữa áo chàm với đối tượng em vừa tìm có mối liên hệ gì?  ? Từ đó nêu khái niệm hoán dụ và kiểu hoán dụ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng | **I. Hoán dụ**  **1. Khái niệm:**  - Hoán dụ là biện pháp tu từ vốn để chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ tương cận (gần nhau) nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Phân loại:** Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:  + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;  + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;  + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. | |
| NGHĨA CỦA TỪ NGỮ | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HShiểu Ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.  **b) Nội dung:** sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về thành ngữ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng | | **II. Nghĩa của từ**  **- Khái niệm:** Thành Ngữ là cụm từ cố định, khó thay đổi, thường hiểu theo nghĩa bóng. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ hoán dụ.  **b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Hoàn thành trước các bài tập 1, bài tập 3 SGK trang 99 – 100;  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 2 SGK trang 100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV gợi ý;  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | | **II. Bài tập**  **Bài tập 1 SGK trang 99 – 100**  a. *Nhắm mắt xuôi tay* 🡪 nói đến cái chết.  b. *Mái nhà tranh, đồng lúa chín* 🡪 thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.  c. *Áo cơm cửa nhà* 🡪 nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng.  **Bài tập 2 SGK trang 100**  a. - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa *Đời cha ông với đời tôi* cũng xa như *con sông với chân trời*.  🡪 Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách.  b. - Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre ***chống lại*** sắt thép quân thù; Tre ***xung phong*** vào xe tăng đại bác.  🡪 Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người.  **Bài tập 3 SGK trang 100**  🡪 Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường;  🡺 Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* *Tre già măng mọc* là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy viết một đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | |  |

Ngày soạn:1/12

Ngày dạy: 4/12(6c,6d)

**Tiết 52**

**TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ lục bát;

- Năng lực viết bài văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;

\* Năng lực chung

- Năng lực thu thập thông tin liên quan.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Giáo dục tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài trình bày của HS.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu:

- Biết được những đặc điểm của thể thơ lục bát.

b) Nội dung:

- HS đọc phần tri thức Ngữ văn về thơ lục bát.

- HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1:** *- Giao nhiệm vụ*

* GV nêu tên trò chơi: giải đố,
* Phổ biến luật chơi: Có 4 miếng ghép, mỗi miếng ghép chứa một câu đố, HS nào được lựa chọn sẽ được mở miếng ghép, trả lời đúng câu đó được thưởng điểm đồng thời một miếng ghép có chứa hình ảnh sẽ được mở ra. HS nào đọc đúng bài ca dao miêu tả về những hình ảnh ấy sẽ được thưởng điểm
* GV chiếu một bảng có chứa các câu đố, yêu cầu HS lật các miếng ghép và suy nghĩ trong 5 giây. Trả lời câu hỏi.

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

* HS lật các miếng ghép và suy nghĩ trong 5 giây. Trả lời câu hỏi.
* HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ về những hiểu biết về thơ lục bát.

**Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Cày trên đồng ruộng trắng phau

Khát xuống uống nước giếng sâu đen ngòm?  
(**Là cái gì?** - Cái bút mực)

- Đến đây hỏi khách tương phùng

Con gì mọc cánh dạo cùng nước non

**( Là cái gì -** Chiếc thuyền buồm**)**

* Đố ai giải phóng Thăng Long

Nửa đêm trừ tịch quyết lòng tiến binh.

Đống Đa, sông Nhị vươn mình.

Giặc Thanh vỡ vộng, cường binh tơi bời

**Là ai** (Quang Trung – Nguyễn Huệ)

Rõ ràng một nửa là “đường”

Dai như kẹo kéo, dẻo dường kẹo nha.

Đen như bánh mật chẳng ngoa

Thế nhưng độc lắm ai mà dám ăn

(**Là từ gì** – nhựa đường)

**Bước 4:** Kết luận, nhận định (GV)

GV lưu ý: HS tiến hành chơi, có thể có nhiều HS được đoán khi chưa đúng.

* Khi miếng ghép cuối được mở ra GV có thể hỏi thêm những câu hỏi sau:

H? Những bức ảnh này nói về thắng cảnh đẹp của vùng miền nào trên đất nước ta?

H? Bài ca dao miêu tả vẻ đẹp ấy gồm mấy dòng thơ, mỗi dòng có mấy tiếng

* HS trả lời
* GV hỏi tiếp: Vậy thể thơ gồm một hoặc nhiều cặp câu thơ với một câu 6 tiếng, một câu 8 tiếng thuộc thể loại văn học nào?
* Nếu HS trả lời là lục bát thì GV có thể hỏi: Em biết được gì về đặc điểm của thể thơ này
* *GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Qua những bài ca dao và thơ làm theo thể lục bát được học trong bài, em đã nắm được những đặc điểm cơ bản của thể thơ này. Dựa trên những hiểu biết đó, Hãy đọc 1 bài thơ luc bát mà em biết.

- *GV có thể đưa ra một số câu hỏi gợi mở nhằm khơi gợi, tạo không khí:* Em hãy đọc cho cả lớp nghe một bài thơ lục bát em thích. Em đã từng tập làm thơ lục bát chưa? Có thể chia sẻ với cả lớp bài thơ của em được không?

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Theo em, yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát là gì?  - GV gợi ý:  + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không?  + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào?  - - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát**  - Đúng luật của thơ lục bát;  - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành;  - Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm. |
| **Nhiệm vụ 2: Thực hành tập làm một bài thơ lục bát theo các bước**  **a. Mục tiêu:** Nắm được cách làm một bài thơ lục bát.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gợi dẫn: Sáng tác một bài thơ không phải là điều dễ dàng. Nhưng em có thể thử sức để hiểu rõ hơn cách mà một bài thơ xuất hiện. Đó quả thật là một điều kỳ diệu!  - GV yêu cầu HS: xác định đề tài, tập gieo vần, phát triển ý tưởng  + Hình dung cụ thể về đề tài em định viết. Thử tìm một nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em định chọn;  + Bắt đầu bằng cách thử viết dòng 6 đầu tiên, cặp lục bát đầu tiên. Chú ý sử dụng số tiếng, lựa chọn vần, ngắt nhịp theo đúng quy định của thể thơ lục bát;  + Viết những dòng lục bát tiếp theo;  + Thử phát triển ý tưởng, cảm xúc và hình ảnh thơ theo nhiều cách khác nhau.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Các bước tiến hành**  *a. Khởi động viết*  - Tập gieo vần;  - Xác định đề tài.  *b. Thực hành viết*  *c. Chỉnh sửa* |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi cho HS:  + Trong những tiết học trước, chúng ta đã học viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.  + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? Có gì giống và khác giữa thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả với thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát?  - GV gợi ý:  + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không?  + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **3. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có);  - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ;  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…) |
| **Nhiệm vụ 4: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **a. Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.  **b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để cùng đọc VB trong SGK và phân tích VB theo các chỉ dẫn (bên phải) trong SGK.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **4. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Giới thiệu bài ca dao (thơ lục bát);  - Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao;  - Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao. |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết đoạn văn;  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc;  - GV hướng dẫn HS tìm ý và hoàn thành vào Phiếu học tập (*đính kèm trong phần* ***Hồ sơ dạy học***).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV yêu cầu HS:  + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SGK;  + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu Phiếu học tập (*đính kèm trong phần* ***Hồ sơ dạy học***).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **4. Các bước tiến hành**  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| *GV yêu cầu HS:* Dựa vào phiếu chỉnh sửa, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh. |  |

Ngày soạn:3/12

Ngày dạy:6/12(6D) 7/12(6C)

**Tiết 53: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ**

**MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- HS lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ lục bát;

- HS viết được bài văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;

- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

\* Năng lực chung

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Giáo dục tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

PHIẾU TÌM Ý : Bài ca dao “ Trong đầm gì đẹp bằng sen…”

Họ và tên HS: ………………………….

Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn nêu cảm nhận về một bài ca dao / thơ lục bát

Gợi ý: Em hãy tìm ý cho đoạn văn bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao trên? | ……………………………………………………. |
| Bài ca dao miêu tả hình ảnh gì? | ……………………………………………………. |
| Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì? | …………………………………………………… |
| Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào nổi bật? | …………………………………………………….  …………………………………………………….  ……………………………………………………. |

\\\

III. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| GIỚI THIỆU KIỂU BÀI | |
| a. Mục tiêu:  - Biết được kiểu bài viết đoạn văn cảm nhận về một bài thơ lục bát.  b. Nội dung:  - HS đọc một số bài thơ, ca dao được làm theo thể thơ lục bát mà mình sưu tầm được  - HS trả lời câu hỏi của GV  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d. Tổ chức thực hiện: | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi:  ? Đọc các bài thơ, ca dao trên em có cảm nhận gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Nghe / đọc ca dao, thơ lục bát.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS trả lời câu hỏi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “ *Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát”* | HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ, ca dao |

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT** | | | |
| **a,** **Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Trình bày đúng hình thức đoạn văn.  - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân đối với một bài thơ lục bát.  **b,** **Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Bài ca dao số 1 thuộc chủ đề quê hương đất nước gợi cho em những cảm xúc gì?  ? Những hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu trong bài ca dao khiến em rung động như thế nào?  ? Hãy ghi lại những cảm nhận của em về bài ca dao trên.  ? Theo em, một đoạn văn nêu cảm nhận về một bài thơ hoặc bài ca dao lục bát cần đảm bảo những yêu cầu gì.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV chiếu câu hỏi.  - HS trả lời  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu HS trả lời  HS trả lời câu hỏi.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | | Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát:  - Giới thiệu được bài thơ (bài ca dao, đoạn thơ), tác giả ( nếu có)  - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ.  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ/ bài ca dao… ( thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ….) |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | | |
| **a, Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo kể: Nét đẹp của bài ca dao “ Anh đi anh nhớ quê nhà”  - Biết yêu cầu của đoạn văn nêu cảm nhận về một bài ca dao.  - Chỉ ra được các phần của đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn , kết đoạn).  **b, Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi: Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao nào?  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Đoạn văn gồm mấy câu, hình thức đoạn như thế nào?  2. Những câu nào giới thiệu tác giả bài ca dao.  3. Những câu nào nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao. Em hãy tái hiện lại nội dung ấy.  4. Những câu nào nêu cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật của bài ca dao. Chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật ấy.  GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  B3: Báo cáo thảo luận  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | Bài mẫu:  - Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao: “Anh đi anh nhớ quê nhà”  - Đoạn văn gồm 7 câu. Hình thức tính từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng.  - Câu 1: giới thiệu tác giả.  - Câu 2: cảm nhận về nội dung.  - Câu 3,4,5,6,7: cảm nhận về hình ảnh, ngôn từ, biện pháp nghệ thuật. | |
| **Hoạt động 3: THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | | | |
| **a.Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết đoạn văn theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ / ca dao.  **b.Nội dung:**  - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời, bài viết của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV chiếu bài ca dao lên bảng.  Trong đầm gì đẹp bằng sen  Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng  Nhị vàng bông trắng lá xanh  Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn  Phát phiếu tìm ý số 2  Gọi HS đọc bài ca dao  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý.  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | 1. Trước khi viết  a) Lựa chọn bài ca dao  b) Tìm ý   |  |  | | --- | --- | | Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao? |  | | Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì? |  | | Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì? |  | | Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao? |  |   c) Lập dàn ý  - *Mở đoạn.* giới thiệu bài ca dao.  - *Thân đoạn*: Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao.  + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao.  + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao.  + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ….  - *Kết đoạn*: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao.  2. Viết bài  - Viết đoạn văn theo dàn ý.  3. Chỉnh sửa bài viết  - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa. | | |
|  | | | |

Ngày soạn:3/12

Ngày dạy:7/12(6C, 6D)

**Tiết 54 NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM**

**CỦA QUÊ HƯƠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**:

\* Năng lực riêng:

- HS biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. Lòng tự hào về cảnh sắc, truyền thống văn hóa của nơi mình sinh ra và lớn lên.

- Tự tìm hiểu về yêu cầu của các bài văn được học, sử dụng ngôn ngữ để chia sẻ tình cảm về quê hương; Năng lực sáng tạo, cách viết mới, ngôn từ độc đáo, mới lạ.

\* Năng lực chung:

- Năng lực nghe, nói.

- Năng lực tự giác, tư duy, tự lập.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

*- Nhân ái*: Học sinh biết tôn trọng, yêu thương và tự hào về con người và cảnh sắc quê hương.

- *Trách nhiệm*: trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với quê hương, để thành người công dân có ích.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | |
| Nhóm:………. | | | |
| Tiêu chí | *Mức độ* | | |
| *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* |
| 1. Chọn được nội dung hay, có ý nghĩa | Chưa có ý kiến để trình bày. | Có ý kiến, suy nghĩ để trình bày nhưng chưa hay. | Trình bày hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung trình bày phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ luận điểm để người nghe hiểu ý kiến trình bày | Có đủ luận điểm để người nghe hiểu được ý kiến | Nội dung ý kiến trình bày phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

- HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

*? Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

- Từ chia sẻ của HS, GV: cho hs xem 1 đoạn video đã chuẩn bị về nơi các em đang sinh sống.Hoặc nghe một bài hát về quê hương...

B4: Kết luận, nhận định:GV nhận xét và kết nối vào bài

Mỗi người trong chúng ta sinh ra đều có một quê hương để nhớ, để thương. Nhớ quê hương, có khi ta nhớ về những thứ giản dị, thân thương, cũng có khi là những điều thiêng liêng, gắn bó đặc biệt khiến ta ấn tượng và ghi sâu trong trái tim. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành trình bày suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | | |
| **a, Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **b, Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** phần nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? Khi trình bày bài nói nêu suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương, mục đích mà ta hướng tới là gì?  ? Những người nghe trình bày là ai?  GV yêu cầu HS viết ra giấy các ý quan trọng (xây dựng đề cương cho bài nói), đọc kĩ lại và đánh dấu những từ ngữ, câu quan trọng.  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm đôi luyện nói theo đề cương đã xây dựng  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  - HS làm việc cá nhân trong vòng 7’, luyện nói nhóm đôi trong vòng 5’  - GV gợi ý tháo gỡ KK cho HS  B3: Thảo luận, báo cáo  - HS trả lời câu hỏi của GV.  - HS trao đổi bài nói của mình.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói.  Nhận xét, chốt dàn ý bài nói  +Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương (đó là tình cảm thiêng liêng với mỗi người)  +Chỉ ra một số biểu hiện cụ thể cho thấy tình cảm gắn bó của con người với quê hương (tình cảm đối với những người thân thiết, với phong cảnh thiên nhiên, với những phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi, đậm đà hương vị quê hương…)  +Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người (giúp mỗi con người sống tốt hơn; là động lực giúp con người luôn có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân và không quên nguồn cội…)  GV lưu ý HS tập trung góp ý cho bạn: bài nói đã tập trung vào trình bày suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương chưa? Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích và đối tượng lắng nghe không? Bài nói đã truyền cảm hứng cho người nghe chưa?  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe  +Mục đích: trình bày, chia sẻ với mọi người những suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.  +Người nghe: là những người có chung mối quan tâm và mong muốn được trao đổi về vấn đề.  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện**  \* Trước khi nói:  Lập dàn ý  \*Tập luyện:  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ, góp ý cho nhau. | | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | | |
| **a, Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói trước đám đông, khi lắng nghe.  **b,Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Nội dung nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. Lưu ý ngoài ngôn ngữ phải kết hợp được ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và tương tác tích cực với người nghe.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS xem lại dàn ý đã xây dựng.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí. Gọi một số HS nói trước lớp.  - Các HS còn lại lắng nghe và điền vào phiếu.  B3: Thảo luận, báo cáo  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | **II. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | |
| Mục tiêu: Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  Nội dung:  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  B3: Thảo luận, báo cáo  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.  Gợi dẫn:  Em có đồng ý với những suy nghĩ của bạn về tình cảm của con người với quê hương không? Suy nghĩ của em về vấn đề này có tương đồng với suy nghĩ của bạn không? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Theo em bài nói của bạn có nhận được sự đồng cảm của người nghe không? Em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | **III. Trao đổi về bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để nói và nghe  **b) Nội dung:** HS sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ  **c) Sản phẩm**: bài nói hoàn chỉnh đáp ứng tốt các tiêu chí đánh giá  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS tiếp tục thực hành nói  - GV hướng dẫn HS chỉnh sửa các lỗi thường hay mắc trong bài nói, lưu ý kĩ năng nghe và đánh giá cho các HS còn lại  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình: bài nói hoàn chỉnh  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài nói của HS và hoạt động nghe của cả lớp. | | | 1. **Luyện tập** |
| **\*Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Hoàn thành kẻ bảng theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản đã học   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Văn bản  Đặc điểm | Chùm ca dao về quê hương đất nước | Chuyện cổ nước mình | Cây tre Việt Nam | | Biện pháp tu từ nổi bật |  |  |  | | Tình cảm, cảm xúc của tác giả |  |  |  |   Bài tập 2: Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn các em xác định yêu cầu của bài tập.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.  THỰC HÀNH ĐỌC  GV cho HS tự thực hành đọc văn bản *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến những đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ; vẻ đẹp của quê hương, đất nước; ý nghĩa được gợi lên từ “hành trình của bầy ong”. | | |  |

Ngày soạn:5/12

Ngày dạy:8/12(6C, 6D)

**Tiết 55 TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức*:***

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thơ lục bát

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ lb thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

**2. Năng lực*:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

- Nhận biết được những nội dung chính và cấu trúc của một bài kiểm tra.

- Có kĩ năng làm bài, biết cách sửa lỗi cho mình và cho bạn sau mỗi bài kiểm tra.

**3. Phẩm chất**:

- Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân

- Chăm chú trong học bài, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.

- Biết nhân ái, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống gắn bó với thiên nhiên và trân trọng cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra của học sinh, máy chiếu, máy tính.

**2. Học sinh:** xem lại đề kiểm tra và nội dung bài đã làm được của mình, chuẩn bị phiếu học tập để trao đổi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(3 phút)*** | | |
| **Mục tiêu:**  Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế cho học sinh trong tiết trả bài | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Nội dung/Sản phẩm** |
| Gv yêu cầu học sinh nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm… mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra giữa kì trước đó.  HS trả lời theo những suy nghĩ, trải nghiệm riêng.  GV nhận xét khái quát, dẫn dắt vào tiết trả bài. | | Ví dụ:   * *Căn thời gian hợp lí* * *Trình bày ngay ngắn, rõ ràng hơn* * *Đọc kĩ đề, trong 5 phút vạch ý ngắn gọn ra nháp trước khi vào làm bài* * … |
| **HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ BÀI *(19 phút)***  **Mục tiêu**:  - Nắm được cấu trúc của 1 bài viết đv  - Nắm được một số nội dung quan trọng: Mở đoạn,thân đoạn, kết đoạn  - Thấy được những điều đã làm được và chưa làm được trong bài kiểm tra của mình và có ý thức phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót trong những bài kiểm tra sau. | | |
| - **GV chiếu đề bài và nêu khái quát những mục tiêu về phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh thông qua bài kiểm tra**.  \_ Hs theo dõi lại đề bài và bước đầu kiểm lại những năng lực và phẩm chất mình có được sau bài kiểm tra.  - GV yêu cầu HS trả lời từng câu theo cách hiểu.  - HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, bổ sung.  - HS sửa chữa.  - **GV trình chiếu hướng dẫn chấm** HS theo dõi hướng dẫn chấm ghi nhanh các ý chính trong hướng dẫn chấm vào vở. (hoặc giáo viên có thể phô tô hướng dẫn chấm cho hs)   * **Hình ảnh đề kiểm tra và hướng dẫn chấm – trong phần Phụ lục.** | **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA BÀI KIỂM TRA**  **\*Năng lực:**  **-** Nhận biết được những nội dung chính và cấu trúc của một bài kiểm tra.  - Có kĩ năng làm bài, biết cách sửa lỗi cho mình và cho bạn sau mỗi bài kiểm tra.  **\* Phẩm chất**:  - Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân  - Chăm chú trong học bài, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.  - Biết nhân ái, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống gắn bó với thiên nhiên và trân trọng cuộc sống.  **\*gợi ý đáp án** | |
| **- Gv trả bài kiểm tra cho hs**  Hs nhận bài kiểm tra của mình.  - **GV trình chiếu công bố bảng Rubics đánh giá bài kiểm tra giữa kì I – yêu cầu học sinh tự đánh giá:**  + Gv trình bày các tiêu chí trong bảng rubics để hs nắm được các mức độ cần đạt.  + HS theo dõi, chú ý các tiêu chí trong bảng rubics đánh giá, tự nhận mình thuộc mức độ nào và vì sao?  + GV gọi 1 số hs lên nhận mức độ mình đạt được trong bảng rubics sau khi hs đối chiếu bài của mình với đáp án.  + Những hs khác lắng nghe và rút ra những ý chính cần nhớ cho mình.  GV đồng thời nhận xét những ưu – nhược trong bài làm của hs đó, động viên, khích lệ khi cần thiết.  - **GV hướng dẫn hs tự chữa bài**  Lưu ý chỉ hướng dẫn, không bắt bẻ từng câu chữ  + HS theo dõi đề bài, đáp án phần I trắc nghiệm và tự chấm điểm phần trắc nghiệm của mình  **+** Hs bổ sung những điều mình còn thiếu sót ở phần bài Tự luận.   * **Hs rút ra những điều tự thấy mình đã làm được và còn thiếu sót ghi ra giấy (tờ số 1)**   **Bảng Rubics đánh giá bài kiểm tra giữa kì – trong phần Phụ lục.** | **II. TRẢ BÀI – TỰ ĐÁNH GIÁ**  - Bảng Rubics đánh giá bài kiểm tra giữa kì về nội dung và hình thức cần đạt ở các mức độ:   * Xuất sắc * Giỏi * Khá * Trung bình * Yếu | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: NHẬN XÉT *(10 phút)***  **Mục tiêu**:   * HS có khả năng nhận xét được ưu nhược điểm của mình cũng như của bạn trong bài kiểm tra * HS rút ra được hệ thống những lỗi sai mà lớp đã mắc phải để khắc phục cho những bài kiểm tra sau. * Bồi dưỡng đức tính nghiêm túc, trung thực, tinh thần đoàn kết. | | |
| **- GV yêu cầu HS trao đổi bài viết để đọc, góp ý cho nhau** (thông thường, 2 hs ngồi bàn đối diện/hoặc gần nhau trao đổi bài cho nhau).  **- Trò chơi: TẬP LÀM GIÁO VIÊN:**  **Trên cơ sở hướng dẫn chấm, GV yêu cầu hs rút ra nhận xét và cho điểm bài của bạn vào giấy** – **Tờ số 2.** (nhận xét cả ưu – khuyết điểm) - sau đó trao đổi để **đối chiếu** với **tờ số 1** do bạn tự nhận xét trước đó để rút ra điểm thống nhất và rút ra bài học cho bản thân.  **Lưu ý: tờ số 1 và tờ số 2 có thể được giáo viên thiết kế dưới hình dạng phiếu điểm và nhận xét**  Gv nhận xét kết quả đánh giá đồng đẳng của hs.  **GV nhận xét khái quát ưu điểm và nhược điểm.**  HS chú ý ghi lại những nhược điểm để rút kinh nghiệm, đồng thời đánh dấu lại nhược điểm nào mình đã mắc phải.  GV nhận xét khái quát các bài được đưa ra nhận xét mẫu. Từ đó **rút ra những điều cần khắc phục**(nhược điểm chung) hoặc **khen ngợi, tuyên dương** **những bài hay/ những câu văn hay/ cách phát hiện mới** cần phát huy của học sinh. | **III. NHẬN XÉT**   1. **Đánh giá** 2. **Giáo viên nhận xét**   **\* Ưu điểm:**  - Phần lớn bài làm đạt yêu cầu đề ra  + Trình bày sạch sẽ, rõ ràng, khoa học  Đa số xác định đúng tình cảm, suy nghĩ - Nêu được các hình ảnh giàu giá trị biểu cảm và biện pháp tu từ  - Nhiều bài đạt kết quả khá : Thơ, Trân..  **\* Tồn tại**:  - Một số bài chữ xấu, sai chính tả, viết tắt, viết hoa tùy tiện  - Một số bài mắc lỗi dùng từ, diễn đạt  - Một số bạn chưa hoàn thành hết bài | |
| **HOẠT ĐỘNG 4: SỬA LỖI *(10 phút)***  **Mục tiêu**:  HS sửa được những lỗi sai của mình và của bạn trong bài kiểm tra.  Có kĩ năng nhận biết lỗi sai và sửa lỗi ở các bài làm tiếp theo. | | |
| - GV chiếu lên bảng các lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi đặt câu mà học sinh đã mắc phải trong bài kiểm tra  - HS sửa lỗi  Hs khác nhận xét  - GV chốt phương án sửa hợp lí. | | **IV. SỬA LỖI**  **\* Lỗi chính tả:**  - *cỏ rại 🡪cỏ dại*  *- ao dêu 🡪ao rêu*  *- Nước đục nầy 🡪 nước đục lầy*  *- xinh thể 🡪 sinh thể*  *- xống động 🡪 sống động*  *- thương sót 🡪 thương xót*  **\* Lỗi dùng từ:**  - Con đường quê tuy *tầm thường* nhưng đã rất gắn bó với tuổi thơ con người.  🡪 Con đường quê mộc mạc, giản dị đã gắn bó với tuổi thơ con người.  **\* Lỗi đặt câu:**  - “Qua bài thơ trên của nhà thơ Tế Hanh“.  🡪 câu thiếu chủ ngữ và vị ngữ. |

**\*Hướng dẫn chuẩn bị tiết sau:** *(2 phút)*

- Thực hiện phần chuẩn bị SGK cho bài học tiếp theo: Chủ đề “Những nẻo đường xứ sở”.

|  |  |
| --- | --- |
| - Hoàn thành phiếu thăm dò ý kiến (lấy ý kiến phản hồi của hs)***Nội dung*** | ***Ý kiến của em*** |
| Theo em, đề kiểm tra có vừa sức với em không? |  |
| Em thấy câu hỏi nào dễ trả lời nhất? |  |
| Câu hỏi nào trong đề em thấy khó nhất? Vì sao? |  |
| Đề đã bao quát được các kiến thức đã học chưa? |  |
| Theo em, còn những đơn vị kiến thức nào đã học từ đầu năm nhưng chưa được đưa vào trong đề? |  |
| Nếu bây giờ em được làm lại đề kiểm tra trên trong thời gian tương tự, em nghĩ mình sẽ được mấy điểm? |  |
| Theo em, cô giáo chấm điểm có sát với điểm em đã tự chấm và điểm bạn chấm cho em không? |  |
| Những thiếu sót mà em đã mắc phải trong bài là gì? |  |
| Theo em, các bạn đã nghiêm túc và tích cực trong tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng chưa?  Em có sáng kiến gì để các tiết trả bài sau vui và hấp dẫn, hiệu quả hơn nữa không? |  |
| ... |  |

Ngày soạn: 7/12/2023

Ngày dạy:11, 13,14 /12/2023 (6c,6d)

**Bài 5**

**NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ**

**TIẾT 56,57,58 TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ VĂN BẢN “CÔ TÔ’’**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Nhận biết chủ đề của bài học

- Giới thiệu được thể loại chinh của VB đọc hiểu (thơ)

- Nhận diện được đặc trưng cơ bản của thơ là cảm xúc ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ...

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài.

\* Năng lực chung:

Năng lực cảm thụ văn học, nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích, tự giác...

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để đọc- hiểu và phân tích các VB được học.

- HS cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Bản đồ Việt Nam, các đoạn phim ngắn giới thiệu về Cô Tô, về vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, về sông Cửu Long.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, xem video chín cửa sông đổ ra từ sông Mê Công, suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Nội dung của đoạn phim: các nhánh cửa sông, cuộc sống của người dân miền Tây gắn với con sông Cửu Long.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của đoạn phim? Đoạn phim gợi cho em cảm xúc gì?

2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:

? Hãy kể tên một số địa danh mà em đã được đến thăm? Em thích nhất địa danh nào?

? Giới thiệu những ghi chép, trải nghiệm của cá nhân em trong một chuyến tham quan?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

1. **HS** quan sát video và nêu suy nghĩ cá nhân.

**GV** hướng dẫn HS quan sát.

2. **HS** đọc phần tri thức Ngữ văn

3. **HS** làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

**GV** theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và Khám phá tri thức ngữ văn**  **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học, nhận biết được hình thức ghi chép,  cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV yêu cầu HS:nêu nội dung và thể loại bài học chủ đề 5?  Gv nhận xét, chốt kt  ? Em hãy đọc phần tri thức ngữ văn liên quan đến kí, du kí và cho biết kí và du kí là gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **GV có thể bổ sung thêm:**  - Nghĩa gốc của từ “kí” là ghi chép một sự việc gì đó để không quên. Từ chỉ hoạt động (động từ) được chuyển thành danh từ, xác lập một thể loại văn học – kí.  - Kí không phải một loại tác phẩm văn học thuần nhất mà có nhiều biến thể. Tiêu chí để phân loại kí:  + Phương thức tạo dựng cấu trúc tác phẩm: kí là sự kết hợp của tự sự, trữ tình, nghị luận cùng các thao tác tư duy khoa học. | **A. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn.**  **I. Giới thiệu bài học**  **II. Tri thức ngữ văn**  **1. Kí**  - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật;  - Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;  - Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.  **2. Du kí**  - Du kí là thể loại ghi chép vể những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.  **3. Dấu ngoặc kép**  **-** Có nhiều công dụngbên cạnh việc dùng để đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp lời đối thoạihoặc đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tạp san…được dẫn, dấu ngoặc kép còn đucợ dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **B. VĂN BẢN 1: CÔ TÔ** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin chính về nhà văn Nguyễn Tuân. Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Tuân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  GV:Nguyễn Tuân là con người rất mực tài hoa. Tuy chỉ viết văn nhưng ông còn am hiểu nhiều môn nghệ thuật khác: hội họa, điêu khắc, sân khấu, điện ảnh... | | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Tuân (1910 – 1987)  - Quê: Hà Nội  - Nguyễn Tuân có sở trường về tùy bút và kí  - Phong cách độc đáo, tài hoa, ngôn ngữ giàu có và điêu luyện.  - Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút),… |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS:  ***?Văn bản “Cô Tô” được tác giả viết trong hoàn cảnh nào?***  ***?Thể loại của văn bản?***  ***?Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?***  Gợi ý: Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?  chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. | **2. Tác phẩm**  - Đọc, chú thích  - Xuất xứ: Văn bản viết trong dịp nhà văn ra thăm đảo Cô Tô.  - Thể loại: Kí;  - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.  - Bố cục văn bản: 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu -> “lớn lên theo mùa sóng ở đây”.  =>Cảnh Cô Tô sau cơn bão  + Phần 2: Tiếp theo đến “...là là nhịp cánh”.  =>Cảnh mặt trời mọc trên đảo.  + Phần 3: Phần còn lại  => Cảnh sinh hoạt của người dân trên đảo. | | |
| **Nhiệm vụ II. Đọc-hiểu văn bản** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp sinh động, trong sáng của bức tranh thiên nhiên ở vùng đảo Cô Tô được miêu tả trong bài văn. Hiểu được nghệ thuật miêu tả và tài năng sử dụng ngôn ngữ điêu luyện của tác giả. Yêu mến thiên nhiên và con người trên đất nước.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| - HS đọc thầm đoạn 1: *“Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô ... lớn lên theo mùa sóng ở đây”-Tr 88*  - GV yêu cầu HS:  ? ***Cảnh Cô Tô được miêu tả vào thời gian và thời điểm đặc biệt nào?***  ***? Tác giả đã lựa chọn vị trí nào để quan sát và miêu tả Cô Tô? Ở vị trí đó có lợi thế gì cho việc quan sát và miêu tả?***  ***? Tìm các hình ảnh miêu tả cảnh Cô Tô sau cơn bão? Những hình ảnh đó được miêu tả thông qua các từ loại và biện pháp nghệ thuật gì?***  ***? Em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của Cô Tô khi cơn bão đi qua?***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | | ***II. Đọc-hiểu văn bản***  ***1. Cảnh Cô Tô sau cơn bão***  - Thời gian: Ngày thứ năm  - Thời điểm: Sau khi cơn bão đã đi qua.  - Vị trí: Trên nóc đồn biên phòng  ->Trên cao, có thể nhìn bao quát cảnh vật  - Hình ảnh miêu tả:  +bầu trời: Trong sáng  + Cây trên núi đảo: xanh mượt  + Nước biển: lam biếc đặm đà  + Cát: vàng giòn  ->Bức tranh thiên nhiên bừng lên vẻ đẹp trong sáng, tinh khôi và giàu sức sống. | |
| - HS đọc lại đoạn văn phần 2, GV chia 4 nhóm HS thảo luận:  Nhóm 1: *Cách đón mặt trời mọc có gì đặc biệt?* *Tác giả đã chọn vị trí nào để quan sát và miêu tả?* *Chọn vị trí đó có tác dụng như thế nào trong việc quan sát miêu tả?*  Giáo viên: *Cảnh mặt trời lên trên biển đảo được tác giả miêu tả theo thứ tự.*  - Trước khi mặt trời lên.  - Khi mặt trời lên.  - Sau khi mặt trời lên.  Nhóm 2: *Hãy tìm các chi tiết miêu tả trong từng thời điểm? Xác định nghệ thuật và nhận xét về cảnh Trước khi mặt trời lên.*  Nhóm 3: *Hãy tìm các chi tiết miêu tả trong từng thời điểm? Xác định nghệ thuật và nhận xét về cảnh Khi mặt trời lên.*  Nhóm 4: *Hãy tìm các chi tiết miêu tả trong từng thời điểm? Xác định nghệ thuật và nhận xét về cảnh Sau khi mặt trời lên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **2. Cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô.**  \* Cách đón mặt trời:  - Dậy từ canh tư (từ 1-3 giờ sáng) -> Khi trời còn tối đất  - Rình mặt trời lên  - Vị trí quan sát: Trên đá đầu sư-thấu tận mũi đảo (mép nước) -> Phù hợp vớp việc quan sát và miêu tả cảnh mặt trời mọc  =>Đón mặt trời công phu, trang trọng với tâm trạng: *Háo hức, chờ đợi, hồi hợp bâng khuâng, khát khao chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tự nhiên*  \* Cảnh mặt trời mọc  - Trước khi mặt trời mọc:  + Chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính  => Trong trẻo, tinh khiết  - Khi mặt trời mọc :  + Tròn trĩnh phúc hậu...  + Quả trứng hồng hào thăm thẳm  + Hửng hồng, hồng hào, ngọc trai, bạc trắng, đỏ ->Y như một mâm lễ phẩm...  --> *Ngôn ngữ điêu luyện, giàu tính tạo hình*  => óc quan sát và nhận xét tinh tế, trí tưởng tượng phong phú.  - Sau khi mặt trời mọc:  + Một vài chiếc nhạn...  + Một con hải âu...  - Một bức tranh đẹp rực rỡ tráng lệ trong khung cảch rộng lớn bao la và hết sức trong trẻo, tinh khôi. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc phần 3, GV đặt câu hỏi:  ? *Để miêu tả cảnh sinh hoạt của con người trên biển đảo Cô Tô tác giả đã chọn điểm không gian nào ? (* gần hay xa, tập trung ở đâu ).  *? Tại sao tác giả lại chọn duy nhất một điểm để miêu tả cuộc sống và con người nơi đây?*  *? Tìm những chi tiết miêu tả cảnh sinh hoạt và lao động nơi đây?*  *? Em có cảm nhận gì về cảnh lao động, sinh hoạt của người dân trên biển đảo Cô Tô?*  *? Em hiểu thêm điều gì về cuộc sống của con người nơi đây?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  - HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | | ***3. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô.***  - Không gian: ở giữa một hòn đảo tập trung ở cái giếng nước ngọt ria đảo  - Cuộc sống của người dân đảo sau một ngày lao động quần tụ quanh cái giếng nước ngọt.  - ... Bao nhiêu người đến gánh nước, đoàn thuyền sắp ra khơi, chị Châu Hòa Mãn...  - Cuộc sống sinh hoạt của con người trên đảo vui tươi, thanh bình, yên ả, giản dị, hạnh phúc. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Cô Tô”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả tinh tế chính xác, giàu hình ảnh, cảm xúc.  **2. Nội dung**  - Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sang và tươi đẹp.  - Bài văn cho ta thấy được tình cảm của tác giả, những hiểu biết về một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô. | |
| **\* Hoạt động 3. Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ***-*** *GV yêu cầu HS:* Trong *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cảnh miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).  - *HS*: hình dung hình ảnh mặt trời lúc mới mọc, từ đó thấy được mối liên hệ giữa sự vật so sánh và sự vật được so sánh.  + *HS* lí giải tại sao tác giả lại so sánh như vậy.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | |  | |
| **\* Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục tiêu:** HS sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống  **b. Nội dung:** Vẽ tranh, làm thơ, sưu tầm các bài văn viết về cảnh bình minh trên biển.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV* giao nhiệm vụ:  *Lựa chọn và hoàn thành một trong các nhiệm vụ sau:*  + Em hãy tưởng tượng và vẽ tranh về cảnh mặt trời mọc trên biển?  **+** Sưu tầm các bài văn, thơ viết về cảnh bình minh trên biển.  + Sáng tác bài thơ ngắn về bình minh trên biển.  - *HS* thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm vào giờ học sau. | |  | |

Ngày soạn: 10/12/

Ngày dạy: 14/12/

**TIẾT 59: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;

- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;

- Năng lực sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

\* Năng lực chung: Năng lực sử dụng từ,hợp tác, tư duy, sáng tạo, tự lập...

**2. Phẩm chất**: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1:MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình chiếu các câu văn, câu thơ có sử dụng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ, yêu cầu học sinh sắp xếp các câu văn, câu thơ đó vào ô “Ẩn dụ” hoặc “So sánh”.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong các tiết học trước, chúng ta đã được học về biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh. Trong tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh trong các ví dụ cụ thể.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức đã học**  **a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm so sánh, ẩn dụ, vận dụng được kiến thức để thực hiện các nhiệm vụ.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Nêu lại kiến thức về biện pháp ẩn dụ và so sánh. Lấy ví dụ cho từng biện pháp.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng. | **I. Khái niệm**  **1. Ẩn dụ**  - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. So sánh**  **-** So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa.  **b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **NHIỆM VỤ 1:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức chơi điền từ ngữ vào các ô ở cột phải tương ứng với các từ ngữ ở cột trái để chỉ ra những sự vật đã ngầm được nhắc đến.   |  |  | | --- | --- | | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | ………………… | | mâm bạc | ………………… | | mâm bể | ………………… | | cái chất bạc nén | ………………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, viết các từ tương ứng;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NHIỆM VỤ 2:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 2 SGK trang 114.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NHIỆM VỤ 3:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc bài tập 3 SGK trang 114, sau đó đọc lại VB *Cô Tô* và tìm ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB này.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập 3 và đọc lại VB Cô Tô;  - HS hoàn thành bài tập.  **\* Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 113 – 114**  a.   |  |  | | --- | --- | | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | mặt trời | | mâm bạc | bầu trời sáng và lấp lánh | | mâm bể | mặt biển | | cái chất bạc nén | độ sáng và sự lấp lánh |   b. Biện pháp tu từ được sử dụng: ẩn dụ  -> Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, cụ thể ở đây là tăng vẻ đẹp cho hình ảnh thiên nhiên ở Cô Tô.  **Bài tập 2 SGK trang 114**  a. *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh mỗi một hạt cát như một viên đạn mũi kim, so sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào -> So sánh hợp lý vì hạt cát nhỏ, viên đạn mũi kim cũng nhỏ, khi bắn chỉ tập trung làm đau buốt một điểm.  - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.  b. *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.*  - Biện pháp tu từ: Nhân hóa. Gió bão vốn là các hiện tượng tự nhiên, vô tri vô giác, đã được gán với các đặc điểm như con người: biết ***chờ*** cho “chúng tôi” vào hết trận địa cánh cung bãi cát, biết ***tăng thêm hỏa lực***.  - Tác dụng: làm cho gió bão trở nên sinh động, có hồn, câu chuyện được kể trở nên hấp dẫn.  **Bài tập 3 SGK trang 114**  Trong *Cô Tô*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động.  Ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB này:  *+ Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi*  -> Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo (tấm kính), rất sạch (lau hết mây, hết bụi), gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết, trong lành, tầm mắt như được mở rộng ra khi nhìn “chân trời”, “ngấn bể”.  *+ Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.*  -> So sánh hình ảnh sóng thúc lẫn nhau vào bờ như vua thủy; so sánh âm thanh của sóng thúc vào bờ với âm thanh của trống trận mà vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm: âm âm, rền rền -> gợi nhịp điệu, độ hăng say, dữ dội của trống trận trong trận chiến => khắc họa sinh động, cụ thể, giàu sức gợi sự dữ dội của những đợt sóng trong cơn bão.  + Nó rít lên rú lên như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh  -> So sánh tiếng gió với tiếng khóc của quỷ, không chỉ đơn giản là tiếng khóc của quỷ mà còn là tiếng khóc của quỷ dành cho thần linh, từ đó làm nổi bật được sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ  => Tiếng gió rú rít được tăng sức gợi cảm, khiến người đọc cảm nhận được sự đáng sợ, ghê rợn của gió và thấy được sức mạnh của một cơn bão. Đồng thời thấy được cách lựa chọn hình ảnh so sánh tài hoa, độc đáo, mới lạ của nhà văn Nguyễn Tuân. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh hoặc ẩn dụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**TIẾT 60**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.

- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

\* Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy chiếu, Tivi (nếu có) bảng, phấn, máy tính...

**2. Học liệu:**

- Sách giáo khoa, ngữ liệu đọc, phiếu học tập, video clip, tranh ảnh…

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**-** Trong chương trình bình luận bóng đã, các bình luận viên thường dùng cách nói khác để gọi tên đội tuyển. Các con hãy nêu một số ví dụ cho cách gọi đó.

**Dự kiến sản phẩm**

**- Gọi đội tuyển Đức là : Cỗ xe tăng, Đội Hà Lan là cơn lốc màu da cam…**

**B. ÔN TẬP, CỦNG CỐ KIẾN THỨC**

**\* TIẾNG VIỆT**

**1. Ẩn dụ**

+ Gọi A = B (A và B có quan hệ tương đồng)

Ví dụ 1:

**a. Cách phát hiện ẩn dụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu ca dao này có sử dụng ẩn dụ. Em hãy chỉ ra từ nào chứa ẩn dụ?  Tại sao từ đó lại ẩn dụ? Ẩn dụ cho ai?  Tìm điểm giống nhau, nét tương đồng giửa thuyền với người con trai và bến với người con gái.  => Gọi thuyền là người con trai, bến là người con gái chính là ẩn dụ (Khái niệm)  => Tại sao người ta không nói thẳng luôn mà lại phải dùng lối nói ẩn dụ? (tác dụng)  ? Thế nào là ẩn dụ? | Bài tập:  ***Thuyền về có nhớ bến chăng?***  ***Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền***  - Thuyền/ bến => ẩn dụ  Thuyển => ẩn dụ người con trai, người chồng vì thuyền là vật di chuyển tự do  Bến => Ẩn dụ người con gái, người vợ là vật đưng yên 1 chỗ  (theo quan niệm XH phong kiến người con trai có quyền đi đây di đó còn người phụ nữ chỉ được ở nhà)  => Gọi như vậy làm cho câu nói có hình ảnh, có vần có ý, có chiều sâu và sức biểu cảm cao hơn, dễ đi sâu vào tình cảm của con người hơn.  - Ẩn dụ: là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.  - Tác dụng của ẩn dụ nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt; gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc. |

Ví dụ 2

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngữ liệu / Yêu cầu** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Chỉ ra từ ẩn dụ  Ẩn dụ cho ai  Tại sao dùng lỗi nói như thế  Nói như thế có hay hơn không? Hay hơn như thế nào?  Em thử thay từ đó bằng từ khác không có | Đến đây mận mới hỏi đào  Vườn hồng đã có ai vào hay chưa  **Các bước xác định**  + Gọi tên biện pháp tu từ.  + Chỉ ra các từ ngữ biểu hiện các phép tu từ có trong ngữ liệu.  - Nếu đề có thêm yêu cầu phân tích tác dụng /hiệu quả của biện pháp tu từ, cần chỉ rõ:  + Biện pháp tu từ đó thể hiện nội dung gì?  + Nó cho thấy điều gì về tác giả (về tài năng, tình cảm của tác giả)?  + Làm cho lời thơ, lời văn như thế nào, gây ấn tượng gì với người đọc? |

**2. Hoán dụ**: + Gọi A = B (A và B có quan hệ gần gũi, tương đồng.

+ Gọi A = B (A và B có quan hệ gắn bó, gần gũi)

**Ví dụ:**

**Bàn tay** ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

“Bàn tay”: Hoán dụ: Người lao động

**3. Dấu ngoặc kép**.

- Giáo viên căn cứ vào tình hình, năng lực của HS để lựa chọn cách dạy Diễn dịch hay quy nạp.

**Bài tập 1: Dấu ngoặc kép trong các câu sau được dung theo tác dụng gì?**

a. Bài thơ không che giấu sự đau khổ của quá trình rèn luyện và chỉ ra sự thành công qua những bước gian nan. Đó là những câu thơ rất “Hồ Chí Minh”. Vì không những Bác đã tự khuyên mình mà đã thực hiện trung thành những lời tự khuyên đó. ” Thơ suy nghĩ của Bác cũng chính là “thơ hành động”. (2)

b. Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu : “Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom – thế thôi”. (1)

c. Suy cho cùng, chân lí, những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như của thời đại là giản dị: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi". (Đức tính giản dị của Bác Hồ) (1)

d. Qua tìm hiểu câu tục ngữ: "Trăm hay không bằng tay quen", chúng ta thấy kinh nghiệm của ông cha ta thể hiện trong các câu tục ngữ thật là quý báu nhưng không hẳn kinh nghiệm nào cũng xác đáng hoàn toàn. (Theo Trần Đình Sử) (1)

Cái xã hội buông thả trong lối sống đàng điếm, dâm loạn, tất cả chỉ là bịp bợm, rởm hợm ấy đã đón nhận, hoan nghênh và phỉnh nịnh, tâng bốc những người như Xuân. Nhất là khi mà xã hội ấy đang chạy theo lối sống "Âu hoá" với các phong trào "cải cách y phục", "giải phóng nữ quyền", "thể thao phụ nữ",...như những cơn sốt, thì Xuân Tóc Đỏ lại là người rất hợp "mốt". (Theo Nguyễn Hoành Khung) (2)

e. Bác tự cho mình là "người lính vâng lệnh quốc dân ra mặt trận", là "đầy tớ trung thành của nhân dân", ở Bác, lòng yêu mến nhân dân đã trở thành một sự say mê mãnh liệt. Bác nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành."

Theo TRƯỜNG CHINH

**Dấu ngoặc kép**.

**Đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp (1)**

**Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, hay có hàm ý mỉa mai; (2)**

**Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn. (3)**

**4. Dầu phẩy**

**Bài tập 1: Thêm dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong các câu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngữ liệu liệu cầu** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a.** Từ những năm 30 của thế kỷ XX chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến dần thành chiếc áo dài "tân thời". | a. Từ những năm 30 của thế kỷ XX, chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến dần thành chiếc áo dài "tân thời".  - Tác dụng của dấu phẩy: Ngăn cách trạng ngữ với CN và VN. |
| b. Chiếc áo dài tân thời là sự kết hợp hài hòa giữa phong cách dân tộc tế nhị kín đáo với phong cách phương Tây hiện đại trẻ trung. | b. Chiếc áo dài tân thời là sự kết hợp hài hòa giữa phong cách dân tộc tế nhị, kín đáo với phong cách phương Tây hiện đại, trẻ trung.  - Tác dụng của dấu phẩy: Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu. |
| c. Trong tà áo dài, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam như đẹp hơn, tự nhiên, mềm mại và thanh thoát hơn. | c. Trong tà áo dài, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam như đẹp hơn, tự nhiên, mềm mại và thanh thoát hơn.  - Tác dụng của dấu phẩy: Ngăn cách trạng ngữ với CN và VN, ngàn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu. |
| d. Những đợt sóng khủng khiếp phá thủng thân tàu nước phun vào khoang như vòi rồng. | d. Những đợt sóng khủng khiếp phá thủng thân tàu, nước phun vào khoang như vòi rồg.  - Tác dụng của dấu phẩy: Ngăn cách các vế câu trong câu ghép. |

**5. Dấu gạch ngang**

**Bài tập: Dấu gạch ngàng trong các trường hợp sau có tác dụng gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngữ liệu liệu cầu** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - “Bên phải là đỉnh Ba Vì vời vợi, nơi Mị Nương – con gái vua Hùng Vương thứ 18 – theo Sơn Tinh về trấn giữ núi cao.”    + Đi suốt chiều dài hơn ngàn mét ở phần ngoài của động Phong Nha, du khách đã có cảm giác như lạc vào một thế giới khác lạ – thế giới của tiên cảnh.  + Tôi lại trở về con sông Cấm – dòng sông thơ ấu thân thương, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên với bao kí niệm vui buồn.  (Thanh Việt) | **a. => Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.** |
| + Tôi quắc mắt:  – Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!  – Thưa anh, thế thì… hừ hừ… em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.  (Tô Hoài)  + Chị Điệp nhanh nhảu:  – Bồ các là bác chim ri. Chim ri là dì sáo sậu. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các…  (Duy Khán | **b. => Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.** |
| - Đồng bào Sài Gòn – Gia Định hai lần đi đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp, lại đi đầu trong cuộc kháng chiến chống Mĩ (…).  - Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xụân của Hà Nội thân yêu (…). | **c. => Nối các từ nằm trong một liên danh:** |
| Thi đua yêu nước để:  – Diệt giặc dốt  – Diệt giặc đói  – Diệt giặc ngoại xâm.  (Hồ Chí Minh) | **d. => Được dùng để thực hiện phép liệt kê** |

TIẾT 61,62

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Đánh giá, kiểm tra năng lực của học sinh cuối kỳ

**2. Phẩm chất**: Yên cuộc sống, chăm chỉ (yêu ngôn ngữ dân tộc, chăm chỉ, cần cù trong học tập)

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy chiếu, Tivi (nếu có) bảng, phấn, máy tính...

**2. Học liệu:**

- Ngữ liệu đọc của đề.

**C. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Gv phát đề kiểm tra** |  |

**ĐỀ KIỂM TRA:**

**Phần I. ĐỌC HIỂU** (6,0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :**

*Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà*

*Mái chèo nghiêng mặt sông xa*

*Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa*

*Nghe trăng thở động tàu dừa*

*Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời...*

*Thêm yêu tiếng hát nụ cười*

*Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra...*

(Theo: “**Nghe thầy đọc thơ**”- Trần Đăng Khoa)

**Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng**

1. Tự do
2. Lục bát
3. Bốn chữ
4. Năm chữ

**Câu 2**: Nhân vật đọc thơ được nói đến trong bài là ai? (3)

1. Thầy
2. Mẹ
3. Bà
4. Con

**Câu 3**: Hãy chỉ ra cách ngắt nhịp trong hai câu thơ sau:

*Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà*

1. 3/3 và 4/4
2. 2/2/ 2 và 6/2
3. 2/2/2 và 3/3/2
4. 2/2/2 và 4/4

**Câu 4:** **Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong 2 dòng thơ**

*Mái chèo nghiêng mặt sông xa*

*Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ẩn dụ và nhân hóa  B. Điệp ngữ và liệt kê |  |
| C. Liệt kê và ẩn dụ  D. Điệp ngữ và ẩn dụ |  |

**Câu 5:** **Trong các từ sau đây, từ nào là từ láy?**

1. Rào rào
2. Tiếng thơ
3. Mái chèo
4. Cơn mưa

**Câu 6**: **Dòng nào nêu đẩy đủ các âm thanh xuất hiện trong bài thơ?**

1. Tiếng thơ, tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười,
2. Tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa
3. Tiếng thầy đọc, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa
4. Tiếng thơ, tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa

**Câu 7**: **Từ nào sau đây không phải là từ ghép?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mái chèo  B. Tàu dừa |  |
| C. Tiếng hát  D. Em nghe |  |

**Câu 8**:Câu thơ *Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra...*trong bài có ý nghĩa gì? (7)

A.Tác dụng của việc đọc thơ

B. Vẽ đẹp của quê hương đất nước và những kỉ niệm về bà hiện về trong thơ

C. Thể hiện trí tưởng tượng liên tưởng độc đáo của tác giả

D.Đọc thơ rất thú vị

**Câu 9**: (1.0 điểm) Theo em, nội dung chính của bài thơ là gì?

**Câu 10**: (1.0 điểm) Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về bài thơ trên

**Phần II. Làm văn** (4,0 điểm)

Trải nghiệm sẽ giúp cho các em nhớ mãi, hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm sâu sắc nhất của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Nội dung chính của bài thơ: Tiếng thơ của thầy là cầu nối giúp em nhớ về bức tranh của quá khứ, nhớ về những kỉ niệm mộng mơ bên bà. Tiếng thơ đầy tình cảm mà vô cùng sâu lắng. | 1,0 |
| **10** | Học sinh viết được một đọn văn ngằn trình bày được cảm xúc của mình về bài thơ *Nghe thầy đọc thơ* của Trần Đăng Khoa | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể về một trải nghiệm của bản thân với mẹ hoặc với người thân.* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm với mẹ hoặc với người thân.  - Các sự kiện chính của trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Bài học, cảm xúc sau khi kết thúc trải nghiệm. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 1.0 |

1. **Dặn dò:** Làm bài nghiêm túc. Hết giờ nạp bài. Về nhà tự làm lại đề vào vở bải tập.

**\***

Ngày soạn: 18/12/

Ngày dạy: 19/12/

**TIẾT 63, 64 : VĂN BẢN 2.**

**HANG ÉN** (Hà My)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hang Én*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.

\* Năng lực chung:

Năng lực cảm thụ văn học, thảo luận, giải quyết vấn đề tự học, giao tiếp và hợp tác...

**2. Phẩm chất:** yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Hãy kể tên một số hang động nổi tiếng ở Việt Nam mà em biết.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu về thể

loại kí qua VB *Cô Tô* của Nguyễn Tuân. Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu thể loại kí qua VB *Hang Én*.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung văn bản**  **a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS **.**  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu và đặt câu hỏi HS:  *? Em hãy nêu những thông tin cơ bản của VB “Hang Én” (phần chú thích sgk)*  *? Dựa vào phần Tri thức ngữ văn đã học trong các tiết trước, em hãy cho biết VB thuộc thể loại nào?*  *? Nhân vật “tôi” đã kể hành trình khám phá hang Én theo trình tự nào? Nêu tác dụng của trình tự đó với VB.*  *? Cho biết phương thức biểu đạt của VB là gì;*  *? Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của từng phần?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + HS nêu những thông tin cơ bản của VB, PTBĐ, bố cục;  + Thể loại: Kí. Kể theo trình tự thời gian, tuyến tính 🡪 Phù hợp với thể loại kí, cho thấy sự tuần tự, câu chuyện trở nên chân thật và người đọc dễ hình dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  - Tác giả: Hà My.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình; truy cập: 14/10/2020;  - Thể loại: Kí  - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Bố cục: 2 phần:  + Phần 1: Từ đầu... *lòng hang chính*: Hành trình đi đến hang Én;  + Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én: |
| **Nhiệm vụ 2: Đọc-hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật của VB *Hang Én*.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi và tái hiện hành trình đến hang Én:  + Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt?  + Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào?  + Em hãy tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến hang Én. Những chi tiết này gợi cho em cảm nhận gì về rừng nguyên sinh?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Hành trình đến hang Én**  - Chỉ có cách đi bộ 🡪 cách duy nhất để đến được hang Én 🡪 có thời gian để khám phá và hòa mình vào thiên nhiên:  + Thách thức, nguy hiểm: dốc cao gập ghềnh; đường mòn, trơn; cây cổ thụ chắn ngang, vòm dây leo giăng kín; lội sông, trèo ngược vách đá cao hiểm trở;  + Vẻ đẹp:  + một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai;  + cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc;  + con đường, thảm cỏ (cách dùng từ “thảm”, không phải “bãi), tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quấn quýt cả vào chân người;  + các từ, cụm từ chỉ cảm xúc: thích nhất, yêu vô cùng, ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp;  🡪 Các từ ngữ miêu tả thiên nhiên có độ gợi cảm cao, thể hiện thái độ, tình cảm yêu mến của người viết. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi:  Nhóm 1: Đọc văn bản Tiếp... *trần hang cao vài trăm mét* cho biết Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì? Qua đó em có nhận xet gì về kích thước của hang én.  Nhóm 2: Đọc Tiếp... *đôi cánh ấy sẽ lành hẳn*: *tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều*. Tìm chi tiết về vẻ đẹp bên trong hang Én.  - sự kiến tạo của tự nhiên  - sinh vật sống trong hang Én  - nhận xét về nghệ thuật sử dụng  Nhóm 3: Đọc Tiếp... hết: Những chi tiết nào cho thấy sự hòa mình của du khách với thiên nhiên? (Gợi ý: khi cho chim én ăn, khi sống trong hang Én buổi tối hôm trước và sáng hôm sau); Việc hòa mình với thiên nhiên có khó khăn không? Em hãy thử hình dung về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của mình với đầy đủ tiện nghi (điện, nhà, phòng ngủ, v.v... ) để trả lời câu hỏi;  + Em hiểu được gì về sự “sống” của đá và cuộc sống của loài én chưa “biết sợ con người”?  + Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ tự nhiên không? Vì sao?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Các số liệu nói về kích thước của hang Én cho thấy hang Én rất rộng lớn;  + Những chi tiết cho thấy du khách hòa mình với thiên nhiên: cho chim én ăn, sinh hoạt ở hang Én tối hôm trước và sáng hôm sau;  + Sự “sống” của đá và của loài én “chưa biết sợ con người” cho thấy hang Én phải được kiến tạo từ rất lâu mới có được như hôm nay và nó vẫn còn nguyên sự nguyên sơ so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá;  + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Vẻ đẹp bên trong hang Én**  *a. Kích thước*  - Số đo: rộng nhất là 110m2, cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;  🡪 Hang Én rất cao, rộng, dài 🡪 Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn  *b. Vẻ đẹp trong hang Én*  - Sự kiến tạo của tự nhiên:  + Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường;  + “Bờ sông cát mịn, nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo”;  + Dải hóa thạch sò, ốc, san hô; nhũ đá, măng đá, ngọc động  🡪 tuyệt đẹp, trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên  🡪 Những vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất.  - Sinh vật tự nhiên sống trong hang Én: chim én  - Nghệ thuật: Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc:  - Khung cảnh trong hang Én thay đổi theo thời gian:  + Tối: Bóng tối trùm trong hang, khoảng trời trên cửa hang vẫn sáng rất lâu;  + Sáng: nắng ban mai rực rỡ 🡪 sáng bừng cả lòng hang, tương bật điện 🡪 từ tối sang sáng, con người chưa kịp thích nghi;   * - Khói mơ lãng đãng trên mặt nước do nắng và hơi nước mỏng cộng lại 🡪 vẻ đẹp thơ mộng, bình yên, trong trẻo của buổi sáng. * - Không khí mát lành, tinh khiết.   *c. Sự hòa mình của con người với tự nhiên*  - Cách con người tương tác với tự nhiên:  + Cách gọi hang Én: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. “Cái tổ” 🡪 gợi cảm giác nguyên thủy, ấm áp, gần gũi. “Mẹ Thiên Nhiên”: gọi thiên nhiên là “Mẹ”, viết hoa các tiếng 🡪 thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên;  🡪 con người sống giữa thiên nhiên, hòa hợp và thích ứng với thiên nhiên; thái độ trân trọng, nâng niu vẻ đẹp mong manh;  + Cư xử với chim én: đặt lên vai, cho ăn trong lòng bàn tay 🡪 sự gần gũi, thân thiện;  🡺 Tâm trạng, thái độ: yêu thích, cảm phục, ngưỡng vọng, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống an nhiên trong cái “tổ” của “Mẹ Thiên Nhiên”. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS:  + Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người? (GV gợi ý HS dựa vào những chi tiết như hành trình để đến được hang Én, điều kiện sống trong hang Én)  + Hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + HS nêu quan điểm đồng tình hoặc không về ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm.  + Hành trình khám phá hang Én đánh thức ở con người: mở rộng tầm mắt với những trải nghiệm thú vị khi được sống cùng thiên nhiên hoang sơ, vừa là thử thách đối với sức khỏe và kỹ năng sinh tồn của con người trong điều kiện thiếu thốn 🡪 Thiên nhiên là người mẹ vừa nuôi dưỡng vừa dạy dỗ con người.  + HS tổng kết về nội dung và nghệ thuật của VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc 🡪 tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc;  - Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc  **2. Nội dung**  - VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV tổ chức cuộc thi vẽ tranh tưởng tượng về hang Én dựa vào VB đã học;*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.  *GV gợi ý HS chú ý đến những chi tiết như phải đi bao lâu, bao xa mới đến được hang Én, bên trong hang Én có gì đặc biệt, cách sinh hoạt ở hang Én, v.*v...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Đoạn văn tham khảo:**  Hang Én là hang động lớn thứ 3 xếp sau hang Sơn Đoong (Việt Nam) và hang Deer (Malaysia). Hang nằm trong khu trung tâm của vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Được phát hiện và công bố năm 1994, những hình ảnh ấn tượng về hang động này đã nhanh chóng được biết đến và trở thành điểm đến ấn tượng trên toàn thê giới. Đường vào hang Én xuyên qua rừng rậm, men theo dòng sông Rào Thượng uốn lượn với cảnh tượng bươm bướm trắng bay ngập tràn suốt đường đi. Bên trong hang có hàng triệu con én sinh sống và làm tổ. Bạn sẽ có một chuyến du hành đi ngược với thời gian về thời kì tiền sử vô cùng nguyên thủy, hoang sơ. |

Ngày soạn: 20/12/

Ngày dạy: 23/12/

**TIẾT 65: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;

- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó

- Năng lực nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;

- Năng lực nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

\* Năng lực chung:

Năng lực sử dụng từ, giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Trong các tiết học thực hành tiếng Việt trước, chúng ta đã tìm hiểu về các dấu câu, cụ thể là dấu ngoặc kép. Em hãy nêu lại định nghĩa về dấu câu, dấu ngoặc kép và nêu tác dụng của chúng.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu, đoạn văn và luyện tập phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** HS nắm được khái niệm, tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang; nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa;  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành các nhóm:  + Các nhóm hãy nêu lại khái niệm của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã được học trong các bài học trước;  + Lấy ví dụ cho từng loại dấu câu và biện pháp tu từ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Dấu câu**  **1. Dấu ngoặc kép**  - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;  - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;  - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt;  - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.  **2. Dấu phẩy**  - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu;  - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép;  - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng;  - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu.  **3. Dấu gạch ngang**  - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê;  - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại;  - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu;  - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau;  - Phiên âm tên nước ngoài;  - Dùng trong cách để ngày, tháng, năm.  **II. Biện pháp tu từ**  **1. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Nhân hóa**  - *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.  **b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc và hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK trang 118.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 118**  a. *Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*  - Nghĩa của từ trong ngoặc kép: “ngược dòng” 🡪 bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.  🡪 Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.  b. *Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thắt lưng.*  Nghĩa của các từ trong ngoặc kép: “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.  🡪 Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: so sánh không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ, báo hiệu ngoài hang đầu tiên bên ngoài, sẽ còn những hang phía bên trong  Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách các vế trong câu, vế sau giải thích và làm sáng tỏ nghĩa cho vế trước;  + Dấu phẩy (2) (3): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể: bàn chân mỏng và ngón dẹt có cùng đặc điểm chung là những bộ phận dưới cùng, tiếp giáp với mặt đất của cơ thể con người.  - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt. Cụ thể ở đây là từ “ăn én”, không phải là ăn thịt chim én mà là tên một lễ hội của nười A-rem để lưu giữ ký ức họ đã từng sống trong hang động.  - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” 🡪 giải thích vì sao người A-rem lại có đặc điểm sinh học đặc biệt như vậy.  b. *Hô-oát Lim-bơ, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả măng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.*  Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách thành phần giải thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ của câu), vế sau giải thích, bổ sung thêm ý nghĩa cho vế trước: ở đây bổ sung thêm thông tin cho biết Ho-oát Lim-bơ là người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam;  + Dấu phẩy (2): ngăn cách các vế câu, vế sau làm thành phần phụ chú cho vế trước và nhấn mạnh vào vế sau giúp sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận. Cụ thể ở đây vế *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới* bổ sung thêm cho *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới*.  + Dấu phẩy (3): ngăn cách các vế, các thành phần của câu;  + Dấu phẩy (4): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể ở đây là liệt kê nhũ đá, măng đá, ngọc động. Chúng là những sự vật có cùng tính chất.  - Dấu ngoặc kép:  + “Sống” theo nghĩa thông thường: tồn tại ở hình thái có trao đổi chất với môi trường ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết (Từ điển tiếng Việt Hoàng Phê);  + “Sống” được để trong ngoặc kép trong ví dụ: nhấn mạnh và hiểu theo nghĩa cụ thể, đặc biệt: các măng đá, nhũ đá, ngọc động vẫn tiếp tục được bồi đắp, bào mòn trong hành trình tạo tác của tự nhiên. Đó là một sự hiển nhiên, sinh động cho thấy tất cả mọi vật đều ở trạng thái vận động.  - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài. Cụ thể là từ từ “centimet”, chỉ đơn vị đo độ dài.  cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  **Bài tập 5 SGK trang 118**  a. *Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.*  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.  🡪 Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  b. *Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.  🡪 Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.  c. *Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.*  - |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
|  |  |

Ngày soạn: 2212/

Ngày dạy: 25/12/

**Tiết 66: VĂN BẢN 3:**

**CỬU LONG GIANG TA ƠI**

(Trích “***Cửu Long Giang ta ơi***”, Nguyên Hồng)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả Nguyên Hồng

- Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long và con người Nam bộ qua nhịp thơ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận xét được tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước

- Liên hệ và so sánh Cửu Long Giang xưa kia hiện tại từ đó nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

\* Năng lực chung:

Năng lực cảm thụ văn học, thảo luận, giải quyết vấn đề tự học, giao tiếp và hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

- Yêu nước, yêu thương con người và cuộc sống

- Trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ và xây dựng tổ quốc

- Lòng biết ơn

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, giáo án Word, giáo án ppt

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và Tập thơ “Trời xanh”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV cho HS nghe một đoạn bài hát “Mùa xuân trên dòng sông Mê Kông”**

*“Trọn niềm tin ước mơ mùa xuân rạng rỡ đẹp*

*Những mùa hoa và ước mơ đã về cùng với ta*

*Dòng nước êm như lụa mượt mà đẹp ý thơ đẹp*

*Cùng sát vai xây nền độc lập*

*Phù sa sông nước bồi cho cho cây ra muôn hoa*

*Sông nước Mê Kông soi trời xanh bao la.*

**? Con sông nào được nhắc đến trong bài hát? Em biết gì về con sông đó?**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe và suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS

- GV kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: GV chuẩn bị sẵn bản đồ địa lí để giới thiệu về sông Mê Kông, sông Cửu Long, một số thông tin lịch sử, khoa học liên quan đến sông Cửu Long và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Nguyên Hồng và tác phẩm “Cửu Long Giang ta ơi”. Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục, nhan đề)  **b) Nội dung**: HS hoạt động cá nhân  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  Thảo luận nhóm đôi  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT thảo luận nhóm đôi`  **c) Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trảlời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của Thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ***? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyên Hồng?*** | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1 Tác giả** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn HS cách đọc và tìm hiểu chú thích.  - HS thảo luận nhóm cặp đôi trong thời gian 2p  ? Tìm hiểu xuất xứ, thể thơ, PTBĐ chính, Ý nghĩa nhan đề bài thơ?  ? Bố cục của VB và nội dung từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản, chú thích  - Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  Nhận xét cách đọc của HS.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Trích trong tập thơ “Trời xanh” (1960)  - Thể loại: Thơ tự do  - PTBĐ: tự sự, miêu tả, biểu cảm  - Ý nghĩa nhan đề: Tiếng gọi yêu thương, tha thiết dòng Cửu Long Giang, đồng thời thể hiện ý thức sở hữu, niềm tự hào dành cho dòng sông của quê hương.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: *Từ đầu đến “cây số mông mênh”* (Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ)  + Phần 2: Từ *“Mê Kông chảy”…đến “chia cắt”* (Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương.  + Phần 3: *Phần còn lại* (Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả). | | |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | | |
|  | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** GV chia lớp thành 2 nhóm  - Phát **phiếu thảo luận số 1** cho HS  ***Câu 1: Tìm chi tiết về hình ảnh lớp học đầu bài thơ.***   * *Nhân vật “ta: được giới thiệu như thế nào, có hành động và tâm trạng gì?* * *Em hiểu như thế nào về h/a tấm bản đồ rực rỡ* * *Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tấm bản đồ ấy?* * *Nhân vật “thầy giáo”qua cái nhìn của nhân vật “ta” ra sao?* * *Hình ảnh “Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ” được nhiểu ntn?* * *Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?*   ***Câu 2:***   * *Hình ảnh lớp học cuối bài thơ nhân vật “ta” và “thầy giáo” có sự thay đổi ra sao?* * *Giọng điệu của đoạn thơ cuối có gì khác so với những phần trước? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả?*   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại phiếu cá nhân đã chuẩn bị trước (trong thời gian 1 phút)  - HS thảo luận, thống nhất ý kiến vào phiếu lớn (5 phút)  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục sau | | **II. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Hình ảnh lớp học ở đầu và cuối bài thơ**  *\* Hình ảnh lớp học ở đầu bài thơ:*  - Nhân vật “ta”:  +Là một học sinh, 10 tuổi.  +Hành động: “Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ/Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ”  -Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.  - Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiễm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp đẽ lạ thường.  +Tâm trạng: “Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu” gợi cảm giác choáng ngợp trước sự rộng lớn của con sông Mê Kông.  -> Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.  - Nhân vật “thầy giáo”:  +“Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao/Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”: Hình ảnh người thầy trở nên vĩ đại, thể hiện sự ngưỡng mộ của học sinh với thầy giáo.  +“Đưa ta đi sông núi tuyệt vời”: thầy đã giúp học sinh khám phá được những bài học bổ ích.  *\* Hình ảnh lớp học ở cuối bài thơ:*  - Nhân vật “ta”: đã lớn. Trong cái nhìn của ngày hôm nay, hình ảnh thầy giáo không còn to lớn như một đạo sĩ, mà kết đọng lại thành một kỉ niệm đẹp không thể phai mờ.  - Nhân vật thầy: đã khuất, “thước bảng to nay thành cán cờ sao” là sự hy sinh cho nền độc lập của dân tộc.  -> thể hiện niềm tự hào và biết ơn sâu sắc những người đã ngã xuống. Tên tuổi của họ trở thành bất tử, vang vọng cùng núi, sông, đất, trời. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** GV yêu cầu HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi:  *?Tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua những chi tiết nào?*  *?những nét nghệ thuật đặc sắc khi miêu tả vẻ đẹp của sông Mê Kông?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **-** Các nhóm hội ý trong vòng 2 phút:  + Nhóm chuyên gia chuẩn bị thuyết trình + Các nhóm còn lại thống nhất các vấn đề cần giải đáp.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:**  - Nhóm chuyên gia cử đại diện trình bày, các thành viên khác trong lớp lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi cần giải đáp.  - Các thành viên của nhóm chuyên gia lần lượt trả lời câu hỏi của các bạn.  **GV:** Lắng nghe, quan sát học sinh, hỗ trợ giải đáp những vấn đề nhóm chuyên gia chưa giải quyết được.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **2. Hình ảnh sông Mê Kông qua bài giảng của thầy**  - Dòng sông dữ dội:  +Thời gian: trưa hè ngun ngút.  +Cảnh vật quanh sông: cây lao đá đổ, bao bọc bởi các loại cây như lan hoang, dứa mật, thông nhựa.  +Chảy qua dãy Trường Sơn, thác Khôn.  - Dòng sông êm đềm:  +Thời gian: sáng mùa thu  +Cảnh vật quanh sông: bướm với trời xanh, chim khuyên rỉa cành, sương đọng long lanh, rừng núi lùi xa, đất phẳng thở chan hòa, sóng tỏa chân trời buồm trắng.  +Mê Kông: Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát/Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng/Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa/Bến nước Mê Kông tôm cá ngợp thuyền/Mê Kông quặn đẻ/Chín nhánh sông vàng.  => Con sông cung cấp phù sa màu mỡ cho đất đai, ruộng đồng.  **-** Nghệ thuật: nhân hoá (Mê Kông cũng hát, núi rừng lùi xa, đất thở chan hoà), khiến cho dòng Mê Kông như mang tâm trạng của con người, vui sướng, hứng khởi khi được hoà mình với cuộc sống của con người.  - Biện pháp liệt kê, kết hợp với các động từ mạnh, tính từ đặc tả đã cho thấy nguồn tài nguyên quý giá, vô hạn mà dòng Cửu Long Giang đã đem đến cho chúng ta. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Giáo viên đặt câu hỏi cho HS**  ?*Vai trò của Mê Kông với người dân Nam Bộ?*  *?Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc họa qua chi tiết nào?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  - HS lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến cá nhân  - GV lắng nghe, gợi dẫn câu trả lời cho HS  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **3. Hình ảnh dòng sông gắn bó với con người**  - Vai trò của Mê Kông với người dân Nam Bộ:  +Cung cấp phù sa trồng lúa: Ruộng bãi trồng không hết lúa.  +Cung cấp lượng thủy hải sản: Bến nước tôm cá ngợp thuyền.  +Cung cấp đất trồng cây ăn quả: Sầu riêng thơm dậy và dừa trĩu quả.  - Hình ảnh con người Nam Bộ:  +Chăm chỉ, sương gió: gối đất nằm sương, mồ hôi và bãi lầy thành đồng lúa.  +Gắn bó với từng mảnh đất: Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa... Cà Mau.  +Ông cha hy sinh để giữ đất giữ nước cho con cháu: Những mặt đất… chia cắt.  => Sông Mê Kông gắn bó, đóng góp to lớn cho cuộc sống của con người. | |
| **NHIỆM VỤ III. TỔNG KẾT**  **a) Mục tiêu:**  HS khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung:**  GV đặt câu hỏi, các nhóm thảo luận, thống nhất và báo cáo.  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Sau vòng thảo luận chuyên gia, GV cho học sinh giữ nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập mới.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”? | | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm, giọng điệu phong phú gợi nhiều cảm xúc cho người đọc  - Sử dụng hình ảnh sinh động, giàu tính hình tượng  - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, liệt kê.  **2. Nội dung** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong toàn bài thơ. (Chính là mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.  **HS** liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:**  - GV đọc và chữa bài cho 1 vài học sinh (Tuỳ thuộc thời gian).  - GV chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | | | **Đoạn văn tham khảo**  Mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ chính là tình yêu của tác giả đối với dòng sông Mê Kông, rộng lớn hơn là tình yêu tổ quốc. Tình yêu đó ngày càng lớn dần và sâu sắc theo năm tháng (từ khi 10 tuổi, đến khi lớn khôn *“Ta đi… bản đồ không nhìn nữa”*, đến khi trưởng thành “*ta đã lớn”):* Bắt đầu từ những tưởng tượng diệu kì qua bài giảng của thầy giáo đến những hiểu biết và trải nghiệm phong phú về địa hình, thiên nhiên, cuộc sống và con người, đến những cảm nhận sâu sắc về bề dày lịch sử và truyền thống ông cha. Và xuyên suốt là niềm tự hào không dứt về quê hương, đất nước. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  HS được chọn một trong 2 nhiệm vụ sau:   * Tìm đọc một vài bài thơ trong tập thơ “Trời xanh” của Nguyên Hồng, ghi chép vào sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận. * Sưu tầm một số bài thơ viết về thiên nhiên, đất nước cùng giai đoạn với bài “Cửu Long Giang ta ơi” của Nguyên Hồng, ghi chép và sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS nộp lại sổ tay văn học để giáo viên kiểm tra, đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. | | |  |

Ngày soạn: 3/1/

Ngày dạy: 4/1/

**Tiết 68 VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

- Năng lực viết được cảnh sinh hoạt trong văn bản Cô Tô, Hang Én

- Năng lực tả bao quát quang cảnh chung (không gian, thời gian, hoạt động chính)

- Năng lực sử dụng được từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

\* Năng lực chung:

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

**2. Phẩm chất:** Ý thức tự chủ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính hoặc máy tương tác, ti vi.

- Phiếu học tập.

- Video giới thiệu về cảnh sinh hoạt.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*HOẠT ĐÔNG 1: MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được kiểu bài tả về một cảnh sinh hoạt.  - Nhận biết được các bước tả trong văn miêu tả.  - Biết sử dụng từ ngữ phù hợp với văn miêu tả để có bài văn rõ nét, sinh động.  **b) Nội dung:**  **- GV hỏi, HS trả lời.**  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hỏi:**  ? Trong bài “Cô Tô” của Nguyễn Tuân có miêu tả cảnh sinh hoạt không?  ? Em thấy người quan sát và miêu tả ở đây có tâm thế như thế nào?  ? Người quan sát yêu thích cảnh đó hay tò mò muốn khám phá và bất ngờ nhận ra… ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát vb “*Cô Tô*”.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS tả lại một cảnh sinh hoạt mà em đã thấy.  **GV**:  - Dự kiến KK HS gặp: không biết tả về cảnh sinh hoạt.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  ? Cảnh sinh hoạt đó diễn ra ở đâu (nhà, trường, …)? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả vào thời điểm nào? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả như thế nào?...  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt*”. | ***Văn bản* :**“Cô Tô” của Nguyễn Tuân. |

* **HOẠT ĐÔNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT** | | | |
| **a) Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt:  - Sử dụng phù hợp với đề bài yêu cầu.  - Biết cách quan sát, nhận xét và có trí tưởng tượng.  **b) Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  ? Người viết cần phải làm như thế để có bài văn hay và có sức thuyết phục ?  ? Văn tả cảnh sinh hoạt cần sử dụng ngôn từ như thế nào?  ? Văn tả cảnh có cần bộc lộ cảm xúc của người viết không ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhớ lại văn bản “Cô Tô”.  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau. | | | **1. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt**  - Tả cảnh sinh hoạt.  - Quan sát, lựa chọn đối tượng cụ thể, những chi tiết phù hợp (Thời gian, địa điểm, không gian, quang cảnh…)  - Văn tả: sử dụng ngôi từ cần rõ nét, sinh động.  - Cảm xúc của bản thân… |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo tả chợ phiên vùng cao.  - Biết được cách bước tả cảnh sinh hoạt và lựa chọn hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn tả cảnh chợ phiên ở vùng cao.  - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thâm bài, kết bài).  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi: Bài viết tả cảnh sinh hoạt ở đâu? Cảnh sinh hoạt đó được tác giả miêu tả như thế nào?  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định bố cục trong bài văn?  2. Phần nào giới thiệu cảnh sinh hoạt?  3. Phần nào tập trung vào các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu của chợ phiên vùng cao ? Đó là những hình ảnh nổi bật nào?  4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được tả?  **GV** yêu cầu: HS tả lại ngắn gọn cảnh chợ phiên vùng cao theo các sự việc được xác định.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | | **2.Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bài mẫu**:  - Tả cảnh sinh hoạt ở chợ phiên vùng cao.  - Bố cục: 3 phần.  - Các phần:  + Đoạn 1: Giới thiệu cảnh sinh hoạt.  + Đoạn 2, 3: tả quang cảnh chung.  + Đoạn 4: tả hoạt động cụ thể của con người.  + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc, thái độ của người viết.  - Các hình ảnh, chi tiết nổi bật:  + Cảnh chợ phiên thú vị nhất là họp vào buổi sáng thứ Bảy hằng tuần.  + Từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ khắp nẻo đường mòn xuống chợ phiên để trao đổi hàng hóa, giao lưu, gặp gỡ lẫn nhau.  + Cảnh họp chợ đông vui, náo nhiệt và đủ các sắc màu của các sắc tộc khác nhau.  + Cảnh buôn bán, giao đổi hàng hóa, gia súc.  + Cảnh chợ tan tầm trưa. | |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | | | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những chi tiết cụ thể và đặc sắc.  - Sử dụng từ ngữ miêu tả phù hợp.  **b) Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT động não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Liệt kê những chi tiết đặc sắc?  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | | **3. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Em tả cảnh gì? |  | | Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào? |  | | Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào? |  | | Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc? |  | | Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào? |  | | Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu cảnh sinh hoạt.  - *Thân bài*: Miêu tả cảnh sinh hoạt.  + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.  + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia.  + thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.  - *Kết bài*: nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết.  **2. Viết bài**  Khi viết bài em cần chú ý:  + Tả những gì em đã quan sát.  + Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị, … chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để bài viết thêm sinh động.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết theo gợi ý. | | |
| **TRẢ BÀI** | | | | |
| **a)** **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  **b)** **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | | | Bài viết đã được sửa của HS | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức lý thuyết bài văn tả cảnh sinh hoạt.  HS biết viết bài văn tả cảnh sinh hoạt dưới các các dạng đề cụ thể  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả viết bài văn của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, liên kết các đoạn văn tạo thành bài văn hoàn chỉnh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, sửa chữa* | | |  | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về văn tả cảnh sinh hoạt để hoàn thiện bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt hoàn chỉnh.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả viết bài văn của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, bài văn ở nhà  *- GV nhận xét, đánh giá, sửa chữa vào buổi học 2/ngày.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | |  | |

Ngày soạn: 6/1/

Ngày dạy: 9/1/

**Tiết 69. NÓI VÀ NGHE**

**CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\* Năng lực riêng:

***-*** Năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy nói và nghe. Một số kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được tích hợp trong quá trình dạy đọc, viết, nói và nghe.

- Năng lực Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.

- Năng lực biết tham gia và trình bày thảo luận, biết đặt và trả lời câu hỏi…

- Năng lực chung:

+ Năng lực nghe và nói

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

+ Năng lực tự chủ, tự tin...

**2. Phẩm chất**:

- Nhân ái: yêu thương quê hương, đất nước, con người,…

- Chia sẻ: Biết chia sẻ với mọi người xung quanh về suy nghĩ của mình

- Tự hào: Tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người,...  
- Ý thức tự giác, tích cực: bảo vệ quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:** HS quan sát, nhận biết.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét xâu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b | **1. CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  **a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).**  Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói  ? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra?  ? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó.  ? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì?  ? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành động, lời nói như thế nào?  ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em?  - GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS chuẩn bị bài nói  - HS luyện nói tại chỗ  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói. | **b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện.**  \* *HS chuẩn bị được bài nói* bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh.  *\* Tập luyện*  - HS nói một mình  - HS luyện nói cùng cặp đôi | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | **2. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | **3. Trao đổi về bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  “Kể về một chuyến du lịch của gia đình em.”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.  - GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét phần nói và nghe của HS. | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**  **a. Mục tiêu**  - Củng cố kiến thức, nội dung bài học.  - Mở rộng thêm kiến thức  **b. Nội dung hoạt động**: GV ra bài tập. HS làm bài tập  **c. Sản phẩm học tập:** Bài tập của học sinh  **d. Tổ chức hoạt động:** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU SỐ 2: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NGHE. NHÓM:……..** | | |
| **Tiêu chí** | **Yêu cầu** | **Nhận xét ( Đánh dấu X vào dòng thích hợp)** |
| 1. Tập trung chú ý | Chú ý ( 2đ) |  |
| Bình thường( 1đ) |  |
| Chưa chú ý ( 0đ) |  |
| 2. Thái độ lắng nghe | Chăm chú, ghi chép lại ( 2đ) |  |
| Chú ý nghe nhưng không ghi chép ( 1đ) |  |
| Không chú ý( 0đ) |  |
| 3. Phản hồi ý kiến | Khéo léo, lịch sự ( 2đ) |  |
| Bình thường ( 1 đ) |  |
| Gay gắt ( 0đ) |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***BT 1***- Viết đoạn văn trình bày nhận thức, bài học rút ra từ chia sẻ trải nghiệm của nhóm mình.  ***BT 2-*** Tìm đọc, tự tìm thêm các tác phẩm kí hoặc thơ viết về các vùng miền của đất nước, chỉ ra một vài nét tương đồng và khác biệt của những tác phẩm đó với các tác phẩm đã học trong bài: Cô Tô và Hang Én.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**   * GV hướng dẫn hs tìm hiểu yêu càu của bài tập. * HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.   **\* Báo cáo kết quả:**  GV hướng dẫn hs nộp sản phẩm sau khi hoàn thành: Thời gian : sau 1 tuần, nộp trực tiếp trên giấy kiểm tra.  **\* Đánh giá kết quả:**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU SỐ 1: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI** | | | | | | **NHÓM:** | | | | **Điểm** | | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** | | 1. Chọn được nội dung phù hợp | Chưa có nội dung, đề tài để kể, tả | Có đề tài, nội dung để kể, tả nhưng chưa hay | Nội dung và đề tài hay và ấn tượng |  | | 2. Trải nghiệm phong phú, hấp dẫn | Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu trải nghiệm của bạn | Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm của bạn | Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm và hấp dẫn, thú vị. |  | | 3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy | Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | Giọng nói to, rõ ràng; có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy, truyền cảm. |  | | 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn về người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |  | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Có lời chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |  | | **Tổng điểm** |  | | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **BẢN TỒNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI- NGHE** | | | | | | **Tiêu chí** | **Nhóm** | | | | | **1** | **2** | **3** | **4** | | 1. Chọn được đề tài, nội dung hay, có ý nghĩa |  |  |  |  | | 2. Nội dung trải nghiệm  phong phú, hấp dẫn |  |  |  |  | | 3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy |  |  |  |  | | 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp |  |  |  |  | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí |  |  |  |  | | **Tổng điểm nói ( 1)** |  |  |  |  | | 1. Tập trung chú ý |  |  |  |  | | 2. Thái độ lắng nghe |  |  |  |  | | 3. Phản hồi ý kiến |  |  |  |  | | **Tổng điểm nghe( 2)** |  |  |  |  | | **Tổng chung (1)+ (2)** |  |  |  |  | |  |

- GV đánh giá tổng kết theo phiếu số 1 và phiếu số 2

**RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5**  **(Giỏi)** | **Mức 4**  **(Khá)** | **Mức 3**  **(Trung bình)** | **Mức 2**  **(Yếu)** | **Mức 1**  **(Kém)** |
| **1** | **Xđ đúng thể loại, kiểu bài**  **(1.0 đ)** | Xác định đúng, chính xác kiểu bài, sử dụng kết hợp phù hợp, linh hoạt các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm linh hoạt. | Xác định đúng, chính xác kiểu bài, sử dụng kết hợp phù hợp các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – miêu tả cảnh vật, cảnh sinh hoạt có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm phù hợp. | Xác định đúng, kiểu bài, có sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – miêu tả toàn cảnh bãi biển bước đầu có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm. | Xác định đúng, kiểu bài, bài văn miêu tả cảnh – miêu tả toàn cảnh bãi biển chưa biết kết hợp các phương thức biểu đạt khác. | Không xác định được đối tượng miêu tả |
| **2** | **Nội dung**  **(5.0 điểm)** | - Bài viết tái hiện một cách sinh động các vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt. | - Bài viết tái hiện một cách chân thật, cụ thể cảnh vật, cảnh sinh hoạt. | - Bài viết tái hiện được những nét đẹp cơ bản của cảnh vật, cảnh sinh hoạt. | Miêu tả được những nét đẹp cơ bản của cảnh vật, cảnh sinh hoạt nhưng còn sơ sài, chung chung. | Không miêu tả được những nét cơ bản về cảnh vật, cảnh sinh hoạt. |
| **3** | **Liên kết**  **(1.0 điểm)** | Bài viết có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, các đoạn tạo nên tính mạch lạc, logic và có sức thuyết phục cao. | Bài viết có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần các đoạn tạo nên tính mạch lạc. | Bài viết có sự liên kết xuyên suốt nhưng đôi chỗ chưa mạch lạc | Bài viết có liên kết nhưng nhiều chỗ chưa mạch lạc | Chưa thể hiện được sự liên kết. |
| **4** | **Tình cảm cảm xúc đối với nhân vật (0.5 điểm)** | - Thể hiện được cảm xúc, rung động trước vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phong phú, sinh động có tính gợi hình gợi cảm cao. | Người viết thể hiện được tình yêu mến với vẻ đẹp của của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phong phú, sinh động. | Người viết thể hiện được tình yêu mến với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phù hợp. | Người viết thể hiện được tình cảm với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt nhưng cảm xúc chưa rõ ràng | Chưa bày tỏ được cảm xúc với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt |
| **5** | **Diễn đạt**  **(1.0 điểm)** | - Bài viết có cách diễn đạt mới mẻ, trôi chảy.  - Cách dùng từ, đặt câu sáng tạo, chuẩn xác.  - Không sai chính tả.  - | - Bài viết có cách diễn đạt trôi chảy.  - Cách dùng từ, đặt câu chuẩn xác.  - Không sai chính tả.  - | - Bài viết có cách diễn đạt trôi chảy.  - Cách dùng từ, đặt câu chuẩn xác.  - Còn mắc một số lỗi chính tả. | - Biết cách dùng từ, đặt câu.  - Còn mắc một số lỗi dùng từ, đặt câu.  - Có mắc một số lỗi chính tả | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả. |
| **6** | **Trình bày**  **(1.0 điểm)** | Bố cục rõ ràng, hợp lý, bài sạch, chữ đẹp, không gạch xóa. | Bố cục rõ ràng, bài sạch, chữ rõ, không gạch xóa. | Bố cục rõ ràng, chữ viết rõ ràng, ít gạch xóa. | Bố cục rõ ràng, chữ viết tương đối rõ ràng, còn nhiều gạch xóa. | Chưa thể hiện được bố cục, chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa. |
| **7** | **Sáng tạo**  **(0.5 điểm)** | - Có nhiều ý tưởng độc đáo, mới mẻ. | - Có khá nhiều ý tưởng mới mẻ. | - Có một số ý tưởng mới mẻ. | - Có một ý tưởng mới mẻ. | Không có sự sáng tạo. |

Ngày soạn: 3/1/

Ngày dạy: 6/1/

**Tiết 70: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

\* Năng lực riêng:

Năng lực nhận ra đư­ợc những ư­u điểm, nhược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài làm của mình từ đó có hướng khắc phục

**\*** Năng lực chung: Tự giác, hợp tác, tư duy....

**2. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Kế hoạch dạy học, bài làm của học sinh

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* GV yêu cầu HS nhớ lại câu hỏi của đề kiểm tra cuối kì I

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **a) Mục tiêu:** Qua giờ trả bài giúp ôn lại các kiến thức đã học trong HKII. Học sinh nhận ra đư­ợc những ư­u điểm, nh­ược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài viết của mình có hướng khắc phục.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc lại đề, chữa đề.  *? Đề yêu cầu những nội dung gì?*  *?Em hãy đưa ra đáp án từng yêu cầu của đề?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đưa đáp án và thang điểm | **I. ĐỀ BÀI VÀ ĐÁP ÁN**  **(theo tiết 65,66 )** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đặt câu hỏi:  *? Bài làm của em đạt ở mức độ nào?*  *? Có những câu nào em xác định sai?*  *? Em rút ra kinh nghiệm gì qua phần bài làm này?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **GV nhận xét bài làm của học sinh:**  \*Ưu điểm:  - Một số bài làm nắm chắc kiến thức, trình bày đủ ý, diễn đạt lưu loát.  - Kiến thức tiếng Việt khá chắc.  - Nhiều bài chữ viết đẹp, trình bày rõ ràng, mạch lạc.  \*Nhược điểm:  - Một số bài làm sơ sài, trả lời còn chung chung, chưa đúng vào yêu cầu câu hỏi.  - Một số học sinh không xác định được yêu cầu câu hỏi, kiến thức tiếng Việt còn chưa chắc.  - Nhiều bài phần làm văn còn sơ sài, thiếu ý, diễn đạt lủng củng.  - Một số bài chữ viết xấu, chưa hoàn thành bài viết.... | **II. NHẬN XÉT**  ***1. Ưu điểm***  ***2. Nhược điểm*** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn học sinh chữa lỗi trong bài viết**  GV trả bài  HS chữa lỗi trong bài viết của mình  HS trao đổi bài viết, tự kiểm tra theo cặp  GV kiểm tra một số bài viết đó chữa lỗi của học sinh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS xem lại bài làm, trao đổi bài với bạn để rút kinh nghiệm trong bài làm của mình  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV: đọc một số bài làm khá, giỏi | **III. Trả bài- chữa lỗi** |

Ngày soạn: 5/1

Ngày dạy: 8,9/1(6c,6d)

**TIẾT 71,72 : ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

\*Năng lực riêng:

Năng lực trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí.

\* Năng lực chung:

Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**2. Phẩm chất**

- Những phẩm chất được gợi ra từ nội dung của VB đọc;

- Ý thức tự giác, tích cực của HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:*

+ Trong các bài học vừa qua, chúng ta đã được thầy/cô hướng dẫn đọc 1 VB cụ thể. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tự chọn ra các VB đã được yêu cầu để tiến hành đọc mở rộng.

+ Các em đã lựa chọn ra những VB nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;*

*- GV nhận xét, đánh giá.*

**\* HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học (trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí).  **b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1 bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: *Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.*  - GV gợi ý:  *+ Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;*  *+ Đối với VB thể kí, chú ý các kể, tả sự kiện cho mang tính chất chân thật hay không (người kể chuyện có tham gia vào câu chuyện hay không)? Cách kể chuyện có gì đặc biệt? (tuyến tính – theo thời gian hay phi tuyến tính)? Nêu tác dụng của cách kể này.*  *+ Đối với VB thơ lục bát, chú ý phân tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. |  |

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**HẾT HỌC KÌ I**

**TIẾT 68, 69:** *Ngày soạn: 22/12/2022*

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I- NGỮ VĂN 6**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Đánh giá, kiểm tra năng lực của học sinh cuối kỳ

**2. Phẩm chất**: Yêu cuộc sống, chăm chỉ (yêu ngôn ngữ dân tộc, chăm chỉ, cần cù trong học tập)

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy chiếu, Tivi (nếu có) bảng, phấn, máy tính...

**2. Học liệu:**

- Ngữ liệu đọc của đề.

**C. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**MA TRẬN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ, thơ lục bát | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân.  -Tả cảnh sinh hoạt | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** |  |  | 5 TN | 3 TN | 2 TL |  |
| Thơ và thơ lục bát. | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp |
| **2** | **Viết** | - Kể lại một trải nghiệm của bản thân.  - Tả cảnh sinh hoạt | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.-  - Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt có bố cục 3 phần |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ RA:**

**Phần I. ĐỌC HIỂU** (6,0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :**

*Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà*

*Mái chèo nghiêng mặt sông xa*

*Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa*

*Nghe trăng thở động tàu dừa*

*Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời...*

*Thêm yêu tiếng hát nụ cười*

*Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra...*

(Theo ***Nghe thầy đọc thơ***– Trần Đăng Khoa.)

**Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng**

1. Tự do. B. Lục bát C. Bốn chữ. D. Năm chữ

**Câu 2**: Nhân vật đọc thơ được nói đến trong bài là ai? (3)

1. Thầy B. Mẹ. C. Bà D. Con

**Câu 3**: Hãy chỉ ra cách ngắt nhịp trong hai câu thơ sau:

*Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà*

1. 3/3 và 4/4 B. 2/2/ 2 và 6/2 C. 2/2/2 và 3/3/2 D. 2/2/2 và 4/4

**Câu 4:** **Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong 2 dòng thơ**

*Mái chèo nghiêng mặt sông xa*

*Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa*

1. Ẩn dụ và nhân hóa B. Điệp ngữ và liệt kê

C. Liệt kê và ẩn dụ D. Điệp ngữ và ẩn dụ

**Câu 5:** **Trong các từ sau đây, từ nào là từ láy?**

1. Rào rào B. Tiếng thơ C. Mái chèo D. Cơn mưa

**Câu 6**: **Dòng nào nêu đẩy đủ các âm thanh xuất hiện trong bài thơ?**

1. Tiếng thơ, tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười,
2. Tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa
3. Tiếng thầy đọc, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa
4. Tiếng thơ, tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa

**Câu 7**: **Từ nào sau đây không phải là từ ghép?**

A. Mái chèo B. Tàu dừa C. Tiếng hát D. Em nghe

**Câu 8**:Câu thơ *Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra...*trong bài có ý nghĩa gì? (7)

A.Tác dụng của việc đọc thơ

B. Vẽ đẹp của quê hương đất nước và những kỉ niệm về bà hiện về trong thơ

C. Thể hiện trí tưởng tượng liên tưởng độc đáo của tác giả

D**.** Đọc thơ rất thú vị

**Câu 9**: (1.0 điểm) Theo em, nội dung chính của bài thơ là gì?

**Câu 10**: (1.0 điểm) Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về bài thơ trên

**Phần II. Làm văn** (4,0 điểm)

Hãy tả lại một phiên chợ tết mà em có dịp tham gia.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Nội dung chính của bài thơ: Tiếng thơ của thầy là cầu nối giúp em nhớ về bức tranh của quá khứ, nhớ về những kỉ niệm mộng mơ bên bà. Tiếng thơ đầy tình cảm mà vô cùng sâu lắng. | 1,0 |
| **10** | Học sinh viết được một đọn văn ngằn trình bày được cảm xuacs của mình về bài thơ *Nghe thầy đọc thơ* của Trần Đăng Khoa | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Tả một phiên chợ tết.* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm*  HS có thể triển khai theo các trình tự khác nhau, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
| ***MB:***  - Giới thiệu khung cảnh sinh hoạt được tả  -Thời gian, địa điểm  ***TB:***  - Tả cảnh sinh hoạt chung bằng cái nhìn bao quát  - Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần  - Tả sự thay đổi của sự vật, của bức tranh sinh hoạt trong thời gian, không gian.  ***KB:***  Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 1.0 |

1. **Dặn dò:** Làm bài nghiêm túc. Hết giờ nạp bài. Về nhà tự làm lại đề vào vở bải tập.

**\* Rút kinh nghiệm**

*................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*Ngày soạn : 22/12/2022\*

*Ngày dạy: 25/12/22*

***TIẾT 72*** **TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

***A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT***

**1. Kiến thức:**

**-** Hiểu được nội dung đoạn Đọc- hiểu.

**-** Nhận biết được chi các kiến thức tiếng Việt có liên quan đến đoạn thơ.

- Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Biết viết bài văn tả cảnh sinh hoạt. Bài viết mạch lạc sinh động và hấp dẫn. Biết sử dụng các biện pháp tu từ trong miêu tả.

**2. Năng lực:**

- Kĩ năng viết văn miêu tả

- Năng lực hình dung tưởng tượng và liên tưởng

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái, biết yêu thương, chia sẻ trong cuộc sống

- Có trách nhiệm với bản thân và những người xung quanh

***B. CHUẨN BỊ***

- Giáo viên: Chấm bài, trả bài trước cho HS 1 ngày, yêu cầu các em xem các lỗi và sửa lỗi.

- Học sinh: sửa lỗi

***C. CÁC BƯỚC LÊN LỚP***

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh

2. Bài mới:

- GV chiếu đề bài, HS đọc lại đề.

- GV gọi HS lên bảng chữa bài.

- Đối chiếu bài làm của HS với đáp án.

- HS tự nhận xét bài làm của mình- nêu thắc mắc.

- GV nhận xét và khái quát lại những ưu- nhược điểm trong bài làm của HS.

\* Ưu điểm:

1. Về hình thức:

- Nhiều em trình bày sạch đẹp, rõ ràng.

- Viết đúng chính tả, đúng ngữ pháp.

- Trình bày bài theo bố cục của bài văn tả cảnh sinh hoạt.

2. Về nội dung:

- HS nhận biết được thể loại của văn bản ở phần đọc hiểu. Hiểu được nội dung của văn bản.

- Hiểu được nghĩa của từ, thành phần câu.

- Hiểu được cách làm bài văn tả cảnh sinh hoạt.

\* Tồn tại:

- Trình bày nội dung của đoạn văn quá dài dòng.

- Nhiều em chưa nhận biết được phép tu từ và tác dụng của phép tu từ trong đoạn văn.

- Một số trình bày đoạn văn chưa đúng quy cách.

- Bài văn còn sơ sài, chưa biết sử dụng các biện pháp tu từ trong miêu tả

HS tiếp tục đối chiếu với bài làm, sửa lỗi.

GV đọc 1 bài khá và 1 bài yếu- HS lắng nghe, nhận xét, nêu phương hướng sửa chữa. GV lấy điểm vào sổ.

**ĐỀ SỐ 1:**

**Phần I. ĐỌC HIỂU** (6,0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :**

*Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà*

*Mái chèo nghiêng mặt sông xa*

*Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa*

*Nghe trăng thở động tàu dừa*

*Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời...*

*Thêm yêu tiếng hát nụ cười*

*Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra...*

# (Theo *Nghe thầy đọc thơ* – Trần Đăng Khoa.)

**Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng**

1. Tự do. B. Lục bát C. Bốn chữ. D. Năm chữ

**Câu 2**: Nhân vật đọc thơ được nói đến trong bài là ai? (3)

1. Thầy B. Mẹ. C. Bà D. Con

**Câu 3**: Hãy chỉ ra cách ngắt nhịp trong hai câu thơ sau:

*Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà*

1. 3/3 và 4/4 B. 2/2/ 2 và 6/2 C. 2/2/2 và 3/3/2 D. 2/2/2 và 4/4

**Câu 4:** **Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong 2 dòng thơ**

*Mái chèo nghiêng mặt sông xa*

*Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa*

1. Ẩn dụ và nhân hóa B. Điệp ngữ và liệt kê

C. Liệt kê và ẩn dụ D. Điệp ngữ và ẩn dụ

**Câu 5:** **Trong các từ sau đây, từ nào là từ láy?**

1. Rào rào B. Tiếng thơ C. Mái chèo D. Cơn mưa

**Câu 6**: **Dòng nào nêu đẩy đủ các âm thanh xuất hiện trong bài thơ?**

1. Tiếng thơ, tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười,
2. Tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa
3. Tiếng thầy đọc, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa
4. Tiếng thơ, tiếng mái chèo, tiếng hát , tiếng cười, tiếng thở tàu dừa

**Câu 7**: **Từ nào sau đây không phải là từ ghép?**

A. Mái chèo B. Tàu dừa C. Tiếng hát D. Em nghe

**Câu 8**:Câu thơ *Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra...*trong bài có ý nghĩa gì? (7)

A.Tác dụng của việc đọc thơ

B. Vẽ đẹp của quê hương đất nước và những kỉ niệm về bà hiện về trong thơ

C. Thể hiện trí tưởng tượng liên tưởng độc đáo của tác giả

D**.** Đọc thơ rất thú vị

**Câu 9**: (1.0 điểm) Theo em, nội dung chính của bài thơ là gì?

**Câu 10**: (1.0 điểm) Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về bài thơ trên

**Phần II. Làm văn** (4,0 điểm)

Hãy tả lại một phiên chợ tết mà em có dịp tham gia.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Nội dung chính của bài thơ: Tiếng thơ của thầy là cầu nối giúp em nhớ về bức tranh của quá khứ, nhớ về những kỉ niệm mộng mơ bên bà. Tiếng thơ đầy tình cảm mà vô cùng sâu lắng. | 1,0 |
| **10** | Học sinh viết được một đọn văn ngằn trình bày được cảm xuacs của mình về bài thơ *Nghe thầy đọc thơ* của Trần Đăng Khoa | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Tả một phiên chợ tết.* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm*  HS có thể triển khai theo các trình tự khác nhau, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
| ***MB:***  - Giới thiệu khung cảnh sinh hoạt được tả  -Thời gian, địa điểm  ***TB:***  - Tả cảnh sinh hoạt chung bằng cái nhìn bao quát  - Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần  - Tả sự thay đổi của sự vật, của bức tranh sinh hoạt trong thời gian, không gian.  ***KB:***  Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 1.0 |

**C. Dặn dò:**

- GV lấy điểm vào sổ, nhận xét về ý thức của HS trong giờ trả bài

- Về nhà chuẩn bị nội dung cho bài: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.